

Đề 1

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

“Một ngày tù nghìn thu ở ngoài
Lời nói người xưa đâu có sai
Sống khác loài người vừa bốn tháng
Tiêu tụy còn hơn mười năm trời.

Bởi vì:

Bốn tháng cơm không no
Bốn tháng đêm thiếu ngủ
Bốn tháng áo không thay
Bốn tháng không giặt giũ.

Cho nên:

Răng rụng mất một chiếc
Tóc bạc thêm mấy phân
Gầy đen như quỷ đói
Ghẻ lở mọc đầy thân.

May mà:

Kiên trì và nhẫn nại
Không chịu lùi một phân
Vật chất tuy đau khổ
Không nao núng tinh thần”.

(“Bốn tháng rồi”, Hồ Chí minh)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2. Nêu nội dung chính của bài thơ.

Câu 3. Chỉ ra 01 biện pháp nghệ thuật có trong bài thơ và phân tích hiệu quả nghệ thuật.

Câu 4: “May mà:

Kiên trì và nhẫn nại

Không chịu lùi một phân

Vật chất tuy đau khổ

Không nao núng tinh thần”.

Đoạn thơ trên gợi cho Anh/Chị những suy nghĩ gì?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Từ ý thơ phần Đọc hiểu, Anh/chị hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ về tính lạc quan trong cuộc sống.

Câu 2: (5 điểm) Nhận xét về hình tượng người lái đò trong thiên tùy bút “Người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân, có ý kiến cho rằng: “Trong cuộc chiến đấu không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc, ông đò là vị chỉ huy trí dũng tuyệt vời”. Ý kiến khác lại cho rằng: “Trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh, ông đò là người nghệ sĩ có “tay lái ra hoa”.

Bằng cảm nhận về hình tượng người lái đò, hãy trình bày suy nghĩ của Anh/Chị về các ý kiến trên

Đề 2

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Sáu con người, do sự tình cờ của số phận, mắc kẹt vào cùng một cái hang rất tối và lạnh. Mỗi người chỉ còn một que củi nhỏ trong khi đồng lửa chính đang lụi dần.

Người phụ nữ đầu tiên định quẳng que củi vào lửa, nhưng đột nhiên rụt tay lại. Bà vừa nhìn thấy một khuôn mặt da đen trong nhóm người da trắng. Người thứ hai lướt qua các bộ mặt quanh đồng lửa, thấy một người trong số đó không đi chung nhà thờ với ông ta. Vậy là thanh củi cũng bị thu về. Người thứ ba trầm ngâm trong một bộ quần áo nhàu nát. Ông ta kéo áo lên tận cổ, nhìn người đối diện, nghĩ thầm: “Tạo sao mình lại phải hi sinh thanh củi để sưởi ấm cho con heo béo ị giàu có kia?”. Người đàn ông giàu lui lại một chút, nhảm tính: “Thanh củi trong tay, phải khó nhọc lắm mới kiếm được, tại sao ta phải chia sẻ nó với tên khố rách áo ôm lười biếng đó?”. Ánh lửa bùng lên một lần cuối, soi rõ khuôn mặt người da đen đang đánh lại, lộ ra những nét hằn thù: “Không, ta không cho phép mình dùng thanh củi này sưởi ấm những gã da trắng!”.

Chỉ còn lại người cuối cùng trong nhóm. Nhìn những người khác trầm ngâm trong im lặng, anh ta tự nhủ: “Mình sẽ cho thanh củi, nếu có ai đó ném phân của họ vào đồng lửa trước.”

Cứ thế, đêm xuống dần. Sáu con người nhìn nhau căng thẳng, tay nắm chặt những que củi. Đồng lửa chỉ còn than đỏ rồi lụi tắt. Sáng hôm sau, khi những người cứu hộ tới nơi, cả sáu đều đã chết cồng...

(Theo Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Kể tên các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2. Người viết văn bản trên đã đặt các nhân vật vào một tình huống như thế nào? Ý nghĩa của cách tạo dựng tình huống đó?

Câu 3. Theo anh/chị, trong văn bản trên, có những nguyên nhân nào khiến cả sáu người chết cồng?

Câu 4. Hãy đặt tiêu đề cho văn bản.

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về cách nghĩ và hành động của sáu con người trong câu chuyện trên.

Câu 2 (5,0 điểm) Nhận xét về bài kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, có ý kiến cho rằng: *Từ thượng nguồn dòng chảy đến lúc đổ ra biển sông Hương đã đi với Huế cả một mối tình trọn vẹn.*

Bằng việc cảm nhận về đẹp của sông Hương qua thủy trình của nó, anh/chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Đề 3

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Anh ngã xuống đường băng Tân Sơn Nhất
Nhưng Anh gượng đứng lên tì súng trên xác trực thăng
Và Anh chết trong khi đang đứng bắn
Máu Anh phun theo lửa đạn cầu vồng.
Chợt thấy anh giặc hoảng hốt xin hàng
Có thằng sụp dưới chân anh tránh đạn
Bởi anh chết rồi, nhưng lòng dũng cảm
Vẫn đứng đàng hoàng nổ súng tiến công.
Anh tên gì hồi Anh yêu quý
Anh vẫn đứng lặng im như bức thành đồng
Như đôi dép dưới chân anh giẫm lên bao xác Mỹ
Mà vẫn một màu bình dị, sáng trong
Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ
Anh chẳng để lại gì cho riêng Anh trước lúc lên đường
Chỉ để lại cái dáng đứng ViệtNamtạc vào thế kỷ
Anh là chiến sĩ Giải phóng quân.
(Dáng đứng Việt Nam, Lê Anh Xuân)

Câu 1. Chỉ ra những phương thức biểu đạt của đoạn thơ trên.

Câu 2. Ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn thơ trên có đặc điểm gì?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: “*Anh vẫn đứng lặng im như bức thành đồng*”.

Câu 4.

*Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ
Anh chẳng để lại gì cho riêng Anh trước lúc lên đường
Chỉ để lại cái dáng đứng ViệtNamtạc vào thế kỷ
Anh là chiến sĩ Giải phóng quân.*

Đoạn thơ trên đã gợi cho Anh/chị tình cảm gì của người chiến sĩ giải phóng quân?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Từ văn bản, Anh/Chị hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về đức hi sinh trong xã hội ngày nay.

Câu 2: (5 điểm)

”*Những đường Việt Bắc của ta*

...

Vui lên Việt Bắc, đèo De núi Hồng.”

Cảm nhận của Anh/Chị về âm vang hào hùng của chiến thắng Điện Biên Phủ qua việc phân tích đoạn thơ trên

Đề 4

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Nếu ngày mai em không làm thơ nữa
Cuộc sống trở về bình yên
Ngày nói nhau trên đường phố êm đềm
Không nổi khổ, không niềm vui kinh ngạc
Trận mưa xuân đầu làm ướt áo
Nhưng lòng em còn cảm xúc chi đâu
Mùa đông về quên nỗi nhớ nhau
Không xôn xao khi nắng hè đến sớm
Chuyện hôm nay sẽ trở thành kỉ niệm
Màu phượng chẳng nồng nàn trên lối ta đi.
Gió thổi nơi này không lạnh tới nơi kia
Lời nói tâm tình trở nên nhạt nhẽo
Nghe tiếng con tàu em không thể hiểu
Tâm lòng anh trong mỗi chuyến đi xa
Em không còn thấy nhớ những sân ga
Những nơi đã đi, những nơi chưa hề đến
Khát vọng anh dấu hoà trong sóng biển
Sóng xô bờ chẳng rộn đến tâm tư.

(Trích “Nếu ngày mai em không làm thơ nữa” – Xuân Quỳnh,
Xuân Quỳnh thơ và đời, NXB Văn hóa 1998, tr.15)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ ?

Câu 2. Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để thể hiện suy tưởng của mình trong đoạn thơ thứ hai và thứ ba?

Câu 3. Nhân vật trữ tình hình dung mình sẽ thay đổi như thế nào nếu không làm thơ nữa? Câu 4. Nêu giả định “Nếu ngày mai em không làm thơ nữa”, qua đoạn thơ tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích phần đọc hiểu, anh/chị hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của thơ ca đối với đời sống con người?

Câu 2 (5.0 điểm)

Người ta không bao giờ biết hết mọi thứ cần biết về con người. Nhưng có một điều người ta biết chắc rằng: nó, cái bản chất ấy sẽ không thôi làm con người bất ngờ. Văn học là nỗ lực không ngừng trong việc khám phá những bất ngờ ấy trong bản chất con người. (Môset)

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ cảm nhận về một nhân vật trong truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa, anh (chị) hãy làm rõ sự nỗ lực của Nguyễn Minh Châu trong việc khám phá những bất ngờ trong bản chất con người.

Đề 5

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

(1) Tuổi trẻ là đặc ân vô giá của tạo hóa ban cho bạn. Vô nghĩa của đời người là để tuổi xuân trôi qua trong vô vọng.(...) Người ta bảo, thời gian là vàng bạc, nhưng sử dụng đúng thời gian của tuổi trẻ là bảo bối của thành công. (...) Thế giới này là bạn, đất nước này là của chúng ta. Chúng ta không thể ngồi nhìn đồng bào nghèo khó mãi. Đừng ngồi quây quần thường xuyên bên góc bếp, và cũng đừng thu mình một góc trong nhà trọ nhỏ nhoi, hãy ra đi để nhìn để hiểu; đừng đắm đuối trên màn hình máy tính, trên "smartphone" bằng những câu chuyện phiếm giết thời gian, mà hãy dùng nó như một công cụ nối liền thế giới bên ngoài.

(2) Biến tri thức của loài người, của thời đại thành tri thức bản thân và cộng đồng, vận dụng vào hoạt động thực tiễn của mình. Trước mắt là tích lũy tri thức khi còn ngồi trên ghế nhà trường để mai ngày khởi nghiệp. Tự mình xây dựng các chuẩn mực cho bản thân, nhận diện cái đúng, cái sai, cái đáng làm và cái không nên làm. Trường đời là trường học vĩ đại nhất, nhưng để thành công bạn cần có nền tảng về mọi mặt, thiếu nó không chỉ chông chênh mà có khi vấp ngã.

(3) Hoạt động xã hội, đây là dòng sông cuộc đời. Phù sa sẽ về với bạn để mùa màng, cây lá tốt tươi. Đắm mình trong thực tiễn sẽ cho bạn tình yêu thương, cảm thông và trân trọng con người, để mình cố gắng sống tốt hơn, trách nhiệm hơn. Đây cũng là cách để bạn tận hiến những gì cao đẹp cho đời.

(Trích Bài phát biểu của PGS.TS Nguyễn Văn Minh – Hiệu trưởng Đại học sư phạm Hà Nội nhân dịp kỉ niệm ngày 26/ 03/ 2016)

Câu 1. Những quan điểm chủ yếu của người viết trong đoạn trích trên là gì?

Câu 2. Trong đoạn (1), người viết đã sử dụng những thao tác lập luận nào?

Câu 3. Theo anh/ chị, các ý kiến sau có mâu thuẫn nhau không? Tại sao?

- "Tích lũy tri thức khi còn ngồi trên ghế nhà trường để ngày mai khởi nghiệp"

- "Đắm mình trong thực tiễn sẽ cho bạn tình yêu thương, cảm thông và trân trọng con người, để mình cố gắng sống tốt hơn, trách nhiệm hơn."

Câu 4. Anh/ chị có lời khuyên nào dành cho những bạn trẻ vẫn còn "thu mình một góc trong nhà trọ nhỏ nhoi" hay "đắm đuối trên màn hình máy tính, trên "smartphone" bằng những câu chuyện phiếm giết thời gian"?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1. (2 điểm) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về bài học được nêu trong phần đầu của văn bản đọc hiểu: "*Tuổi trẻ là đặc ân vô giá của tạo hóa ban cho bạn. Vô nghĩa của đời người là để tuổi xuân trôi qua trong vô vọng.*"

Câu 2. (5 điểm) Nhận xét về bài thơ Tây Tiến, tác giả Hà Minh Đức Viết: *Tây Tiến là bài thơ giàu nhạc điệu, nhạc điệu của cuộc sống và của tâm hồn* (Nxb Văn học, 2006, tr.67-68). Anh/Chị hãy làm rõ ý kiến đó qua việc phân tích khổ thơ thứ 2 của bài.

Đề 6

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

[1] ...Thật khó để rao giảng sự tự hào dân tộc. Hầu như chúng ta có cảm xúc đó trong một hoàn cảnh cụ thể khi chúng ta đứng trước một biển người cùng hòa vang quốc ca hoặc khi chúng ta nghe một câu chuyện thành công của những nhân tài của đất nước hay chúng ta bất bình trước một vấn đề ảnh hưởng đến con người và quê hương mình. Nhưng hãy nói về một câu chuyện đơn giản hơn, ở lứa tuổi học sinh, chúng ta sẽ thể hiện sự tự hào đó như thế nào?

[2] Tự hào dân tộc không phải là việc chúng ta thuộc ca dao, tục ngữ, thơ văn lưu loát mà là có sự cảm nhận về vẻ đẹp của văn hóa dân tộc và mang trong mình tâm thế chia sẻ, quảng bá những vẻ đẹp truyền thống của đất nước ra thế giới. Tự hào dân tộc không phải là việc chúng ta thuộc lòng những tình tiết lịch sử nước nhà mà là tôn trọng các nền văn hóa, các quốc gia khác nhau và biết hành động vì vị thế của đất nước. Tự hào dân tộc không phải là việc vỗ ngực xưng tên, xem nhẹ các nền văn hóa khác mà là thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế.

(Trích Thư gửi học sinh nhân ngày tựu trường năm học 2016-2017, Marcel van Miert.)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2: Theo tác giả, niềm tự hào dân tộc xuất hiện trong hoàn cảnh cụ thể nào?

Câu 3: Chỉ rõ biện pháp tu từ cú pháp trong đoạn [2] của văn bản và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ đó.

Câu 4: Quan điểm của anh/chị về ý kiến: "*Tự hào dân tộc không phải là việc chúng ta thuộc ca dao, tục ngữ, thơ văn lưu loát mà là có sự cảm nhận về vẻ đẹp của văn hóa dân tộc và mang trong mình tâm thế chia sẻ, quảng bá những vẻ đẹp truyền thống của đất nước ra thế giới*".

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: Tự hào dân tộc không phải là việc vỗ ngực xưng tên, xem nhẹ các nền văn hóa khác mà là thể hiện bản sắc người Việt trong bối cảnh quốc tế.

Câu 2. (5,0 điểm) Cảm nhận của anh/chị về hình tượng Đất nước trong đoạn trích Đất Nước - Trường ca Mặt đường khát vọng của Nguyễn Khoa Điềm (Ngữ văn 12, Tập một)

Đề 7

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

(1) Rất nhiều người kiếm tìm sự an toàn và chắc chắn trong tư duy số đông. (2) Họ nghĩ rằng nếu số đông người đang làm việc gì đó, việc đó chắc chắn phải đúng. (3) Đó phải chăng là một ý tưởng tốt? (4) Nếu mọi người chấp nhận nó, phải chăng đó là biểu tượng cho sự công bằng, liêm chính, lòng từ bi và sự nhạy cảm? (5) Không hẳn. (6) Tư duy số đông cho rằng Trái đất là tâm điểm của vũ trụ, nhưng Copernicus nghiên cứu những vì sao, các hành tinh và chứng minh một cách khoa học rằng Trái đất và những hành tinh khác trong thái dương hệ của chúng ta đang quay quanh Mặt trời. (7) Tư duy số đông cho rằng phẫu thuật không cần những dụng cụ y tế sạch, nhưng Joseph Lister đã nghiên cứu tỉ lệ tử vong cao trong các bệnh viện và giới thiệu biện pháp khử trùng, ngay lập tức cứu được bao nhiêu mạng người. (8) Tư duy số đông cho rằng phụ nữ không nên có quyền bỏ phiếu, tuy nhiên những người như Emmeline Pankhurst và Susan B. Anthony đã đấu tranh và giành được quyền đó. (9) Tư duy số đông đưa Hitler lên nắm quyền lực ở Đức, nhưng đế chế của Hitler đã giết hại hàng triệu người và gần như tàn phá cả châu Âu. (10) Chúng ta luôn cần nhớ rằng có một sự khác biệt lớn giữa sự chấp nhận và trí tuệ. (11) Mọi người có thể nói rằng có sự an toàn trong một số trường hợp tư duy số đông, nhưng nó không phải lúc nào cũng đúng.

(Trích *Tôi tư duy, tôi thành đạt* – John Maxwell)

Câu 1. Đoạn văn được viết theo phương thức biểu đạt nào là chính?

Câu 2. Anh/chị hãy xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn từ câu (6) đến câu (9).

Câu 3. Anh/ chị hiểu như thế nào là tư duy số đông?

Câu 4. Suy nghĩ của anh/chị về câu nói: "Rất nhiều người kiếm tìm sự an toàn và chắc chắn trong tư duy số đông". Anh/chị ứng xử với tư duy số đông như thế nào?

Phần 2 Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Từ nội dung phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về vấn đề: *Tư duy số đông có phải là lực cản của sự thành công?*

Câu 2. (5,0 điểm):

Có ý kiến cho rằng: ở truyện ngắn *Vợ nhặt*, Kim Lân chú tâm miêu tả kỹ lưỡng hiện thực tàn khốc trong nạn đói thể thảm mùa xuân 1945. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: Ở tác phẩm này, nhà văn chủ yếu hướng vào thể hiện vẻ đẹp tiềm ẩn của những người dân nghèo sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ.

Từ cảm nhận của mình về tác phẩm, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

Đề 8

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Mong ước đầu tiên và lớn nhất của tôi là các con sẽ trở thành người tử tế, sau đó là cháu sẽ có một cuộc sống hạnh phúc.

Sau này con có trở thành bất cứ ai trên cuộc đời này, làm bất cứ công việc gì thì cũng làm việc một cách tử tế, ứng xử với bản thân, với gia đình, bạn bè, những người xung quanh, với cộng đồng và thậm chí là với cả trái đất này một cách tử tế! Việc cháu tiếp tục học ở đâu, làm việc gì là tùy vào sở thích, niềm đam mê và năng lực của cháu. Tôi và gia đình hoàn toàn tôn trọng vào sự lựa chọn và quyết định của con mình.

(Thạc sĩ Đinh Thị Thu Hoài – Giám đốc Trung tâm Đào tạo Kỹ năng sống Insight, mẹ của "cậu bé vàng" Đỗ Hải Nhật Minh trả lời phỏng vấn báo Giáo dục và Thời đại số 24 ngày 28-1-2017, trang 7)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng ở đoạn trích trên.

Câu 2. Theo em, trình tự lập luận trong đoạn trích trên được trình bày theo phương pháp nào? (diễn dịch, quy nạp hay tổng-phân-hợp) Câu 3. Xác định nội dung cơ bản của đoạn trích?

Câu 4. Là một người trẻ tuổi, anh/chị có tán đồng với mong ước về tương lai tuổi trẻ của vị phụ huynh thể hiện trong đoạn trích trên không? Vì sao?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc-hiểu:

Sau này con có trở thành bất cứ ai trên cuộc đời này, làm bất cứ công việc gì thì cũng làm việc một cách tử tế, ứng xử với bản thân, với gia đình, bạn bè, những người xung quanh, với cộng đồng và thậm chí là với cả trái đất này một cách tử tế

Câu 2. (5,0 điểm)

Tùy bút Sông Đà là thành quả nghệ thuật đẹp đẽ mà nhà văn Nguyễn Tuân đã thu hoạch được trong chuyến đi thực tế gian khổ và hào hứng tới miền Tây Bắc rộng lớn, xa xôi của Tổ quốc. Nơi đây, ông đã khám phá ra chất vàng của thiên nhiên cùng "thứ vàng mười đã qua thử lửa" ở tâm hồn của những người lao động.

Theo anh/chị, "thứ vàng mười đã qua thử lửa" ở nhân vật người lái đò trong tùy bút Người lái đò sông Đà của Nguyễn Tuân là gì? Hãy làm rõ điều đó qua những gì mà anh/chị đã biết.

Đề 9

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

- Minh về thành thị xa xôi
Nhà cao, còn thấy núi đồi nữa chăng?
Phố đông, còn nhớ bản làng
Sáng đèn, còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?
Minh đi, ta hỏi thăm chùng
Bao giờ Việt Bắc tung bừng thêm vui?
- Đường về, đây đó gần thôi!
Hôm nay rời bản về nơi thị thành
Nhà cao chẳng khuất non xanh
Phố đông, càng giục chân nhanh bước đường.
Ngày mai về lại thôn hương
Rừng xưa núi cũ yêu thương lại về
Ngày mai rộn rã sơn khê
Ngược xuôi tàu chạy, bốn bề lưới giăng.

(Trích Việt Bắc - Thơ Tố Hữu – NXB Giáo dục 2003)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

Câu 2: Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của một biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 3: Nêu kết cấu và tóm tắt nội dung của đoạn trích?

Câu 4: Điều anh / chị tâm đắc nhất trong đoạn trích trên là gì? (Trình bày từ 5 đến 7 dòng)

Phần 2. Làm văn (7,0 ĐIỂM)

Câu 1. (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh chị về lối sống tình nghĩa của con người được gợi ra từ đoạn trích ở phần Đọc hiểu?

Câu 2. (5,0 điểm)

Nhận xét về giá trị hiện thực của truyện ngắn Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài, có ý kiến cho rằng: Truyện là bức tranh chân thực về số phận đau khổ của đồng bào dân tộc miền núi dưới chế độ phong kiến chúa đất.

Bằng việc phân tích tác phẩm, hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Đề 10

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

- (1) Một lần tình cờ tôi đọc được bài viết “Hạnh phúc là gì?” trên blốc của một người bạn.
(2) Bạn ấy viết rằng: "Hạnh phúc là được nằm trong chăn ấm xem ti vi cùng với gia đình.
(3) Hạnh phúc là được trùm chăn kín và được mẹ pha cho cốc sữa nóng. (4) Hạnh phúc là được cùng đưa bạn thân nhong nhong trên khắp phố. (5) Hạnh phúc là ngồi co ro hàng giờ trong quán cà phê, nhấm nháp li ca-cao nóng và bàn chuyện chiến sự... thế giới cùng anh em chiến hữu...".
(6) Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao? (7) Ừ nhỉ! (8) Dường như lâu nay chúng ta chỉ quen với việc than phiền mình bất hạnh chứ ít khi biết được rằng mình đang hạnh phúc. (9) Hãy một lần thử nghĩ xem: Khi chúng ta than phiền vì bố mẹ quá quan tâm đến chuyện của mình thì ngoài kia biết bao nhiêu người thèm hơi ấm của mẹ, thèm tiếng cười của bố, thèm được về nhà để được mắng; khi chúng ta cảm thấy thiệt thòi khi không được ngồi xe hơi chỉ vì phải chạy xe máy giữa trời nắng thì ngoài kia biết bao nhiêu bạn của chúng ta mồ hôi nhễ nhại, gò mình đạp xe lên những con dốc vắng; khi chúng ta bất mãn với chuyện học hành quá căng thẳng thì ngoài kia biết bao người đang khao khát một lần được đến trường, một lần được cầm cây bút để viết lên những ước mơ; khi chúng ta...

(Dẫn theo Bài tập Ngữ văn 11, tập 2, NXB Giáo dục 2007)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ của đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2: Tại sao tác giả lại “Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao?”? (1,0 điểm)

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (9). (1,0 điểm)

Câu 4: Anh/Chị hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Qua đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) bày tỏ suy nghĩ của mình về: Hạnh phúc của giới trẻ trong thời đại ngày nay.

Câu 2. (5,0 điểm)

Trong cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba và Đế Thích, nhân vật Hồn Trương Ba nói « không thể bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn ». Anh(chị) hãy phân tích tính bi kịch và khát vọng của nhân vật Hồn Trương Ba trong trích đoạn kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt để làm sáng tỏ lời thoại của nhân vật.

Đề 11

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Đôi khi, một lời khen ngợi, động viên được nói ra đúng lúc có tác động phi thường mà ngay chính bản thân người tạo ra lời khen ấy cũng không ngờ đến.

Một cậu bé khác ở Luân Đôn làm nhân viên trong một cửa hàng bán thực phẩm khô. Cậu phải thức dậy lúc năm giờ sáng dọn dẹp cửa hàng, làm việc vất vả suốt mười bốn giờ trong ngày. Đây là công việc thuần túy chân tay và cậu ghét nó. Sau hai năm, cậu không thể nào chịu đựng được nữa. Một buổi sáng thức dậy, không đợi ăn sáng, cậu cuộc bộ mười lăm dặm đi tìm mẹ, lúc đó đang giúp việc cho một gia đình giàu có, để nói lên suy nghĩ của mình. Sau đó, cậu viết một bức thư dài cho thầy giáo cũ của cậu, tâm sự rằng mình rất đau khổ, không muốn sống nữa. Người thầy an ủi và khuyến khích cậu, cam đoan rằng cậu thực sự thông minh và thích hợp cho những công việc còn tốt hơn thế. Ông sẵn sàng tìm cho cậu một chân giáo viên ở làng.

Người thầy đã thực hiện một nghĩa cử cao đẹp cho cậu học trò của mình. Lời động viên đúng lúc của ông thay đổi cả tương lai cậu bé. Người thầy này đã góp phần tạo nên một nhân cách đặc biệt trong lịch sử văn học Anh. Bởi vì ngay sau đó, cậu bắt đầu viết và nhanh chóng trở thành tác giả của vô số những tác phẩm bán chạy nhất nước Anh, kiếm trên một triệu đô-la bằng ngòi bút của mình. Đó là H.G.Wells.

(Theo Dale Carnegie, Đắc nhân tâm, NXB Tổng hợp

Tp.HCM, 2015)

Câu 1 : Văn bản trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào ?

Câu 2 : Xác định nội dung chính của văn bản trên?

Câu 3 : Vì sao cậu bé trong văn bản trên từ chỗ “đau khổ”, “không muốn sống nữa” sau đó lại trở thành người có ích cho cuộc đời ?

Câu 4 : Bài học sâu sắc nhất mà anh/chị rút ra từ văn bản trên là gì ?

Phần 2. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1 : (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến sau : Đôi khi, một lời khen ngợi, động viên được nói ra đúng lúc có tác động phi thường mà ngay chính bản thân người tạo ra lời khen ấy cũng không ngờ đến.

Câu 2: (5,0 điểm)

Cảm nhận về hình tượng tiếng đàn trong bài thơ *Đàn ghi ta của Lorca* của Thanh Thảo. Từ đó, trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức sống bất diệt của nghệ thuật chân chính.

Đề 12

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu – Trưởng Bộ môn Tâm lý học Ứng dụng, ĐH Sư phạm TPHCM nhận định: “Hành động tự thiêu để câu like là một minh chứng hùng hồn cho trào lưu sống ảo của một bộ phận bạn trẻ ngày nay. Trào lưu xấu xí này đã lên đến đỉnh điểm khi một số bạn bắt đầu bất chấp cả tính mạng để có thể nổi tiếng phút chốc trên mạng xã hội. Nên nhớ, giữa số like và trí tuệ thì trí tuệ mới chính là thứ giúp bạn nổi tiếng hoặc thành công thật sự và lâu dài. Còn mạo hiểm tính mạng, bạn có thể có số like cao nhất thời nhưng nếu gặp sự cố sẽ để lại di chứng cho đến suốt đời. Hành động tương tự như trên nghĩa là bạn tàn phá cơ thể, tàn phá công lao nuôi dưỡng của gia đình, đang tàn phá cả tương lai”.

Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu cũng khuyến cáo thêm: “Cu dân mạng hãy tỉnh táo, đừng bao giờ phí nút like cho những hành động kiểu này, nếu không, chính chúng ta là một kẻ tiếp tay cho những cá nhân “thèm khát nổi tiếng đến mức không thể tin nổi” đưa mình vào vòng nguy hiểm. Ngưng sống ảo, tập trung vào làm việc. Cuộc sống của bạn sẽ tốt hơn nhiều. Ngưng like dạo, chỉ lan truyền những trào lưu đẹp. Cuộc đời quanh bạn sẽ thú vị hơn nhiều”.

(Theo Võ Thẩm, Like là làm – Trào lưu mới phản cảm, Báo Sài Gòn giải phóng, 25/09/2016)

Câu 1 (0,5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên?

Câu 2 (0,5 điểm): Anh/ chị hiểu thế nào là “*thèm khát nổi tiếng đến mức không thể tin nổi*”?

Câu 3 (1,0 điểm): Theo anh/chị, vì sao tác giả cho rằng: *Ngưng sống ảo, tập trung vào làm việc. Cuộc sống của bạn sẽ tốt hơn nhiều!*

Câu 4(1,0 điểm): Thông điệp nào trong đoạn trích trên có ý nghĩa nhất đối với anh/chị?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1(2,0 điểm):

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu ở phần Đọc hiểu: *Nên nhớ, giữa số like và trí tuệ thì trí tuệ mới chính là thứ giúp bạn nổi tiếng hoặc thành công thật sự và lâu dài.*

Câu 2: (5 điểm)

Hãy nêu suy nghĩ và cảm nhận của anh chị về hình ảnh đôi bàn tay Tnú trong Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành. Từ đó bình luận ngắn gọn tính sử thi trong tác phẩm.

Đề 13

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Nhiều người Việt kiếm tiền bằng mọi giá, đánh đổi cả liêm xỉ, danh dự để có tiền. Sự kiếm tiền nào độc ác hơn là kiếm tiền trên sức khỏe và mạng sống đồng bào mình? Trung bình hai giờ đồng hồ có ba mươi người chết vì bệnh ung thư- một con số tàn nhẫn đến rợn người. Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau? Đó là câu hỏi trần trụi của không biết bao nhiêu người có lương tâm và dường như đến thời điểm này họ vẫn đang bất lực. Làm thế nào để con người biết yêu thương nhau hơn? Đơn giản vậy thôi nhưng nó quyết định vận mệnh của cả dân tộc, cả thế giới này. Người nông dân chỉ cần thương người tiêu dùng một chút đã không nhẫn tâm tưới thuốc độc lên rau củ quả để đào huyệt chôn đồng bào mình và chôn sống chính mình. Các quan chức chỉ cần bớt lãng phí một chút thôi, sẽ có bao nhiêu bệnh viện được xây và bao nhiêu đứa trẻ được đến trường.

(Lê Bình, trích *Tạp chí kinh tế tuần Bính Thân- Phẳng hay không phẳng*, VTV1, 12/2/2016)

Câu 1. Đoạn trích trên được trình bày theo phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Tác giả thể hiện thái độ gì đối với các vấn đề còn tồn tại của xã hội? Thái độ đó được bộc lộ qua những yếu tố ngôn ngữ nào?

Câu 3. Theo tác giả, vấn đề cơ bản nhất cần giải quyết là gì?

Câu 4. Từ góc độ cá nhân, anh/chị hãy trả lời câu hỏi: *Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau?* (trình bày khoảng 5 đến 7 dòng)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của Anh(chị) về vấn đề được nêu ở phần đọc hiểu : *“Nhiều người Việt kiếm tiền bằng mọi giá, đánh đổi cả liêm xỉ, danh dự để có tiền”*

Câu 2: (5 điểm)

Làm sáng tỏ nhận định trên bằng cách cảm nhận bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh *“Sóng của Xuân Quỳnh không chỉ là “hoa dọc chiến hào” mà còn là bài thơ đi cùng năm tháng”*

Đề 14

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Khi nhìn cuộc đời với ánh mắt tiêu cực, người ta sẽ luôn thấy hoài nghi, lo âu, sợ hãi. Lúc đó, người ta sẽ không làm việc tốt hơn, ít yêu thương hơn, ít cống hiến hơn; sẽ đánh mất tiềm năng và sự tốt đẹp trong bản thân họ. Sự quá tải thông tin tiêu cực sẽ làm mất niềm tin, không mang lại cho xã hội sự an toàn hơn và không giúp cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

...Khi gửi niềm tin yêu vào con người, nếu ta là một người sống hết mình vì mọi người, luôn tin tưởng, sẵn sàng bao dung và tha thứ thì ta sẽ có niềm tin và sẽ sống có ý nghĩa hơn.

Chúng ta không nên chỉ nhìn vào những mặt trái của cuộc sống rồi vội đánh mất niềm tin vào bản thân, vào thế giới xung quanh. Trách nhiệm tìm lại niềm tin vào cuộc sống phải là tự thân mỗi người. Hãy tự vấn ta đã và sẽ làm gì cho cuộc đời này, cho xã hội này ngày càng đáng sống hơn. Đừng nghĩ là xã hội vô cảm và dân thiếu vắng người tốt. Lòng tốt vẫn quanh đây. Chúng ta không sợ người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì.

(Đừng đánh mất niềm tin của Diệp Văn Sơn, báo Người lao động số ra ngày 30/8/2015)

Câu 1: Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2: Theo tác giả, những nguyên nhân nào khiến con người mất niềm tin?

Câu 3: Vì sao tác giả cho rằng: "Trách nhiệm tìm lại niềm tin vào cuộc sống phải là tự thân mỗi người"?

Câu 4: Văn bản trên đã mang đến cho anh/chị thông điệp gì? Ý nghĩa của thông điệp ấy đối với cuộc sống cá nhân?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trong đoạn trích ở phần Đọc – hiểu: "Chúng ta không sợ người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì."

Câu 2 (5 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu qua bài thơ "Sóng" của Xuân Quỳnh.

Đề 15

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

“Hài hước cũng phải học, học để thường thức được cái hài, học để diễn được cái hài. Chính khách nhiều nước phải thuê thầy riêng đến nhà dạy cách pha trò hài hước. Hài để làm cho việc tuyên truyền được vui vẻ tự nhiên đậm đà ý nhị. Hài để tấn công đối thủ cũng đang đi vận động tuyên truyền lấy phiếu cử tri. Hài để đá bóng về sân đối phương. Hài để gỡ bí trong tình huống trở trêu khó xử. Lúc ấy mà mặt khó đăm đăm thì chắc chắn sẽ liệt, sẽ mất điểm.

Chính khách khi nói một câu hóm hình chưa chắc đã thực lòng nói, diễn đấy. Nghệ sĩ nhân dân đây nghệ sĩ ưu tú đấy. Nhưng cái hóm hình hài hước ấy thuyết phục cử tri và công chúng, vậy là đạt được mục đích. Cao hơn cả diễn nữa, là mình có khả năng hiểu được cái hài, thích cái hài, thậm chí được cái hài, mình cười một cách tự nhiên, pha trò một cách tự nhiên. Đây là của trời cho. Đây là người được thiên phú. Một tiếng cười bằng mười thang thuốc bổ”.

(Trích Không biết cười – Hồ Anh Thái, *Lang thang trong chữ*, Nxb Trẻ, 2015, tr. 56)

Câu 1: Chủ đề của đoạn văn là gì? Hãy đặt cho đoạn văn một tiêu đề mà anh (chị) cảm thấy thích hợp.

Câu 2. Tác giả đã nói về những tác dụng gì của cái hài và nói với giọng điệu ra sao? Hãy liệt kê các yếu tố hình thức cho phép anh (chị) nhận ra giọng điệu ấy.

Câu 3: Trong đoạn văn, từ “diễn” được tác giả dùng đến ba lần. Anh (chị) hiểu như thế nào về hàm nghĩa của từ này?

Câu 4. Từ điều tác giả Hồ Anh Thái gợi mở, hãy viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu nói về ý nghĩa của cái hài trong cuộc sống

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Gập máy tính lại. Tắt điện thoại đi. Hãy giao tiếp nhiều hơn với xã hội và tận hưởng cuộc sống thực tại

Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh chị về vấn đề trên

Câu 2: (5 điểm)

Phân tích hình tượng Đất nước từ phương diện địa lý – lãnh thổ trong trích đoạn “Đất Nước” (Trích “trường ca mặt đường khát vọng”) – Nguyễn Khoa Điềm



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Ăn tết rừng xong
từ già chú tắc kè
chúng tôi xuôi – ào ào con lũ đổ
các binh đoàn tràn vào thành phố
đang mùa thay lá những hàng me

Lá me vàng lăn tăn trải thảm phố hè
chồi xanh lăn tăn nơi đầu cành run rẩy
con gió thoảng chút hương rừng đầu đầy
hạt mưa đầu mùa trong suốt giữa lòng tay

Người bạn tôi không về tới nơi này
anh gục ngã bên kia cầu xa lộ
anh nằm lại trước cửa vào thành phố
giây phút cuối cùng chấm dứt cuộc chiến tranh

Đồng đội, bao người không “về tới” như anh
nằm lại Cầu Bông, Đồng Dù, và xa nữa ...
tất cả họ, suốt một thời máu lửa
đều ước ao thật giản dị:
sắp về!

(Thành phố Hồ Chí Minh, Tết Mậu Ngọ, 1978

(Trích Tiếng tắc kè kêu trong thành phố - Nguyễn Duy, Ánh trăng, NXB Tác phẩm mới, 1984)

Câu 1. Những phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong đoạn thơ?

Câu 2. Chỉ ra 02 biện pháp tu từ có trong bài thơ?

Câu 3. Hình ảnh người lính hiện lên như thế nào qua đoạn thơ?

Câu 4. Giai đoạn lịch sử nào được phản ánh trong đoạn thơ trên? Khát vọng sắp về thể hiện mong muốn gì của người lính và toàn dân tộc. Viết một đoạn văn khoảng 5-7 dòng thể hiện tình cảm của anh chị với người lính trong đoạn ?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Biến đổi khí hậu có phải là một trong những thách thức toàn cầu lớn nhất thế kỉ XXI?
Viết đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề trên?

Câu 2: (5 điểm) Cảm nhận của em về hình tượng sông Đà trong bài “Tuỳ bút người lái đò sông Đà” của Nguyễn Tuân.

Đề 17

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

“Anh dừng lại mua hoa để gửi hoa tặng mẹ qua đường bưu điện nhân ngày 8/3. Mẹ anh sống cách chỗ anh ở khoảng 300km. Khi bước ra khỏi xe, anh thấy một bé gái đang đứng khóc bên vỉa hè. Anh đến và hỏi nó sao lại khóc.

– Cháu muốn mua một bông hoa hồng để tặng mẹ cháu – nó nức nở – nhưng cháu chỉ có 75 xu trong khi giá bán hoa hồng đến 20 dola.

Anh mỉm cười và nói với nó:

– Đến đây chú sẽ mua cho cháu.

Anh liền mua cho cô bé và đặt một bó hồng gửi cho mẹ anh. Xong xuôi, anh hỏi cô bé có cần đi nhờ xe về nhà không. Nó vui mừng nhìn anh trả lời: – Dạ, chú cho cháu đi nhờ đến nhà mẹ cháu.

Nó chỉ đường cho anh lái xe đến một nghĩa trang, nơi có phần mộ vừa mới đắp. Nó chỉ vào ngôi mộ và nói:

– Đây là nhà của mẹ cháu.

Nói xong, nó ân cần đặt bông hoa hồng lên mộ. Tức thì anh quay lại tiệm bán hoa hủy bỏ dịch vụ gửi hoa và mua một bó hoa hồng thật đẹp. Suốt đêm đó anh đã lái xe một mạch 300km về nhà để trao tận tay mẹ bó hoa.”

(Quà tặng cuộc sống)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên là gì?

Câu 2: Theo anh/chị hai nhân vật: em bé và anh thanh niên, ai là người con hiếu thảo? Vì sao?

Câu 3: Tại sao người thanh niên lại hủy điện hoa để cả đêm lái xe về trao tận tay mẹ bó hoa?

Câu 4: Viết một đoạn văn ngắn khoảng 5-7 dòng về bài học anh chị rút ra từ câu chuyện trên?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 từ trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: “*thời ỷ lại là một căn bệnh nguy hiểm*”

Câu 2 (5 điểm)

Chất sử thi của truyện ngắn “Rừng xà nu” (Nguyễn Trung Thành) thể hiện ở nhiều phương diện của tác phẩm nhưng đậm nét nhất là ở đề tài, hình thức kể chuyện và hình tượng nhân vật Tnú.

Anh/chị hãy làm rõ nhận xét trên.

Đề 18

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Kẻ thù lớn nhất của tất cả chúng ta là sự lười biếng. Nếu chúng ta không lười biếng thì mọi cái mà chúng ta không thấy đều là các cơ hội, bởi vì càng khó khăn cơ hội càng lớn. Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi. Gọi là lý thuyết bên bờ vực. Tôi không bao giờ làm việc gì dễ và không làm việc gì mà người khác có thể ngay lập tức làm giống tôi được. Tôi gọi là lý thuyết bên bờ vực bởi vì kẻ định cạnh tranh với mình không dám theo gia mép vực để cạnh tranh và kẻ thù cũng không dám theo mình ra mép vực. Tôi nghĩ rằng không lười biếng và phải dũng cảm, hai cái đẩy tạo ra cơ hội. Các bạn đừng sợ. Khó khăn là thuốc kích thích để mỗi con người dũng cảm, sáng suốt và sống có lý tưởng. Mọi khó khăn là điềm báo tạo cơ hội.

(Ông Nguyễn Trần Bạt đối thoại với sinh viên Học viện Ngoại giao, nguồn chungta.com)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên.

Câu 2: Trong đoạn trích trên, có một số lỗi sai về chính tả và một lỗi ngữ pháp câu. Hãy chỉ ra lỗi và sửa lại cho đúng

Câu 3: Lý thuyết bên bờ vực được nhắc tới ở trên có những đặc điểm gì?

Câu 4: Anh/chị hiểu như thế nào về câu nói sau: *Khó khăn là thuốc kích thích để mỗi con người dũng cảm, sáng suốt và sống có lý tưởng?*

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: *Kẻ thù lớn nhất của tất cả chúng ta là sự lười biếng.*

Câu 2. (5 điểm)

Anh (chị) hãy phân tích nghệ thuật viết văn chính luận của Hồ Chí Minh trong phần mở đầu *'Tuyên ngôn độc lập'*

Đề 19

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

(1) Vụ chiếc tàu Titanic bị chìm ngoài khơi Bắc Đại Tây Dương đêm 15-4-1912 làm hơn 1500 người thiệt mạng đã không ngừng làm đề tài cho bao tác phẩm văn chương, nghệ thuật. Titanic có nghĩa là vĩ đại. Đặt tên như thế cho con tàu, con người muốn nói lên niềm kiêu hãnh cho một công trình có một không hai vào thời bấy giờ. Nhưng cái vĩ đại mà con người tưởng mình có thể đạt được trong tiến bộ khoa học kỹ thuật ấy không là gì trước sức mạnh thiên nhiên.

(2) Sau khi chiếc tàu vĩ đại ấy bị đắm, một tờ báo xuất bản ở Anh đã đăng kê nhau hai bức ảnh minh họa có nội dung như sau: Trong bức ảnh thứ nhất, người ta thấy chiếc tàu chạm vào tảng băng, bên dưới có dòng chữ: “Sự yếu đuối của con người và sức mạnh của thiên nhiên”. Còn bức ảnh thứ hai, người ta lại thấy một người đàn ông nhường chiếc phao cứu vớt của mình cho người đàn bà đang bế con trên tay. Lần này, bức ảnh được chú thích bằng dòng chữ: “Sự yếu đuối của thiên nhiên và sức mạnh của con người”.

(3) Sức mạnh, sự vĩ đại đích thực của con người hẳn không nằm trong khả năng chinh phục hay chế ngự thiên nhiên, mà chính là trong khả năng chế ngự được bản thân, vượt thắng sự ích kỉ. Mahatma Gandhi, người giành độc lập cho Ấn Độ bằng cuộc đấu tranh bất bạo động, đã nói: “Sức mạnh vĩ đại nhất mà nhân loại có trong tay chính là tình yêu”

(Tương Quan, *Phép màu nhiệm của đời*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004, tr.72-73)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên.(0,5 điểm)

Câu 2: Văn bản trên có ba đoạn văn, anh/chị hãy nêu nội dung của từng đoạn.

(0,75 điểm)

Câu 3: Anh/Chị hiểu như thế nào về “sức mạnh của con người” trong dòng chữ chú thích dưới bức ảnh thứ hai? (0,75 điểm)

Câu 4: Theo anh/chị, thông điệp sâu sắc nhất của văn bản trên là gì?(1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến của Mahatma Gandhi được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “*Sức mạnh vĩ đại nhất mà nhân loại có trong tay chính là tình yêu*”.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận về khổ thơ thứ 3 trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng “*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc ... Sông Mã gầm lên khúc độc hành*”

Đề 20

Thời gian làm bài 120 phút không kể thời gian giao đề



Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)

Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:

Sau khi hoàn thành bằng tiến sĩ về robot sinh học (cảm biến và giác quan của robot) Nguyễn Bá Hải từ chối công việc bên Hàn với mức lương khổng lồ mà trở về Việt Nam giảng dạy tại trường đại học Sư phạm Kỹ thuật với dự án làm “mắt thần”, đó chính là chiếc kính điện tử kỳ diệu dành cho người mù. “Mắt thần” là thiết bị đầu tiên ở Việt Nam hỗ trợ người khiếm thị nhận biết được vật cản trước mặt trong khoảng 1m. Thiết bị sẽ rung khi người người ta gặp vật cản. Thiết bị này sau 4 năm trải qua nhiều lần nghiên cứu thử nghiệm thực tế và thành công ở phiên bản thứ 9 vừa ra mắt gần đây. Và phiên bản thứ 9 này nhẹ bằng 1/10 và giá thành giảm 10 lần so với phiên bản đầu tiên.

Đã có người mua bản quyền nghiên cứu “mắt thần” với giá 2,3 tỉ đồng để sản xuất bán ra thị trường. Nhưng anh nhất định không bán mặc dù vợ chồng anh vẫn ở trọ trong thời gian giảng dạy nghiên cứu. Anh cho rằng thật vô nhân đạo nếu thương mại hóa sản phẩm này. Chính vì vậy, anh đồng ý hợp tác với công ty phi lợi nhuận sản xuất chiếc kính này với giá thành rẻ nhất với mong muốn năm 1000 người khiếm thị ở Việt Nam có “mắt thần” và không dừng lại ở “mắt thần”, chàng trai trẻ tuổi nhiều hoài bão của mình muốn cải tiến thiết bị này nữa, có thể chiếc kính giúp người khiếm thị đọc sách, nhận biết được mệnh giá tiền, xác định được họ đang đứng ở đâu, nhận biết được đồ ăn... Và xa hơn là trung tâm chăm sóc người khiếm thị, một địa chỉ giống “1080”

cho người mù sẵn sàng giúp đỡ họ bất cứ lúc nào. Anh quan điểm quan niệm: mình không giàu có bằng ai nhưng cứ cho đi bất cứ khi nào trong khả năng của mình. Vì thực sự cho đi giúp cho cuộc sống nhân văn hơn và mình hạnh phúc hơn.

(Đi tìm “mắt thần” cho người khiếm thị - Lê Tuyết)

Câu 1: Chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

Câu 2: Vì sao có thể coi “mắt thần” là trung tâm chăm sóc người khiếm thị?

Câu 3: Tác giả đã thể hiện tình cảm, thái độ gì đối với tiến sĩ Nguyễn Bá Hải?

Câu 4: Trình bày suy nghĩ về thông điệp tác giả gửi gắm trong văn bản?

Phần 2. Làm văn (7 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm): Hãy viết một đoạn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “....cho đi giúp cho cuộc sống nhân văn hơn và mình hạnh phúc hơn.”

Câu 2: (5 điểm)

Anh/ chị hãy phân tích đoạn thơ viết về “Bức tranh tứ bình” trong bài thơ Việt Bắc (Tố Hữu) để làm sáng tỏ tính dân tộc đậm đà – một trong những nét nổi bật của phong cách thơ Tố Hữu.

PHẦN ĐÁP ÁN

ĐÁP ÁN ĐỀ 1.

<p>Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)</p>	<p>Câu 1: Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm</p> <p>Câu 2: Kể về khoảng thời gian 4 tháng Bác Hồ bị nhốt trong nhà tù với sự đầy đọa về thể xác cũng như tinh thần, tuy thể tinh thần của người vẫn luôn lạc quan</p> <p>Câu 3: Biện pháp nghệ thuật liệt kê: Bốn tháng cơm không no, đêm thiếu ngủ, áo không thay, không giặt giũ. – Tác dụng: Nhấn mạnh chế độ hà khắc ở nhà tù và cuộc sống bị đầy đọa. (Có thể trả lời phép tu từ: So sánh, đối lập và phân tích được hiệu quả nghệ thuật)</p> <p>Câu 4. Đoạn thơ gợi cho chúng ta suy nghĩ về lòng kiên trì, nhẫn nại trong cuộc sống. Nếu thiếu kiên trì, nhẫn nại thì khó mà dẫn đến thành công trong mọi việc được. Vì vậy ta hãy cố gắng học tập, phấn đấu đến mục tiêu mà mình đã đặt ra. Chúng ta hãy kiên trì nhiều hơn nữa để có thể đạt được thứ mình mong muốn và được mọi người tôn trọng.</p>
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tính lạc quan</p> <p>2. Triển khai vấn đề</p> <p>- Giải thích: Lạc quan là gì? Lạc quan tức là không lo lắng thái quá, tinh thần luôn thoải mái dù khó khăn cận kề. Sự lạc quan làm tăng cơ hội thành công</p> <p>* Bàn luận vấn đề.</p> <p>- Biểu hiện của lạc quan +Lạc quan biểu hiện mạnh mẽ trong cuộc sống từ cách sống cách suy nghĩ và trong nhiều những hành động khác của con người, nếu một người luôn có thái độ lạc quan và tinh thần sống tốt thì trong tâm trí của họ lúc nào cũng tồn tại những điều rất dễ dàng và nó dễ dàng để họ có thể học tập và theo đuổi nó được. => Tinh thần sống : luôn tin tưởng vào những điều mình đã làm luôn nghĩ đến một tương lai tốt đẹp cho nó và khi khó khăn đến thì họ luôn tìm ra những giải</p>

	<p>pháp tối ưu nhất.</p> <p>- Tại sao cần phải lạc quan trong cuộc sống? +Thái độ và tinh thần lạc quan là điều quan trọng góp phần tạo nên sự thành công của con người, nó là điều quan trọng và là một thái độ sống đúng và mang một ý nghĩa mở và mang trong cuộc sống của chúng ra những điều tốt đẹp và ý nghĩa hơn. (Triển khai thành các ý)</p> <p style="text-align: center;">- Lấy dẫn chứng minh họa</p> <p>3. Kết thúc vấn đề - Nêu ra bài học cho bản thân.</p>	
<p>Làm văn.NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác giả, tác phẩm, hcst - Nêu nhận định đề bài đưa ra <p>Người lái đò Sông Đà” được coi là một trong những tác phẩm thành công xuất sắc nhất trong Tùy bút Sông Đà. Với khao khát truy tìm “chất vàng mười của tâm hồn vùng Tây Bắc – thứ vàng mười đã được thử lửa”, Nguyễn Tuân đã viết lên bài ca cuộc sống của con người và thiên nhiên Tây Bắc với nhiều nét độc sáng mới lạ. Có ý kiến cho rằng: “Trong cuộc chiến đấu không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc, ông đò là vị chỉ huy trí dũng tuyệt vời”. Ý kiến khác lại cho rằng: “Trong nghệ thuật vượt thác leo ghềnh, ông đò là người nghệ sĩ có “tay lái ra hoa”. Cần bình luận các ý kiến trên để có một cái nhìn đúng đắn và toàn diện về ông lái đò.</p> <p>2. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích nhận định đã cho. <p>Bức tranh thiên nhiên dữ dội, Sông Đà như con quái vật hiểm ác, kẻ thù số một kia chỉ là phong nền để tác giả tô vẽ, ngợi ca, tôn vinh sức mạnh kì vĩ của con người. Vì thế, hình tượng người lái đò sông Đà được nhà văn xây dựng như một dũng tướng tài ba, là một nghệ sĩ lão luyện trong nghề chèo đò vượt thác. Người lái đò sinh ra trên dòng sông Đà vì vậy từ khi sinh ra cho đến cuộc sống sau này, cuộc đời ông vẫn là những hành trình leo thác, vượt sông, hình như con người và thiên nhiên gắn bó mật thiết cho nên khi đã nghỉ đò mà ông vẫn nhớ về thác lũ và trận địa đá trên sông như một người nghệ sĩ tài hoa trên chính nghề</p>	

	<p>nghiệp của mình.</p> <p>- Lí do Nguyễn Tuân chọn ông lái đò làm đối tượng sáng tác của mình</p> <p>+ Với Nguyễn Tuân, quan niệm sáng tác của ông là dù viết về bất cứ nghề nào thì con người cũng chính là người nghệ sĩ trên nghề nghiệp của mình. Ông lái đò dù tuổi đã ngoài 70 nhưng tay lái vẫn nở hoa trên dòng sông Đà.</p> <p>+ Sự thay đổi về quan niệm sáng tác đi từ cái tôi đến cái ta chung</p> <p>+ Chọn ông lái đò là nhân vật không tên NT muốn đưa ông đò trở thành nhân vật điển hình trong văn chương, đại diện cho những con người anh hùng trong thời đại đi lên xây dựng CNXH</p> <p>- Vẻ đẹp về ngoại hình của ông lão lái đò</p> <p>* Phân tích vẻ đẹp về tài năng và tâm hồn của người lái đò để là rõ 2 nhận định.</p> <p>- Trước hết ông lão lái đò là một người trí dũng, song toàn và rất mực bản lĩnh</p> <p>Để làm nổi bật phẩm chất này, Nguyễn Tuân đã có dụng ý nghệ thuật sâu xa là để cho người lái đò xuất hiện trên một hoàn cảnh đầy thử thách, khốc liệt</p> <p>+ Ông rất thích lướt trên những đoạn thác hồng hộc, hùng beo như ở thượng lưu của con Sông Đà</p> <p>+ Ông nói rằng nếu lái đò ở những đoạn không có thác thì rất dễ buồn ngủ và dễ dãi chân tay.</p> <p>+ Cuộc thủy chiến ác liệt giữa người lái đò và sóng thác sông Đà: (vượt qua trùng vi thạch trận) “Sóng nước thúc gối vào bụng và hông thuyền... có lúc chúng đội cả thuyền lên... sóng thác đã đánh đến miếng đòn hiểm độc nhất”. Có lúc tưởng như ông lái đò sẽ bị con thủy quái sông Đà vô cùng hung bạo ấy ngẫu nhiên nuốt chửng. Trước sức mạnh của kẻ thù số một của con người, ông lái đò vẫn không hề nao núng, trái lại vẫn bình tĩnh chủ động chiến đấu một cách dũng cảm đầy mưu trí như một vị chỉ huy tài trí tuyệt vời, điều khiển con thuyền lần lượt vượt qua các thác ghềnh như “Phá cái trận đò bát quái của dòng sông hung bạo”.... người lái đò vẫn “Cưỡi lên thác sông Đà... đến cùng như cưỡi hổ</p> <p>⇒ Đánh giá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật miêu tả chân thực sinh động của Nguyễn Tuân khi miêu tả những trùng vi thạch trận - Kho từ vựng giàu có và vốn kiến thức uyên
--	--

	<p>bác trên nhiều lĩnh vực như quân sự, thể thao, điện ảnh...</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phong cách nhà văn đầy bản lĩnh được thể hiện thông qua nhân vật ông lái đò với nhân quan luôn luôn thay đổi, là một người đi theo chủ nghĩa xê dịch. Thích viết về xe cộ, thác dữ. <p>- Ông lão lái đò là người có trí nhớ tuyệt vời</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tâm trí của ông chẳng khác nào một cuốn thủy văn sông Đà. Ông lấy đôi mắt, nhớ tỉ mỉ như đóng đanh vào từng luồng của con thác. Không chỉ là trí nhớ mà còn là tình yêu với chính nghề nghiệp của mình. + Ông nắm chắc tất cả thần tình binh pháp của thần sông thần sóng nơi đây. Ông nhớ rất kĩ từng cửa sinh, cửa tử và đó là sự đúc kết của những lần vượt thác chèo đò. <p>=> Xứng đáng là một người chỉ huy tài ba, trí dũng tuyệt vời</p> <p>- Ông lão lái đò là một người tài hoa, nghệ sĩ với “tay lái ra hoa”</p> <ul style="list-style-type: none"> + Con thác nào phải tránh ra sao, phải tiến phải lui thế nào ông thực hiện vô cùng nhịp nhàng. Có cái cần phải đảo nhanh tay chèo để chạy, có cái lại phải đề sấn lên để vượt qua. + Con thuyền của ông lao vun vút như tên tạc cắm vào bờ đá, cánh mở cánh khép, như một kị sĩ đang cưỡi trên con ngựa bất kham. + Sau khi đã vượt qua sóng thác, con thuyền của người lái đò lại dừng nghỉ chân ở những hang lạnh, nướng ống cơm lam, nói chuyện về những loài cá quý hiếm nơi đây. Con người là thế, vượt qua những con sóng hung bạo để trở về với cuộc sống đời thường không hề mảy may kể chuyện khó khăn khi vượt thác, chèo đò. => Ông đò là người khiêm tốn <p>⇒ Đánh giá</p> <p>Ông lão lái đò tài hoa nghệ sĩ là tượng trưng cho những con người Tây Bắc tài hoa, anh hùng trong cuộc sống đời thường, anh hùng trong lao động. Đâu có lớn lao gì mà kể lại những chiến tích của mình.</p> <p>* sau khi phân tích thì đánh giá, bình luận về 2 ý kiến đề bài cho:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bình luận về các ý kiến:
--	---

	<p>+ Hai ý kiến đều chính xác, thể hiện cái nhìn đúng đắn về hình tượng người lái đò sông Đà. + Bản thân mỗi ý kiến chưa thực sự đầy đủ, cần kết hợp cả hai ý kiến với nhau để thấy được vẻ đẹp toàn diện của hình tượng ông đò. + Hình tượng người lái đò được Nguyễn Tuân khắc họa bằng một nghệ thuật điêu luyện: sử dụng nhiều biện pháp tu từ (nhân hóa, so sánh, liên tưởng, tưởng tượng, trùng điệp...); từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh, có sức biểu cảm cao; câu văn đa dạng, nhiều tầng, giàu nhịp điệu; huy động tri thức của nhiều lĩnh vực khoa học – nghệ thuật...</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Với vẻ đẹp: “trí dũng, tài hoa”, ông lái đò trong tùy bút “Người lái đò sông Đà” đã trở thành một trong những hình tượng tuyệt đẹp trong sáng tác của Nguyễn Tuân sau Cách mạng tháng Tám: một người lao động bình thường với chất “vàng mười của Tây Bắc”, một người nghệ sĩ tài hoa.</p> <p>- Tùy bút "Người lái đò sông Đà" là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật tài hoa uyên bác của nhà văn Nguyễn Tuân. Tác phẩm không chỉ ngợi ca vẻ đẹp kì vĩ thơ mộng của thiên nhiên Tây bắc mà còn ca ngợi vẻ đẹp bình dị, anh hùng mà tài hoa của người dân lao động nơi đây. Qua đó, nhà văn Nguyễn Tuân bộc lộ tình yêu đất nước, niềm tự hào hừng khởi, gắn bó tha thiết với non sông Việt.</p>
--	---

ĐÁP ÁN ĐỀ 2.

<p>Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)</p>	<p>Câu 1: Tự sự, miêu tả, biểu cảm</p> <p>Câu 2: Các nhân vật bị đặt vào một tình huống đặc biệt: – Sáu người bị mắc kẹt vào một cái hang, thời tiết lạnh lẽo, khắc nghiệt, đồng lửa duy nhất lại đang tàn dần trong khi đó mỗi người đều đang sở hữu một que củi. – Ý nghĩa của tình huống: Tình huống có tính chất thử thách các nhân vật, qua đó tính cách các nhân vật bộc lộ rõ nét: tất cả đều hẹp hòi, nhỏ nhen, ích kỉ, thiếu tình yêu thương đồng loại, thiếu tinh thần đoàn kết...</p> <p>Câu 3. Nguyên nhân khiến sáu người chết công: – Trước hết là vì hoàn cảnh khắc nghiệt: cái lạnh của hang đá làm họ kiệt sức. – Tuy nhiên, nếu các nhân vật biết cách chia sẻ thanh củi của mình thì có lẽ họ đã không chết công. Họ không chỉ chết vì cái lạnh của hang đá mà còn chết vì chính cái lạnh từ tâm hồn họ. Đó là sự phân biệt chủng tộc, sự kì thị tôn giáo, sự phân biệt giàu nghèo... Nói cách khác là do lối sống hẹp hòi, ích kỉ, thiếu tình yêu thương đồng loại, thiếu tinh thần đoàn kết cộng đồng trong hoàn cảnh thử thách.</p> <p>Câu 4. Thí sinh có thể đặt nhiều tiêu đề khác nhau những cần ngắn gọn, phù hợp với nội dung văn bản và gây được ấn tượng. Ví dụ: Nơi lạnh nhất ở đâu...?</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>*Đảm bảo cấu trúc đoạn văn</p> <p>1. Mở đoạn, triển khai vấn đề - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Lối sống ích kỉ, thiếu tình thương, thiếu tinh thần đoàn kết.. của 6 người trong câu chuyện nêu trên</p> <p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích +về lối sống cá nhân, ích kỉ, thiếu tình thương trong hoàn cảnh khó khăn là gì? Ích kỉ là biểu hiện của một con người đặt lợi ích bản thân cao hơn tập thể và người xung quanh. - Biểu hiện của lòng ích kỉ thì rất phong phú :</p>	

	<p>trong cuộc sống thường ngày , công việc , quan hệ xã hội...nhưng chung nhất là luôn đùn đẩy những gì không tốt đẹp cho người khác và không bao giờ muốn chia sẻ cho người khác những gì mình đang có.</p> <p>+Coi lợi ích của bản thân là trên hết.</p> <p>⇒</p> <p>Đánh giá, bình luận: 6 con người trong câu chuyện trên ai cũng ích kỉ, không những thế họ còn có một tâm hồn giá lạnh, không có tình thương, cũng không có sự đoàn kết với nhau. Cũng bởi tính ích kỉ, thiếu đoàn kết, thiếu tình thương nên họ đã phải nhận kết cục bi thảm là cái chết.</p> <p>- Bàn luận vấn đề</p> <p>Cuộc sống không tránh khỏi những trở ngại, thử thách. Để vượt qua, ý chí, nghị lực của con người là chưa đủ, cần lắm tình thân tập thể, ý thức đoàn kết cộng đồng, sự đồng cảm sẻ chia giữa người với người.</p> <p>Phê phán lối sống ích kỉ, vô cảm, định kiến.(hậu quả của nó trên nhiều lĩnh vực khác)</p> <p>Tìm ra giải pháp để có thể khắc phục lối sống ích kỉ, vô cảm</p> <p>3. Kết thúc vấn đề</p> <p>- Liên hệ bản thân</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, vấn đề cần nghị luận</p> <p><i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> là bài bút kí xuất sắc, viết tại Huế, năm 1981 in trong tập sách cùng tên. Với cái nhìn tinh tú của một nghệ sĩ, Hoàng Phủ Ngọc Tường đã diễn tả hành trình của sông Hương như một cuộc tìm kiếm người tình mong đợi, và từ thượng nguồn dòng chảy đến lúc đổ ra biển sông Hương đã đi với Huế cả một mối tình trọn vẹn</p> <p>2. Thân bài</p> <p>- Giải thích nhận định</p> <p>Ngay từ dòng văn mở đầu đoạn trích, tác giả đã không dấu nổi niềm tự hào khi giới thiệu <i>Trong những dòng sông đẹp ở các nước mà tôi thường nghe nói đến, hình như chỉ có sông Hương là</i></p>	

	<p><i>thuộc về một thành phố duy nhất. Câu văn không chỉ nâng sông Hương lên sánh ngang với các dòng sông đẹp trên thế giới mà còn nhấn mạnh đặc điểm riêng biệt của dòng Hương: tạo hóa sinh ra sông Hương là để dành riêng cho Huế, chỉ cho Huế mà thôi. Đây cũng là ý tưởng bao trùm khi viết bài kí này của Hoàng Phủ Ngọc Tường: nhìn sông Hương và Huế như một cặp tình nhân lí tưởng, gắn bó với nhau trong một tình yêu muôn thuở.</i></p> <p><i>Sông Hương đã đi với Huế cả một mối tình trọn vẹn: có một điểm nhất quán trong cái nhìn của Hoàng Phủ Ngọc Tường khi miêu tả sông Hương đó là luôn nhìn dòng sông này như một người con gái với tình yêu tha thiết dành cho Huế.</i></p> <p>- Đi vào phân tích để làm sáng tỏ nhận định (Soi chiều vào thủy trình của Sông hương để chứng minh)</p> <p>- Thượng nguồn</p> <p>+ Sông Hương mang trong mình sức sống mãnh liệt như một bản trường ca của rừng già với tiết tấu khi thì hùng tráng dữ dội (rầm rộ giữa những bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như những cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn), lúc lại dịu dàng và say đắm. Nhà văn đã so sánh sông Hương với một cô gái Di gan phóng khoáng và man dại, mang vẻ đẹp nguyên sơ, thuần khiết của núi rừng.</p> <p>+ Tuy nhiên, sông Hương không chỉ mãi mê với cảnh sắc thiên nhiên của đại ngàn Trường Sơn. Trong hành trình ở núi đồi nơi đây, sông Hương đã tích tụ cho mình một lượng phù sa lớn để đến khi rời khỏi rừng nó đã trở thành <i>bà mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở</i>. Có thể nói sẽ không thể có kinh thành Huế hôm nay nếu không nhờ dòng Hương chuyên chở phù sa, miệt mài bồi đắp qua bao thế kỉ.</p> <p>+ Đặc biệt, ngay từ thượng nguồn dòng chảy, dù còn ở rất xa kinh thành Huế, sông Hương đã mang tâm hồn sâu thẳm của con người ở vùng đất cố đô: dòng sông hình như không muốn bộc lộ, đã đóng kín lại ở cửa rừng và ném chìa khóa trong những hang đá dưới chân núi Kim Phụng.</p>	
--	---	--

	<p>Có lẽ vì thế mà ngay từ khi ra khỏi núi, sông Hương đã là một cô gái đầy bí ẩn và cuốn hút.</p> <p>– Ở ngoại vi thành phố Huế:</p> <p>+ Từ một cô gái Di gan phóng khoáng và man dại ở thượng nguồn, đến cánh đồng Châu Hóa, sông Hương đã trở thành người gái đẹp nằm ngủ mơ màng chờ người tình đến đánh thức. Cách so sánh đầy gợi cảm này đã lồng câu chuyện tình yêu nhuộm màu cổ tích vào mối quan hệ giữa sông Hương và Huế. Để rồi, hành trình của sông Hương như cuộc tìm kiếm có ý thức để đi tới nơi gặp thành phố tương lai của nó</p> <p>+ Hành trình để tìm gặp người tình mong đợi của sông Hương cũng khá gian truân: dòng sông đã phải chuyển dòng một cách liên tục – vòng giữa khúc quanh đột ngột – uốn mình theo những đường cong thật mềm, đã phải vượt qua bao núi đồi, vực thẳm...</p> <p>+ Qua hành trình ấy, sông Hương lại có những vẻ đẹp mới: với màu sắc trẻ trung (trở nên xanh thẳm, sớm xanh, trưa vàng, chiều tím) như sức trẻ và niềm khao khát của tuổi thanh xuân. Đặc biệt là vẻ đẹp trầm mặc... như triết lí, như cổ thi mang chiều sâu tâm linh của cảnh sắc và con người Huế.</p> <p>– Về đến Huế:</p> <p>+ Nhìn thấy Huế từ xa, Sông Hương <i>vui tươi hẳn lên</i> như một người con gái đã tìm được người tình mà nó hằng mong đợi. Đến khi giáp mặt thành phố <i>sông Hương uốn một cánh cung thật nhẹ khiến dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu</i>. Cách so sánh độc đáo khiến người đọc liên tưởng đến hình ảnh các cô gái Huế e lệ, kín đáo, dịu dàng.</p> <p>+ Đi giữa lòng thành phố thân yêu, sông Hương <i>trôi đi chậm, thực chậm, cơ hồ chỉ còn là một mặt hồ yên tĩnh</i>, nhà văn gọi đó là <i>điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế</i>. Có lẽ bởi vì quá yên mến thành phố Huế mà sông Hương không nở rời xa.</p> <p>+ Không chỉ yêu mến, sông Hương còn dâng tặng Huế tất cả vẻ đẹp thơ mộng của mình, để rồi nó trở thành người tài nữ đánh đàn lúc đêm</p>	
--	---	--

	<p>khuya. Như vậy, sông Hương từng là bà mẹ phù sa đem màu mỡ cho đất đai nuôi sống con người, nay sông Hương lại sản sinh ra âm nhạc để bồi đắp tâm hồn con người. Tình cảm của người gái đẹp sông Hương dành cho Huế thật sâu đậm biết bao!</p> <p>– Khi chi tay Huế để về biển cả: đang chảy theo hướng chính bắc, sông Hương đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. Nhà văn gọi đó là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu, như Thúy Kiều chí tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả. Cuộc chia tay giữa sông Hương với Huế cũng dùng dằng, nán ná, đầy lưu luyến như một cặp tình nhân. => Đến đây, sông Hương đã đi với Huế cả một mối tình trọn vẹn, một mối tình đầy tâm trạng, đầy cảm xúc, một mối tình có đầu có cuối, có thủy có chung.</p> <p>- Đánh giá chung về nhận định</p> <p>+Mối tình trọn vẹn của Sông hương với Huế được thể hiện qua 3 thái độ chí tình: Của sông Hương với Huế, của người Huế trong tình yêu và của tác giả đối với Sông Hương, xứ Huế</p> <p>+Vi vậy sông Hương và xứ Huế không thể tách rời nhau bởi nó làm nên cảnh vật Huế và con người Huế</p> <p>3. Kết bài</p> <p>– Dưới cái nhìn lãng mạn của Hoàng Phủ Ngọc Tường, sông Hương không chỉ là một dòng sông đơn thuần mà còn gắn bó với Huế như một cặp tình nhân chung thủy. Qua bài kí, tác giả thể hiện tình yêu tha thiết với mảnh đất mà ông gắn bó. Tình yêu Huế từ thâm căn cốt tủy đã chảy thành những dòng văn vừa đẹp, vừa sang, vừa tha thiết khiến ai chưa một lần đến Huế cũng có thể cảm nhận được vẻ đẹp độc đáo của Hương giang.</p> <p>– Vốn ngôn ngữ phong phú, tài hoa, giàu chất thơ kết hợp với trí tưởng tượng phóng khoáng đã tạo nên sức hấp dẫn đặc biệt của bài kí và cũng là nét riêng trong nghệ thuật viết kí của Hoàng Phủ Ngọc Tường.</p>	
--	---	--

PHẠM MINH NHẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ 3.

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: Phương thức biểu cảm, tự sự.</p> <p>Câu 2. Đây là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên Ngôn ngữ được sử dụng trong đoạn thơ trên có đặc điểm: tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể.</p> <p>Câu 3. Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ là so sánh. – Tác dụng: làm nổi bật tư thế hiên ngang của người chiến sĩ mặc dù đã hy sinh; thể hiện thái độ ngưỡng mộ, khâm phục đối với người chiến sĩ.</p> <p>Câu 4. * (Gợi ý): Khổ cuối bài thơ, giọng thơ chùng xuống như khúc tưởng niệm những con người bất diệt đã hy sinh vì nghĩa lớn. Ý thơ là lời khẳng định về ý nghĩa của cái chết. Dáng đứng của Anh và cuộc đấu tranh sôi sục của nhân dân Miền Nam đã tạc vào lịch sử một dấu son chói lọi. Sự ra đi của người chiến sĩ trên đường băng Tân Sơn Nhất năm nào sẽ là bệ phóng đưa đất nước lên tầm cao mới. Bài thơ ra đời năm 1968 mãi đến 7 năm sau Miền Nam mới hoàn toàn giải phóng và Lê Anh Xuân cũng hy sinh từ dạo ấy nhưng thi sĩ đã dự báo trước một mùa xuân sẽ đến trong tương lai.</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. Nghị luận xh</p>	<p>Đảm bảo cấu trúc đoạn văn</p> <p>1. Mở đoạn, Khái quát, giới thiệu vấn đề cần nghị luận - Đức hi sinh trong cuộc sống ngày nay</p> <p>2. Giải quyết vấn đề, bàn luận về vấn đề - Giải thích : Hi sinh là gì? Hy sinh, là hành động đánh đổi một thứ quan trọng với bản thân cho một điều khác được coi là đáng quý hơn. Sự hi sinh vẫn thường diễn ra ở bất cứ góc ngách nào của cuộc sống.</p> <p>- Biểu hiện của Sự hi sinh? Hàng ngày, ta cũng có thể thấy những hành động hy sinh, cho dù rất nhỏ: hành khách nhường chỗ ngồi cho một bà cụ, cha mẹ hy sinh thời gian để đưa đón đưa con đi học xa đến vài chục cây số, hay những thợ đào đường ban đêm để không làm</p>	

	<p>ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân. Nhờ những sự hy sinh nhỏ bé này, mà một tập thể, xã hội mới có thể phát triển lành mạnh và bền vững</p> <p>- Bàn luận: Tại sao sự hi sinh lại là một điều quý giá trong cuộc sống? (tại sao phải hi sinh và lợi ích của đức hi sinh)</p> <p>+Hi sinh là một đức tính quý giá của con người. Khi người ta biết hi sinh vì người khác tức là đang phát huy truyền thống quý báu của dân tộc, đề cao lòng vị tha, nhân ái.</p> <p>+Rèn luyện cho con người đức tính dũng cảm,biết vượt qua những khó khăn trong cuộc sống tưởng chừng là rào cản</p> <p>+Hi sinh là thước đo để đo giá trị phẩm chất của con người, những người biết hi sinh vì người khác thì sẽ được mọi người nhớ đến với lòng biết ơn, nể phục, ngưỡng mộ...v...v (có thể có các ý khác, những ý kiến trên mang tc tham khảo)</p> <p>- Lấy dẫn chứng cụ thể về đức hi sinh ngày nay?</p> <p>3. Kết thúc vấn đề</p> <p>- Bài học liên hệ bản thân.</p> <p>-> Những giải pháp để phát huy đức hi sinh trong cuộc sống hiện đại ngày nay?</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm - Khái quát vấn đề cần nghị luận => Đoạn thơ đã toát lên âm hưởng hào hùng của chiến thắng Điện Biên Phủ <p>2. Thân bài (phân tích đoạn thơ để làm rõ âm hưởng hào hùng)</p> <p>– Đoạn thơ đã miêu tả cảnh quân và dân ta trong giai đoạn tổng phản công giành thắng lợi. Những câu thơ lồng lộng, ngợp say tạo nên bản hùng ca về cuộc chiến đấu chống Pháp gian khổ mà bất khuất của dân tộc:</p> <p>“Những đường Việt Bắc của ta Đêm đêm râm rập như là đất rung”.</p> <p>+ Khung cảnh sôi động của cuộc kháng chiến được miêu tả qua hình ảnh con đường; “những đường Việt Bắc của ta”. Cụm từ “của ta” thể hiện sự sở hữu cùng niềm tự hào dân tộc khi mỗi con đường, ngọn núi, dòng sông... đã thực sự trở về với với người dân Việt Nam</p>	

	<p>+ Đối với Tố Hữu con đường là biểu tượng cho sự hợp sức chung lòng, sự mở rộng, lớn mạnh không ngừng. Lực lượng cách mạng từ trong những khó khăn trứng nước đã dần dần phát triển cả về chất và lượng, để rồi ngày hôm nay hợp lại tạo thành một khối đồng đảo. Hình ảnh so sánh “Đêm đêm rầm rập như là đất nung” cùng với từ láy tượng thanh “rầm rập” miêu tả tiếng bước chân nhanh, mạnh, dứt khoát của một tập thể đồng người, mỗi bước chân càng khiến trời đất dung chuyển và cuộc hành quân ra trận đã biến thành cuộc điều binh mà mỗi con người trong đó như được nâng lên với tầm vóc vũ trụ. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn được thể hiện rõ nét.</p> <p>– Ở 4 dòng thơ tiếp theo, Tố Hữu đã tập trung miêu tả sức mạnh của hai đối tượng cụ thể nhưng có đóng góp lớn làm lên chiến thắng Việt Bắc hôm nay, đó là những anh bộ đội cụ Hồ và những người dân công:</p> <p>“Quân đi điệp điệp trùng trùng Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan Dân công đỏ đuốc từng đoàn Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay”</p> <p>+ Từ láy “điệp điệp, trùng trùng” có tác dụng miêu tả những đoàn quân như nối tiếp nhau trải dài không dứt, hết lớp này đến lớp khác. Họ không chỉ được miêu tả như tập thể đầy sức mạnh mà còn hiện lên chân thực, lãng mạn qua hình ảnh “ánh sao đầu súng” quen thuộc trong thơ ca thời kì chống Pháp. Nó khiến người đọc nhớ đến câu thơ “đầu súng trăng treo” trong bài thơ của Chính Hữu. Hình ảnh thơ của Tố Hữu có thể hiểu là ánh sao trời lấp lánh nơi đầu mũ súng, cũng có thể hiểu là ánh sao gắn trên mũ của những người lính trên đường hành quân ra mặt trận. Nếu hình ảnh thơ trong bài “Đồng chí” của Chính Hữu nêu cao mục đích đấu tranh là để bảo vệ hòa bình thì hình ảnh “ánh sao đầu súng” tượng trưng cho lí tưởng của những người lính. Từ “cùng” đã nối cảm hứng lãng mạn với chất hiện thực của cuộc chiến khi con người vượt lên khó khăn để sống và chiến đấu theo lí tưởng của mình. Trên con đường ra trận không chỉ có những người lính mà còn có những đoàn dân công trực tiếp vận chuyển lương thực vũ khí ra chiến trường:</p> <p>“Dân công đỏ đuốc từng đoàn</p>	
--	--	--

	<p>Bước chân nát đá muôn tàn lửa bay”.</p> <p>+ Biện pháp đảo ngữ đã nhấn mạnh lực lượng đông đảo thứ hai và cũng là những người quan trọng làm nên bản hùng ca cách mạng, đó là những đoàn dân công. Họ đi trong đêm, dưới những bó đuốc đỏ rực, dưới những tàn lửa bập bùng bay theo chiều gió như trái dài không ngớt tạo thành một không gian lung linh huyền ảo, mang âm hưởng huyền thoại. Cách nói thậm xưng “bước chân nát đá” khiến người đọc liên tưởng đến thành ngữ “chân cứng đá mềm”, đã nhấn mạnh sức mạnh thể chất và tinh thần của những con người hàng ngày tải lương ra chiến trường, chiến thắng mọi khó khăn gian khổ để góp phần làm nên chiến thắng. Dường như cả thiên nhiên đất trời và con người cùng hòa chung một ý chí quyết tâm “Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây”. Từ đó, Tố Hữu đã khái quát về thời khắc thiêng liêng của dân tộc:</p> <p>“Nghìn đêm thăm thẳm sương dày Đèn pha bật sáng như ngày mai lên”.</p> <p>+ “Nghìn đêm” là số từ chỉ ước lệ, miêu tả một quãng thời gian dài cả đất nước chìm trong màn đêm tăm tối của xiềng xích và áp bức nhưng đó cũng chính là khoảng thời gian mà chúng ta âm thầm chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến hào hùng. Và từ trong gian khổ, ánh bình minh đã hé rạng, báo hiệu một ngày mới đang lên với niềm vui và sự hy vọng, lạc quan về một tương lai tươi sáng. Cả đoạn thơ ngập tràn ánh sáng: khi thì ánh sáng lấp lánh rực rỡ của ánh sao trời, cũng là ẩn dụ cho lý tưởng cách mạng của người chiến sĩ, khi thì hàng ngàn vạn ánh đuốc đỏ rực trong đêm... tất cả đã tạo nên một thứ ánh sáng không lồ soi tỏ màn đêm đen đang bao trùm. Biện pháp so sánh tạo nên cảm hứng lạc quan tràn đầy hy vọng cho con người. Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn được thể hiện ở niềm tin bất diệt vào tương lai tươi sáng cho đất nước.</p> <p>– Bốn câu thơ cuối là những chiến thắng dồn dập trong giai đoạn tổng phản công:</p> <p>“Tin vui thắng trận trăm miền Hòa bình Tây Bắc, Điện Biên vui về Vui từ Đồng Tháp, An Khê Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng”</p> <p>+ Cả đoạn thơ thứ tám bài “Việt Bắc” mang âm</p>	
--	---	--

	<p>hương dồn dập với điệp từ “vui” được nhắc tới bốn lần ở cả bốn dòng thơ: vui từ, vui về, vui lên... mở ra niềm hạnh phúc vỡ òa trước những chiến thắng vang dội và liên tiếp vọng về. Biện pháp liệt kê đã chỉ ra những chiến thắng nối tiếp nhau không dứt của quân và dân ta, chiến thắng này chưa qua thì chiến thắng khác đã dồn dập... Người đọc có thể cảm nhận được trái tim nao nức say mê của quân và dân “Việt Bắc” trong những ngày tháng oanh liệt hào hùng đó, niềm vui đó hòa chung với niềm vui toàn dân tộc và góp phần khẳng định chắc chắn về một ngày mai hòa bình trên khắp mọi nẻo đường cách mạng.</p> <p>- Đánh giá chung (tiểu kết) -> Với lời thơ lục bát ngọt ngào như ca dao, với chất thơ trữ tình cách mạng, thật sôi nổi, hào hùng, thiết tha, nhà thơ Tố Hữu trong đoạn thơ này đã thể hiện nổi bật khí thế hào hùng của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt Bắc; đồng thời đoạn thơ còn thể hiện niềm lạc quan cách mạng, ý chí chiến đấu và chiến thắng kẻ thù, làm nên những chiến thắng vẻ vang, mang niềm vui về cho dân tộc. Đoạn thơ như một đoạn sử thi của cuộc kháng chiến chống Pháp.</p> <p>3. Kết bài – Mười hai câu thơ ngắn gọn với giọng thơ dồn dập gấp gáp, mạnh mẽ Tố Hữu đã dựng lên bức tranh Việt Bắc ra trận thật đẹp làm sống dậy những ngày tháng hào hùng của nhân dân ta trên căn cứ địa thần thành. – Đoạn thơ này chính là khúc hùng ca về một thời oanh liệt của dân tộc Việt Nam ta. Tất cả là kỷ niệm sâu sắc trong lòng tác giả và người về xuôi.</p>	
--	---	--

ĐÁP ÁN ĐỀ 4.

<p>Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)</p>	<p>Câu 1 Phương thức biểu đạt chính của bài thơ là: biểu cảm.</p> <p>Câu 2 Biện pháp tu từ và hiệu quả: – Trong đoạn thơ thứ hai và thứ ba để thể hiện suy tưởng của mình, tác giả sử dụng biện pháp tu từ: liệt kê – Hiệu quả: Sự sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại trong khổ 2,3 của đoạn thơ nhằm diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn cuộc sống vô vị trống rỗng và tâm hồn nhà thơ trở nên xa lạ với cuộc sống và mọi người trong mọi thời khắc.</p> <p>Câu 3 – Hình dung của nhân vật trữ tình: + Cuộc sống sẽ trở nên trống rỗng, vô vị. + Tâm hồn nhà thơ không thể giao cảm kết nối với cuộc sống và con người xung quanh (HS có thể diễn đạt khác hoặc trích dẫn một số biểu hiện từ văn bản nhưng khái quát đúng ý vẫn cho điểm tối đa)</p> <p>Câu 4 – Thông điệp tác giả gửi gắm trong đoạn thơ: + Thơ là phần không thể thiếu của đời sống +Thơ là phương tiện để nhà thơ giao cảm với cuộc sống và con người. 1.0 (HS có thể diễn đạt khác nhưng đúng và đủ ý vẫn cho điểm tối đa)</p>	<p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>1.0</p>
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận 200 chữ (tổng – phân – hợp).</p> <p>1.Mở đoạn Giới thiệu được vấn đề nghị luận : Vai trò của thơ ca trong cuộc sống con người * Câu mở đoạn: Thơ có vai trò quan trọng đối với đời sống tinh thần con người</p> <p>2.Triển khai các ý * Trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của thơ ca đối với đời sống con người: – Thơ làm cho tâm hồn ta trở nên phong phú, tinh tế. – Thơ giúp mỗi con người biết lắng nghe mình và nhạy cảm hơn trước đời sống – Đọc những vần thơ lên, tâm hồn ta như được rộng mở trước thế giới vừa thực, vừa mộng. Chính thế giới ấy mới thực sự là điều để ta vươn tới, từ đó con người có những định hướng đúng đắn trên bước</p>	

	<p>đường của mình.</p> <p>– Vai trò của thơ ca là làm sáng tỏ sự thật, phơi bày sự thật, bởi thế thiếu thơ ca, không gì có thể trở thành chính nó</p> <p>3. Kết đoạn Khẳng định lại vấn đề. – Trong rất nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau, văn chương là một món ăn tinh thần không thể thiếu đối với mỗi con người. trong mỗi chúng ta. Thơ ca là mới mẻ, sáng tạo trên cái nền của hiện thực cuộc sống. Đó là mảnh đất màu mỡ để các nhà thơ gieo mầm tư tưởng, để tác phẩm của họ mãi mãi là của nhân loại</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1.Mở bài Dẫn dắt để giới thiệu ý kiến đã cho, trích ý kiến và đi vào tác phẩm, nhân vật mình chọn để phân tích</p> <p>2.Thân bài - Giải thích + Người ta không bao giờ biết hết mọi thứ cần biết về con người. Nhưng có một điều người ta biết chắc rằng: nó, cái bản chất ấy sẽ không thôi làm con người bất ngờ. Nói về sự phong phú, phức tạp với chiều sâu khôn cùng trong tâm hồn con người, chính vì vậy luôn tạo nên sự bất ngờ trong việc nhận thức, khám phá. + Văn học là nỗ lực không ngừng trong việc khám phá những bất ngờ ấy trong bản chất con người. Nói về nhiệm vụ của văn học và sứ mệnh, thiên chức của nhà văn trong việc khám phá bản chất bên trong con người. → Từ việc nói về bản chất con người, ý kiến dẫn dắt tới nhiệm vụ của văn học, thiên chức của nhà văn là phải nỗ lực không ngừng để khám phá những bất ngờ trong bản chất con người.</p> <p>- Cảm nhận về một nhân vật trong Chiếc thuyền ngoài xa. Từ đó, nhận xét về sự nỗ lực của Nguyễn Minh Châu trong việc khám phá những bất ngờ bên trong bản chất con người. - Chọn một nhân vật trong tác phẩm để cảm nhận, chọn nhân vật người đàn bà hàng chài: +Cuộc đời, số phận (nghèo khổ, bất hạnh...) Người đàn bà hiện lên trong câu chuyện của nhiếp</p>	

	<p>ảnh Phùng là một người đầy nhọc nhằn, lam lũ. Nguyễn Minh Châu với những nét vẽ tinh tế đã phác họa nên một hình ảnh giàu sức gợi “người đàn bà chạc ngoài 40, một thân hình quen thuộc của đàn và vùng biển, cao lớn với những đường nét thô kệch. Mụ rõ mặt khuôn mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt, dường như đang buồn ngủ”. Một người phụ nữ gây ấn tượng cho người đọc ngay từ những dòng đầu tiên, đầy nhọc nhằn, đầy khổ sở và đầy thương cảm. Người đàn bà ấy tiếp tục ám ảnh người đọc bằng chi tiết “tắm áo bạc phếch có miếng vá, bữa thân dưới ướt sũng”, đã phần nào gợi lên sự chua xót, khôn cùng.</p> <p>+tính cách, phẩm chất (nhẫn nhục, cam chịu, bao dung, vị tha, sâu sắc, thấu trải lẽ đời...)</p> <p>Người đàn bà ấy còn đầy vẻ cam chịu và nhẫn nhục khi người chồng hằn học và mắng nhiếc. Đôi mắt của chị như xuyên sâu vào lòng người đọc, nó ám ảnh cho đến khi gấp trang sách lại. Ánh mắt của chị đầy thương xót, đầy ai oán và cũng đầy <u>tình yêu</u> thương dành cho những đứa con cho mình.</p> <p>Đọc theo hình trình đi tìm cái đẹp của nhiếp ảnh Phùng, người đàn bà đã trở thành tâm điểm cho vẻ đẹp ấy. Một vẻ đẹp đầy sự khó khăn, nhọc nhằn và đau khổ. Hành động bạo lực của người chồng khiến chị cứ câm lặng, không ai oán một lời.</p> <p>Và sự cam chịu ấy được lặp lại khi chị được gọi đến hầu tòa. Mặc dù “ba ngày một trận nhẹ, năm ngày một trận nặng” nhưng người phụ nữ ấy vẫn “không hé răng một lời”. Hình dáng “mụ ngồi ghé vào mép ghé và cố thu người lại” càng khiến cho Phùng, cho Đầu, và cho người đọc một nỗi ám ảnh khó bỏ. Tuy nhiên chỉ một lát, “người đàn bà lại lúng túng và sợ sệt”. Có lẽ cuộc sống của chị quá nặng nề, quá thâm lương trong những năm qua. +</p> <p>Tình yêu con vô bờ bến</p> <p>Khi chị kể đến chi tiết “vui nhất là lúc được ngồi nhìn đàn con tôi chúng nó đã ăn no” thì có lẽ người đọc ứa nước mắt. Những đứa con là sức mạnh để chị có thể tồn tại, có thể sống sót và kiên cường đến bây giờ. Một người mẹ lặng lẽ hi sinh cuộc đời mình vì những đứa con, một người mẹ đã nhẫn nhục tất cả chỉ vì miếng cơm manh áo cho con. Một người mẹ nghèo, cố chấp nhưng yêu thương con vô bờ bến. Cuộc đời của chị nhiều đau thương và nước mắt nhưng lại có biết bao nhiêu phẩm chất cao đẹp,</p>
--	---

	<p>đáng trân trọng.</p> <p>- Nghệ thuật xây dựng nhân vật + Qua những nét khắc họa ấn tượng từ ngoại hình dáng vẻ đến cử chỉ, lời nói, hành động, +Đặt nhân vật vào tình huống éo le, đặc biệt</p> <p>- Nhận xét về sự nỗ lực của Nguyễn Minh Châu trong việc khám phá những bất ngờ bên trong bản chất con người. + Hành trình sáng tác của Nguyễn Minh Châu là một quá trình không ngừng mở rộng, đào sâu sự nhận thức khám phá bản chất bên trong tâm hồn con người. Đặc biệt là giai đoạn sáng tác sau 1975. + Trong tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa, Nguyễn Minh Châu đã khám phá bản chất của con người trong sự đối lập giữa dáng vẻ bên ngoài với bản chất đẹp đẽ bên trong; trong sự đối lập giữa bản chất với hiện tượng; trong những hoàn cảnh nghịch lí. (Ví dụ: về việc xây dựng nhân vật người đàn bà hàng chài là những nỗ lực của Nguyễn Minh Châu trong việc khám phá bản chất con người thông qua: sự đối lập giữa dáng vẻ bề ngoài: Xấu xí, thô kệch, lam lũ, quê mùa với bản chất tốt đẹp bên trong (tình yêu con vô bờ bên, bao dung, vị tha); đối lập giữa bản chất và hiện tượng: Có vẻ nhịn nhục, thất học, kém hiểu biết với sự sâu sắc thấu trải lẽ đời. → Nhân vật người đàn bà hàng chài tiêu biểu cho số phận đau khổ, đáng thương của người lao động, đồng thời cũng là hình tượng kết tinh chất ngọc tâm hồn khuất lấp mà Nguyễn Minh Châu xây dựng thành công để đưa người đọc đến những khám phá thú vị về sự bất ngờ bản chất bên trong con người). + Văn học có nhiều cách để khám phá một cách bất ngờ bản chất của con người. Đây chính là sức mạnh, sự lôi cuốn riêng của văn học vì khác các ngành nghệ thuật khác, văn học phản ánh cuộc sống bằng hình tượng và bằng nghệ thuật ngôn từ. Sự sáng tạo của người nghệ sĩ tạo nên sức cuốn hút, sức hấp dẫn riêng, giá trị lâu bền, sức sống cho văn học</p> <p>3.Kết bài - Nhân vật người đàn bà hàng chài đã trở thành một biểu tượng đầy ám ảnh giúp Nguyễn Minh Châu thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc cho truyện ngắn. Đó</p>
--	---

	<p>là niềm cảm thương và nỗi lo âu cho số phận con người bất hạnh bị cầm tù trong đói nghèo, khốn khổ, bạo lực. Đồng thời thể hiện niềm tin yêu trân trọng những phẩm chất tốt đẹp trong tâm hồn, tính cách những con người luôn sống cuộc sống lòng người nhân hậu, vị tha.</p> <p>- khẳng định giá trị những sáng tác của Nguyễn Minh Châu viết về con người và vai trò của văn học là phụng sự con người.</p>	
--	--	--

PHẠM MINH NHẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ 5

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: Những quan điểm chủ yếu của người viết trong đoạn trích: +Tuổi xuân của con người rất đáng quý. +Không được để tuổi xuân trôi qua phí hoài, phải biết làm những việc có ý nghĩa. + Cần chuẩn bị nền tảng về mọi mặt cho tương lai: Tích lũy tri thức, xây dựng các chuẩn mực, tích cực hoạt động xã hội.</p> <p>Câu 2: Người viết đã sử dụng thao tác lập luận: Bình luận, bác bỏ.</p> <p>Câu 3: 2 ý kiến không mâu thuẫn nhau vì: +Tri thức và thực tiễn đều là những điều cần thiết cần chuẩn bị để đạt được thành công. + Tri thức và hoạt động thực tiễn phải đi liền với nhau.</p> <p>Câu 4: Lời khuyên dành cho những bạn trẻ vẫn còn "thu mình một góc trong nhà trọ nhỏ nhoi" hay "đắm đuối trên màn hình máy tính, trên "smartphone" bằng những câu chuyện phiếm giết thời gian": +Phải biết quý trọng tuổi trẻ vì tuổi trẻ rất ngắn ngủi, ta sẽ phải hối tiếc nếu để tuổi trẻ trôi qua một cách vô nghĩa. +Đừng lãng phí thời gian cho những việc vô bổ, hãy tích lũy tri thức và tích cực tham gia các hoạt động xã hội có ích.</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Xác định đúng vấn đề cần nghị luận :<i>"Tuổi trẻ là đặc ân vô giá của tạo hóa ban cho bạn. Vô nghĩa của đời người là để tuổi xuân trôi qua trong vô vọng."</i> => Tận hưởng và sống một tuổi trẻ đầy ý nghĩa</p> <p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích : +Tuổi trẻ là khoảnh khắc tươi đẹp tràn đầy khát vọng, là thời gian sống tận hưởng và cống hiến, bởi thế đó là quãng thời gian ý nghĩa nhất của đời người. Tuổi trẻ quý giá là thế nhưng lại vô cùng ngắn ngủi, để lại nhiều luyến tiếc. Mỗi người phải</p>	

	<p>sống hết mình, sống chủ động để tuổi trẻ không trôi qua một cách vô nghĩa, phí hoài.</p> <p>- Phân tích, đánh giá, bình luận: + Tuổi trẻ một khi đã trôi qua thì không bao giờ trở lại, cho nên tuổi trẻ phải sống sao cho có ý nghĩa nhất: + Theo đuổi hy vọng, ước mơ, hoài bão phía trước + Đừng chờ đợi mà phải biết nắm bắt cơ hội và những điều thú vị + Trân trọng những mối quan hệ, tình cảm cao quý - Tuổi trẻ rất đáng quý nhưng cũng rất ngắn ngủi, đừng để hối hận vì lối sống buông thả, lối sống vị kỉ, thích hưởng thụ mà không thích cho đi... -> Cho dẫn chứng minh họa</p> <p>3. Kết đoạn Rút ra bài học và liên hệ bản thân: - Đừng sống quá gấp quá vội mà quên mất tận hưởng cuộc sống - Hãy dành chút thời gian quan tâm hơn đến gia đình và những người thân yêu. - Tích lũy kiên thức, hoạt động xã hội để đem lại những điều tốt đẹp cho đời và cho chính mình. - Đôi lúc cần phải sống chậm lại, lắng sâu suy nghĩ. -> Hãy sống trọn từng khoảnh khắc và hướng về tương lai...</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVh</p>	<p>1. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm. - Giới thiệu và khái quát ý kiến đề bài cho: khi nhận xét về bài thơ Tây Tiến, tác giả Hà Minh Đức Viết: Tây Tiến là bài thơ giàu nhạc điệu, nhạc điệu của cuộc sống và của tâm hồn. Điều đó được thể hiện rõ hơn qua đoạn thơ: Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa ... Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.</p> <p>2. Thân bài a) Giải thích nhận định - Chất liệu của hội họa là màu sắc, đường nét. Chúng thể hiện sự cảm nhận trực tiếp thế giới và con người của nhà văn. Còn chất liệu của âm nhạc là âm thanh, nhịp điệu, tiết tấu,.. Nhà văn, nhà thơ dùng âm thanh làm</p>	

	<p>phương tiện diễn đạt tư tưởng, tình cảm. Khi khám phá tính nhạc trong thơ nghĩa là xem việc tác giả đã sử dụng, kết hợp từ ngữ như thế nào để tạo ra hài hòa về âm thanh, sự nhịp nhàng cho thơ.</p> <p>– Nếu 14 câu đầu chủ yếu thể hiện sức mạnh hào hùng của người chiến sỹ Tây Tiến trong cuộc hành quân giữa núi rừng miền Tây hiểm trở thì tới đoạn hai, qua những kỷ niệm ngọt ngào tươi sáng, nhà thơ đã tập trung miêu tả nét hào hoa nghệ sỹ trong tâm hồn những chàng trai Hà thành lãng mạn, mộng mơ.</p> <p>– Bốn câu đầu miêu tả những ấn tượng sâu sắc, những cảm nhận tinh tế của người chiến sỹ Tây Tiến về một đêm lửa trại nơi trú quân giữa một bản làng nào đó ở miền Tây. Bốn câu đầu ru ta trong nhạc điệu cất lên từ men say của tâm hồn người lính Tây Tiến:</p> <p>- Phân tích đoạn trích để làm rõ ý kiến”</p> <p>+ Đây là lần thứ hai được được liên tưởng đến hoa – nếu trong đêm sương Mường Lát, chiến sỹ Tây Tiến nhìn được soi đường lung linh, huyền ảo như hoa về trong đêm hơi thì lần này, trong một đêm lửa trại giữa bản mường miền Tây, bút pháp lãng mạn đã khiến ánh lửa bập bùng nơi đóng quân trở thành đuốc hoa rực rỡ, gợi những liên tưởng thú vị, đem đến sự náo nức, rạo rực trong lòng người, khiến đêm liên hoan giữa bộ đội và dân làng trở thành đêm hội tung bùng.</p> <p>+ Cụm từ bùng lên là một nốt nhấn tươi sáng cho cả câu thơ, nó đem đến ấn tượng về ánh sáng và đây là ánh sáng chói lòa, đột ngột của lửa, của đuốc, xóa đi cái tối tăm lạnh lẽo của núi rừng, thể hiện niềm vui sướng, rạo rực trong lòng người. Người đọc còn có thể hình dung ra những ánh mắt ngỡ ngàng, những gương mặt bùng sáng của các chiến sỹ, bùng sáng vì sự phản chiếu của ánh lửa bập bùng đêm hội, bùng sáng còn vì ngọn lửa ấm nóng trong tâm hồn, ngọn lửa của niềm vui trẻ trung, lạc quan, ngọn lửa của tình yêu với con người và mảnh đất miền Tây.</p> <p>– Câu thơ thứ hai là hình ảnh trung tâm của hội đuốc hoa là các thiếu nữ miền sơn cước: Kia em xiêm áo tụt bao giờ</p> <p>+ Từ kia và cụm từ nghi vấn tụt bao giờ đã bộc lộ</p>	
--	---	--

	<p>cảm giác vừa ngỡ ngàng thú vị, vừa ngưỡng mộ triu mến của các chiến sỹ trước sự xuất hiện của các cô gái miền Tây. Đó là cảm giác rất chân thực trong một dịp vui hiếm hoi sau bao ngày hành quân giữa rừng già với núi cao, dốc thẳm, sương dày, với mưa rừng và thú dữ. Với niềm vui tỏa ra từ câu thơ, Quang Dũng còn đưa người đọc đến một cảm nhận thú vị khi liên tưởng tới câu thơ đầu. Doanh trại bừng lên hình như không chỉ vì ánh sáng của lửa, của đuốc mà còn vì sự xuất hiện đột ngột của các sơn nữ miền Tây.</p> <p>+ Các cô gái hiện lên với hai ấn tượng đẹp đẽ bởi bút pháp mỹ lệ hóa trong xiêm áo lộng lẫy và nét e ấp đầy nữ tính. Những ấn tượng ấy khiến các cô đẹp hơn trước một đoàn quân xanh màu lá, duyên dáng hơn trước những người lính dữ oai hùng. Nét tương phản của cảm hứng lãng mạn đã tạo nên chất thi vị làm dịu đi rất nhiều hiện thực khắc nghiệt của chiến tranh.</p> <p>+ Người lính Tây Tiến không chỉ ngỡ ngàng, say đắm trước vẻ đẹp của những thiếu nữ miền Tây e ấp và duyên dáng mà còn mơ màng trong man điệu núi rừng. Man điệu có thể hiểu là vũ điệu uyển chuyển của các sơn nữ, cũng có thể là giai điệu mới mẻ của vùng đất lạ trong tiếng khèn lên mê hoặc lòng người. Với tâm hồn hào hoa nghệ sỹ, đặc biệt nhạy cảm với cái đẹp, người lính Tây Tiến say đắm chiêm ngưỡng và cảm nhận những hình ảnh rực rỡ, những âm thanh ngọt ngào, những đường nét duyên dáng trong đêm lửa trại để được thả hồn phiêu diêu bay bổng trong thế giới mộng mơ với những vẻ đẹp say người của phương xa đất lạ. Câu thơ có tới sáu thanh bằng đã diễn tả tinh tế cảm giác mơ màng chơi với ấy.</p> <p>-> Nhịp điệu của bốn câu thơ như nhịp nhặt khoan, diu dặt của tiếng khèn, gợi vẻ khỏe khoắn, trẻ trung. Bốn câu thơ chan chứa màu sắc, âm thanh, vừa âm áp tình người.</p> <p>- Bốn câu sau thể hiện nỗi nhớ về cảnh của người miền Tây. Những hoài niệm rực rỡ và sống động về một đêm lửa trại đã được thay bằng những băng khuâng xa vắng trong nỗi nhớ tha thiết mệnh mông về cảnh sắc con người miền Tây Bắc:</p> <p>Người đi Châu Mộc chiều sương ấy + Nỗi nhớ miền Tây được gửi vào lời nhắn với người đi, nhưng đâu chỉ là nhắn với ai đó mà thực</p>
--	---

	<p>ra nhà thơ đang để lòng mình hướng về Châu Mộc, hướng về núi rừng Miền Tây, trong một chiều sương nhạt nhòa, màn sương huyền ảo của núi rừng, màn sương huyền ảo của hoài niệm, nhớ nhung.</p> <p>+ Trong tiếng Việt, ấy là một đại từ chỉ định luôn đem đến sắc thái xa xôi, mơ hồ cùng nỗi nhớ tiếc cho những danh từ đứng cùng với nó như: thuở ấy, ngày ấy, người ấy.</p> <p>– Và bây giờ, khi đang ngồi ở Phù Lưu Chanh, Quang Dũng cũng nhắc về chiều sương ấy với bao nỗi nhớ thương lưu luyến khi Châu Mộc trở nên nhạt nhòa trong sương khói và buổi chiều miền Tây với cảnh, với người đã bị đẩy về một quá khứ thật xa xăm:</p> <p>Có thấy hồn lau nẻo bến bờ Có nhớ dáng người trên độc mộc Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.</p> <p>+ Sau lời nhủ thầm xao xuyên, nhà thơ cất lên những tiếng hỏi mà phép điệu trong cấu trúc câu: Có thấy hồn lau... có nhớ dáng người... đã thể hiện nỗi nhớ nhung đầy trần trở hướng về cảnh và người:</p> <p>– Câu hỏi thứ nhất hướng về những hàng lau xám buồn bên bờ sông hoang dại: Có thấy hồn lau nẻo bến bờ</p> <p>+ Nét đặc sắc trong câu thơ chính là hình ảnh ẩn dụ về hồn lau thay vì bờ lau, hàng lau hay rừng lau... Hoa lau có màu xám trắng, bông lau được tạo bởi muôn ngàn hạt nhỏ li li nên chỉ cần một chút gió rất nhẹ hoa cũng xao động, cả bờ lau đung đưa mềm mại. Sắc trắng của hoa lau trong chiều sương nhạt nhòa, mơ ảo, cái phơ phất của ngàn lau trong xạc xào gió núi đã khiến rừng lau như có hồn, như biết sẽ chia nỗi niềm với con người, sự giao cảm khiến nỗi nhớ càng mênh mông da diết.</p> <p>+ Khi đã xa miền Tây, câu hỏi có thấy hồn lau nẻo bến bờ càng làm xáo xác lòng người. Hoa lau thường mọc ven bờ sông, triền núi, nơi vắng người qua lại. Trong những năm tháng quá khứ, người chiến sỹ Tây Tiến hành quân giữa núi rừng miền Tây, bên dòng sông Mã, giữa phơ phất ngàn lau, lau như linh hồn của rừng núi chia sẻ buồn vui với chiến sỹ trên đường hành quân. Nay người đã đi xa, ngàn lau vẫn ở lại giữa mênh mông gió núi, cảm giác về những bờ lau cô đơn nẻo bến bờ khiến nỗi nhớ càng xáo xác trong lòng người đã chia xa.</p> <p>– Câu hỏi thứ hai dành cho con người miền Tây</p>
--	---

	<p>Bắc: Có nhớ dáng người trên độc mộc Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa. + Trong làn sương mờ của hoài niệm, con người miền Tây chỉ hiện lên như một bóng dáng mờ xa huyền ảo. Dáng người ấy vừa cứng cỏi, kiên cường trên con thuyền độc mộc đèo thác lũ băng băng lướt tới, vừa mềm mại, duyên dáng trong hình ảnh ẩn dụ hoa đong đưa. Quang Dũng không viết hoa đong đưa mà là hoa đong đưa vừa nhằm miêu tả sự duyên dáng của hoa trên dòng nước lũ vừa gợi tả tình tế đáng vẽ dịu mềm, tình tứ của những sơn nữ miền sơn cước.</p> <p>3. Tiểu kết Đoạn thơ miêu tả thiên nhiên và con người Tây Bắc đẹp, lãng mạn, có sự kết hợp giữa chất họa và chất nhạc. – Ý kiến của tác giả Hà Minh Đức hoàn toàn xác đáng. Đoạn thơ không chỉ được khắc, chạm hình sắc, đường nét vào người và cảnh, mà còn được tác giả phổ vào câu thơ những nốt nhạc tinh tế. (Nhạc điệu thể hiện ở vần chân: “Bờ-đưa”, vần lưng: “ây-thấy”; ở điệp âm, điệp thanh: “Châu Mộc, độc, dòng, đong”). Nhưng đây là nhạc điệu được cất lên từ một tâm hồn say đắm với cảnh và người miền Tây Tổ quốc của người lính “Giữa chiến trường nhiều khi thay cho nhạc; là những tâm hồn có nhạc ở bên trong” (Phạm Tiến Duật). Cho nên rất có lý khi Xuân Diệu nhận xét: Đọc bài thơ “Tây Tiến”, ta có cảm giác như ngâm âm nhạc trong miệng.</p> <p>4. Kết bài – Mỗi phần của bài thơ Tây Tiến đều mở ra những khung cảnh những hoài niệm khó quên trong kí ức bản thân của mỗi người lính. Những hình ảnh mộc mạc ấy dưới ngòi bút tài hoa của nhà thơ, mỗi nét đậm nhạt với sự kết hợp cả cảnh và con người đều thật sống động. – Tám câu thơ của khổ hai đã vẽ nên khung cảnh thiên nhiên, con người miền tây với vẻ đẹp mỹ lệ, thơ mộng, trữ tình. Từng nét vẽ của Quang Dũng đều mềm mại, tinh tế, uyển chuyển. Đây là đoạn thơ bộc lộ rõ nhất sự tài hoa, lãng mạn của tác giả trong tổng thể bài thơ.</p>
--	---

ĐÁP ÁN ĐỀ 6

<p>Phần 1. Đọc hiểu (3 điểm)</p>	<p>Câu 1: - Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận</p> <p>Câu 2: Theo tác giả, niềm tự hào dân tộc xuất hiện trong những hoàn cảnh: khi chúng ta đứng trước một biên người cùng hòa vang quốc ca khi chúng ta nghe một câu chuyện thành công của những nhân tài của đất nước chúng ta bất bình trước một vấn đề ảnh hưởng đến con người và quê hương mình.</p> <p>Câu 3: Biện pháp tu từ: Lặp cấu trúc cú pháp: "Tự hào dân tộc không phải... mà là..." Hiệu quả: Nhấn mạnh và khẳng định quan điểm của người viết về niềm tự hào dân tộc.</p> <p>Câu 4: Khẳng định đây là một ý kiến đúng đắn, xác đáng bởi lẽ: Bản sắc dân tộc là những nét riêng ưu việt nhất của dân tộc đó cần được thể hiện và giữ gìn trong thời kì hội nhập. Cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc về văn hoá dân tộc, tích cực quảng bá những nét độc đáo của văn hoá quê hương, những hình ảnh đẹp trên khắp mọi miền đất nước, luôn gìn giữ, phát huy những vẻ đẹp truyền thống....</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Tự hào dân tộc trong bối cảnh người Việt với quốc tế</p> <p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích ngắn gọn khái niệm tự hào dân tộc: Đó là thái độ ngưỡng mộ, trân trọng, sự tự tôn trước những vẻ đẹp trong bản sắc văn hoá dân tộc. Tự hào dân tộc là biểu hiện của tình yêu đất nước, ý thức trách nhiệm công dân đối với đất nước... (</p> <p>- Bàn luận Khẳng định ý kiến trên là hoàn toàn đúng đắn bởi lẽ:</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tự hào dân tộc không phải là sự tự tôn mù quáng đề cao văn hoá dân tộc mình mà hạ thấp văn hoá các dân tộc khác. - Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, cần hoà nhập để thể hiện bản sắc văn hoá nhưng không hoà tan và luôn có ý thức trong việc giữ gìn bản sắc văn hoá Việt Nam. - Cần nhận thức sâu sắc và đầy đủ về văn hoá dân tộc, những nét đẹp và cả những điểm hạn chế, phát huy nét đẹp và loại trừ những hủ tục lạc hậu, thói quen xấu... - Phê phán những người quay lưng lại với văn hoá dân tộc, bài xích, xem thường văn hoá cha ông, chạy theo lối sống lai căng, học đòi, sùng ngoại... <p>3. Kết đoạn</p> <p>Bài học nhận thức hành động: Mỗi cá nhân cần có những hành động thiết thực, trực tiếp để thể hiện niềm tự hào dân tộc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ bản thân 	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài: Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm</p> <p>Nguyễn Khoa Điềm là đại diện tiêu biểu cho thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ Nguyễn Khoa Điềm tài hoa, uyên bác, truyền thống, hiện đại, đĩnh đạc nghiêm cẩn mà cũng rất tinh tế, trữ tình.</p> <p>Đất nước là hình tượng xuyên suốt các sáng tác văn học Việt Nam những năm kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Đoạn trích Đất Nước thuộc chương V trường ca Mặt đường khát vọng thể hiện cái nhìn toàn vẹn và sâu sắc về hình tượng Đất Nước của tác giả Nguyễn Khoa Điềm. Tác phẩm ra đời năm 1971 khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang bước vào giai đoạn ác liệt...</p> <p>2. Thân bài</p> <p>Cảm nhận về đẹp của hình tượng Đất Nước</p> <p>- Vẻ đẹp của Đất Nước được cảm nhận trên nhiều bình diện</p> <p>- Chiều dài thời gian</p> <p>+ Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi Đất Nước có trong những cái "ngày xửa ngày</p>	

	<p>xưa"... mẹ thường hay kể</p> <p>=> Thời gian nghệ thuật mang tính chất phiếm chỉ, không xác định, huyền ảo, thời gian mang sắc màu huyền thoại. Đất Nước có từ rất lâu, rất xa trong sâu thẳm của thời gian lịch sử.</p> <p>- Chiều rộng của không gian:</p> <p>đó là không gian của núi, sông, rừng, bể: "nơi con chim phượng hoàng bay về hòn núi bạc", "nơi con cá ngư ông móng nước biển khơi",... không gian văn hóa: nơi anh đến trường, không gian sinh hoạt đời thường, lúa đôi riềng tư: nơi em tắm, nơi em đánh rơi chiếc khăn trong nỗi nhớ thầm... không gian sinh tồn của cộng đồng: nơi dân mình đoàn tụ...</p> <p>Gắn liền với thời gian đằng đẵng, không gian mênh mông ấy là</p> <p>- hình ảnh Đất Nước cùng với bề dày truyền thống văn hóa tốt đẹp: những phong tục tập quán quen thuộc, giản dị từ bao đời, truyền thống yêu thương tình nghĩa, thủy chung son sắt, truyền thống đánh giặc và bảo vệ quê hương...</p> <p>- Chiều sâu của sự gắn bó thiêng liêng, máu thịt:</p> <p>+Đất Nước là kỉ niệm bao đời của mẹ cha, là những kỉ niệm ngọt ngào của anh và em, là quá khứ - hiện tại - tương lai của mỗi người.</p> <p>+Đất Nước được cảm nhận từ xa đến gần, từ những gì lớn lao kì vĩ đến những điều nhỏ bé, gần gũi (câu chuyện cổ, miếng trầu, cây tre, gừng cay muối mặn, cái kèo, cái cột, hạt gạo...).</p> <p>=> Hình ảnh Đất Nước không chỉ là đối tượng để con người quan sát chiêm nghiệm mà đã được hóa thân thành một phần trong cơ thể, trong mỗi con người Việt Nam: "Trong anh và em hôm nay/ Đều có một phần Đất Nước"</p> <p>- Nét đặc sắc bao trùm toàn bộ hình tượng Đất Nước trong thơ Nguyễn Khoa Điềm chính là tư tưởng: "Đất Nước của nhân dân":</p> <p>+Nhân dân - người làm nên không gian địa lí dân</p>
--	---

	<p>tộc: Nhà thơ đã có một cái nhìn khám phá đậm chất nhân văn. Những danh lam thắng cảnh của Đất nước không chỉ là sản phẩm của tạo hóa mà còn hình thành từ cuộc đời, số phận của nhân dân. Không gian địa lý không còn là những hình thể vật chất thuần túy, những sự vật vô tri vô giác mà đó là dáng hình, ao ước, lối sống ông cha: Núi Vọng Phu, Hòn Trống Mái: biểu trưng của đất nước tình nghĩa, Chuyện Thánh Gióng: sức mạnh bất khuất, lễ sống anh hùng, Núi Bút Non Nghiên: truyền thống hiếu học, vượt khó, Núi Vọng Phu, hòn Trống Mái: Đất nước tươi đẹp...</p> <p>→ Trên không gian địa lí Đất nước, mỗi địa danh đều là một địa chỉ văn hóa được làm ra bởi sự hóa thân bao đời của tâm hồn bao con người Việt Nam. Tấm bản đồ Đất nước được phác hoạ từ Bắc vào Nam trở thành tấm bản đồ văn hoá của dân tộc, là nơi kí thác tâm hồn ước mơ, khát vọng của nhân dân.</p> <p>+Nhân dân cũng chính là người làm nên lịch sử, bề dày văn hoá, cốt cách tâm hồn dân tộc: 4000 năm lịch sử - nhân dân vô danh đã làm nên Đất Nước, những con người bình thường mà phi thường, giản dị mộc mạc mà cao cả kì vĩ. Những con người vô danh, giữ gìn và truyền lại cho đời sau mọi giá trị vật chất và tinh thần (hạt lúa, ngọn lửa, ngôn ngữ, phong tục tập quán). Và cũng chính Nhân dân đã tạo nền móng cho truyền thống yêu nước, luôn phát huy sẵn sàng vùng lên chống ngoại xâm, đánh quân thù để giữ gìn Đất nước: "Có biết bao người con gái con trai...làm nên Đất nước".</p>
--	--

	<p>→ Nguyễn Khoa Điềm không phải là người đầu tiên cảm nhận về Đất Nước bằng tư tưởng Đất Nước của nhân dân nhưng nhà thơ chính là người khẳng định tư tưởng này một cách mạnh mẽ, nâng lên thành tuyên ngôn, chân lí.</p> <p>c. Nghệ thuật</p> <p>+Nguyễn Khoa Điềm sử dụng các chất liệu văn hóa dân gian như ca dao, dân ca, truyền thuyết, cổ tích, thần thoại cùng những phong tục tập quán... tạo nên một hình ảnh Đất nước vừa giản dị, thân thiết gần gũi vừa lớn lao, thiêng liêng và mang sắc màu huyền thoại.</p> <p>+Giọng điệu tâm tình thủ thỉ, ngọt ngào, nhân vật trữ tình xung anh: đây là lời của người con trai với người con gái, một người yêu với một người yêu, một người chồng với một người vợ...</p> <p>+Sự thay đổi kiểu câu, biến đổi giọng điệu linh hoạt làm tăng sức mạnh biểu hiện, vừa trữ tình vừa giàu chất chính luận, khái quát, trí tuệ đúng như tâm niệm của Nguyễn Khoa Điềm: <i>"Tôi cố gắng thể hiện một hình ảnh đất nước giản dị, gần gũi nhất. Đó là cách để đi vào lòng người, đồng thời cũng là cách để tôi đi con đường của riêng tôi, không lặp lại người khác..."</i></p> <p>3. Kết bài</p> <p>+ Nét mới của Nguyễn Khoa Điềm trong suy cảm về Đất nước: không đi từ quan niệm của những nhà tư tưởng trong quá khứ mà đi từ lịch sử của nhân dân, nhân dân là chủ thể sáng tạo và gìn giữ Đất nước. Kết hợp sáng tạo những bình diện: thời gian lịch sử, không gian địa lý, bề dày văn hoá cốt cách tâm hồn dân tộc, Nguyễn Khoa Điềm đã làm sáng lên tư tưởng chủ đề: "Đất Nước này là Đất Nước của nhân dân, Đất nước của ca dao, thần thoại"</p> <p>+Đoạn trích Đất Nước trong trường ca Mặt đường</p>
--	--

	khát vọng đã tác động mạnh mẽ vào nhận thức và tình cảm của hệ trẻ đương thời, hình thành ý niệm về Đất Nước, có trách nhiệm với Đất Nước và xuống đường đấu tranh hoà chung vào cuộc đấu tranh của dân tộc.	
--	--	--

PHẠM MINH NHẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ 7

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: PTBD: Nghị luận</p> <p>Câu 2: Phép tu từ được sử dụng từ câu 6 đến câu 9: Phép lặp cấu trúc Tác dụng: Nhấn mạnh vấn đề cần bàn luận, giọng điệu hùng biện lôi cuốn hấp dẫn thể hiện nhiệt huyết của người viết; tạo sự liên kết về hình thức giữa các câu..</p> <p>Câu 3: Tư duy số đông là cách suy nghĩ, nhìn nhận, đánh giá của đa số, của đại bộ phận tầng lớp trong xã hội về vấn đề, hiện tượng nào đó.</p> <p>Câu 4: Đảm bảo nội dung: - Tư duy số đông vừa có tác động đến suy nghĩ của con người vừa hạn chế tính độc lập sáng tạo của con người. Bởi người ta thường nghĩ rằng nếu số đông làm việc gì đó, việc đó chắc phải đúng. Tư duy số đông vừa có tác động tích cực, vừa có tác động tiêu cực. - Cách ứng xử với tư duy số đông: +Cần bình tĩnh nhìn nhận vấn đề và có chính kiến riêng . +Tránh a dua theo đám đông mà thiếu sáng suốt. +Tư duy số đông không phải lúc nào cũng đúng nhưng cũng cần lắng nghe để xác lập cho bản thân một cách nghĩ đúng và một cách làm đúng.</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn: Giới thiệu đúng vấn đề cần nghị luận: Tư duy số đông có phải lực cản của sự thành công?</p> <p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích ý kiến Tư duy số đông là cách suy nghĩ, nhìn nhận, đánh giá của đa số, của đại bộ phận tầng lớp trong xã hội về vấn đề, hiện tượng nào đó. ⇒ Mang ý nghĩa vừa tích cực lại vừa tiêu cực</p> <p>- Phân tích, đánh giá, bình luận về quan điểm: + Đồng tình: Nếu quan niệm thành công là sáng tạo, là tạo ra những khác biệt mang tính đột phá thì tư duy số</p>	

	<p>đông nhiều khi lại tạo ra đường mòn, hạn chế tìm tòi trong suy nghĩ và hành động của con người. Khi đó, tư duy số đông sẽ là lực cản của thành công.</p> <p>+ Phản đối:</p> <p>Cũng có người quan niệm thành công là đạt được mục tiêu đề ra trong cuộc sống. Trên con đường thực hiện mục tiêu, con người cần phải biết lắng nghe và khi đó có cách nhìn nhận, đánh giá của số đông cũng có những tác dụng nhất định: thể hiện xu hướng, trào lưu phổ biến nào đó;</p> <p>+ cảnh báo tính khả thi của mục tiêu đặt ra; chỉ ra hướng tiếp cận với công chúng... Khi đó, tư duy số đông không phải là lực cản của sự thành công, ngược lại có ý nghĩa quan trọng với việc mang lại thành công.</p> <p>+ Vừa đồng tình, vừa phản đối:</p> <p>Tư duy số đông là lực cản nếu con người chưa đủ năng lực tìm tòi cái mới, cái riêng cho suy nghĩ và hành động của mình. Con người sẽ bị lệ thuộc vào cách nghĩ, cách làm của số đông.</p> <p>Tư duy số đông của có thể là lực đẩy, thôi thúc người ta tìm kiếm cách nghĩ, cách làm riêng, nỗ lực tìm tòi, kiến tạo những giá trị mới.</p> <p>- Mỗi quan điểm cần lấy ví dụ và dẫn chứng để chứng minh nhất định</p> <p>3. Kết đoạn:</p> <p>- Dựa vào quan điểm của anh/chị, rút ra bài học và liên hệ bản thân.</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1. MB.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu về tác giả, tác phẩm; giới thiệu 2 ý kiến. - Vài nét về tác giả Kim Lân - Vài nét về tác phẩm “Vợ nhặt” - Giới thiệu hai ý kiến <p>2. TB.</p> <p>a. Giải thích ý kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Hiện thực tàn khốc” là toàn bộ hiện thực đời sống vô cùng khắc nghiệt, gây hậu quả nghiêm trọng, đau xót. Ý kiến thứ nhất coi việc tái hiện không khí bi thảm trong nạn đói mùa xuân 1945 là cảm hứng chủ đạo của nhà văn Kim Lân khi viết “Vợ nhặt”. - “Vẻ đẹp tiềm ẩn” là vẻ đẹp của đời sống nội tâm, vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp của đạo lí, tình nghĩa, ... 	

	<p>còn ẩn giấu bên trong cái vẻ ngoài tầm thường, xấu xí. Ý kiến thứ hai coi việc phát hiện, ngợi ca, trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp tâm hồn con người mới là cảm hứng chủ đạo của “Vợ nhặt”.</p> <p>b. Cảm nhận về tác phẩm “Vợ nhặt”</p> <p>- Trong “Vợ nhặt”, Kim Lân chú tâm miêu tả hiện thực tàn khốc khi nạn đói thê thảm.</p> <p>+ Hiện thực đói khát tàn khốc khiến ranh giới của sự sống và cái chết trở nên hết sức mong manh. + Cách tả của nhà văn gây một ám ảnh thê lương qua hai loại hình ảnh: con người năm đói và không gian năm đói. Ông đặc tả chân dung người năm đói “khuôn mặt hốc hác u tối” nhưng đáng sợ nhất là có tới hai lần ông so sánh người với ma: “Những gia đình từ những vùng Nam Định, đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma”, và “bóng những người đói đi lại lặng lẽ như những bóng ma”.</p> <p>+ đó là cái thời ranh giới giữa người và ma, cái sống và cái chết chỉ mong manh như sợi tóc. Cõi âm nhòa vào cõi dương, trần gian mất mé miệng vực của âm phủ. Trong không gian của thế giới ngổn ngang người sống kẻ chết ấy, cái tiếng quạ “gào lên từng hồi thê thiết” cùng với “mùi gây gây của xác người” càng tô đậm cảm giác tang tóc thê lương. Quả là cái đói lộ hết sức mạnh huỷ diệt cuộc sống đến mức kinh khủng.</p> <p>=> Hiện thực đói khát tàn khốc hiện diện qua cả hình ảnh, âm thanh, mùi vị.</p> <p>- Hiện thực tàn khốc khiến giá trị con người trở nên rẻ rúng. (Có thể đi vào phân tích nhân vật người vợ nhặt)</p> <p>+ Cốt truyện xoay quanh sự kiện “nhặt vợ” bất ngờ và trớ trêu của anh Tràng. Nhà Tràng chỉ có hai mẹ con ở cái xóm nghèo ven chợ. Là dân ngụ cư nên Tràng bị khinh rẻ. Đã thế, anh ta vừa luống tuổi lại vừa xấu trai nên ế vợ. Trong hoàn cảnh bình thường, Tràng không thể cưới được vợ, ấy vậy mà giữa nạn đói khủng khiếp, anh ta lại “nhặt” được “vợ” một cách tầm phơ tầm phào, chẳng cần phải cưới xin gì.</p> <p>+ Hiện thực tàn khốc khiến con người sống cuộc sống không ra người.</p> <p>Chẳng ai biết gốc tích của chị ta ở đâu? Cha mẹ là ai? Anh em thế nào? Tất cả đều không. Chỉ biết</p>
--	--

	<p>ngày ngày, chị ngồi lẫn vào đám đàn bà con gái tụ tập trước cửa kho thóc để nhặt nhanh hạt rơi hạt vãi hay chờ có ai thuê mướn việc gì thì làm để kiếm sống.</p> <p>+ Về hình thức, chị ta cũng giống như bao kẻ đói khát khác : Áo quần tả tơi như tổ đĩa... người gầy vêu vao, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt... Chị là hiện thân của hàng triệu con người bần cùng, đói rách, tha phương cầu thực và rồi sẽ chết gục nơi đầu đường xó chợ.</p> <p>+Chị ta dang đói. Đói lắm! Cái đói cào cào ruột gan khiến chị ta quên hẳn ý tứ của một người con gái trước người đàn ông chỉ mới quen một hai lần : Thị cầm đầu ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong thị cầm dĩa đôi đũa quệt ngang miệng rồi vừa thở vừa khen: Hả, ngon! Mê mãi ăn như chưa từng được ăn bao giờ, như thế là chị ta không phải mới đói một ngày mà đã đói cả tuần, đói sắp chết. Quá là cái đói đã đẩy lùi sĩ diện và nhân cách</p> <p>=>Người đàn bà ấy đã chấp nhận theo không một gã đàn ông xa lạ, xấu xí trước hết là để có miếng ăn, sau là để có một nơi nương tựa cho khỏi chết đói chứ đã có tình cảm gì với nhau đâu ?! Nghĩ cũng xấu hổ nên trên đường theo “chồng” về nhà, chị ta chả biết nói gì, chỉ ngượng ngùng và khó chịu khi thấy mọi người nhìn mình bằng con mắt tò mò.</p> <p>- Ở “Vợ nhặt”, Kim Lân càng chú tâm thể hiện vẻ đẹp tiềm ẩn ở những người dân nghèo của những người dân nghèo sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ(Vẻ đẹp của nhân vật bà cụ Tứ, Anh cu Tràng)</p> <p>+ Vẻ đẹp của đạo lí, của tình người.</p> <p>Đọc tác phẩm, người đọc rất trân trọng bà cụ Tứ. Người mẹ khôn khéo ấy thật tiêu biểu cho những người mẹ Việt Nam. Niềm tủi thân cho con trai, cho chính bản thân mình và cho cả đứa con gái (cái Đục) xấu số cũng không thể ngăn cản bà chia sẻ hạnh phúc với con trai dầu biết rằng "chao ôi người ta cưới vợ gả chồng cho con lúc ăn nên làm ra những mong có con đàn cháu đống" còn con mình lúc đói kém mới có được vợ... Lòng người mẹ nghèo ấy biết bao là xót xa, đau đớn. Nhưng thương con trai, bà thương cả con dâu “Chúng mày lấy nhau u cũng mừng lòng”. Song biết có qua nổi cái</p>
--	--

thì đời này không. Những giọt nước mắt mà bà cố giấu như chứa vị đắng cay pha lẫn sung sướng. Nhất là dù hiện tại đáng buồn, bà cụ Tứ vẫn rất lạc quan "Ai giàu ba họ, ai khó ba đời". Những tính toán của bà cụ thực xúc động. Bà cụ đã chủ động vẽ ra trước mắt các con một tương lai tươi sáng. Không ai ngờ một người mẹ sắp gần đất xa trời rồi mà vẫn giữ một niềm tin sắt đá

+ Vẻ đẹp ở ý thức, trách nhiệm đối với gia đình. (Buổi sáng hôm sau khi thức dậy)

Tràng sau đêm tân hôn thật tuyệt vời, "Trong phút chốc Tràng quên tất cả cảnh sống ê chề, tù ngục". Đặc biệt tiếng quét sân của vợ hẳn sảng nghe sao mà dễ thương đến thế. Đó là âm thanh cuộc sống, hạnh phúc gia đình. Người vợ quét dọn, mẹ dạy dỗ, Tràng cũng muốn làm cái gì đó để làm cho căn nhà sáng sủa hơn. Dường như mọi người đều nghĩ thu dọn cho tươm tất thì cuộc sống có lẽ sẽ tốt đẹp hơn. Bữa cơm ngày đói thật thảm hại nhưng ai cũng thấy ngon. Phải chăng mỗi thành viên đang cảm nhận về cuộc sống gia đình, về tương lai theo những cách khác nhau. Song ai cũng hi vọng về cuộc sống sẽ khá giả hơn

+ Vẻ đẹp ở niềm tin mãnh liệt vào tương lai, tin vào sự sống. (Cuộc chiến giữa sự sống và cái chết, ánh sáng và bóng tối ở buổi sáng hôm sau khi thức dậy của Gia đình Anh cu Tràng, hình ảnh đoàn người và lá cờ đỏ thắm trên đê sộp)

+ Và niềm tin đó không phải là không có cơ sở. Hình ảnh đoàn người đi phá kho thóc của Pháp – Nhật và hình ảnh của lá cờ đỏ sao vàng đã đưa tác phẩm ra khỏi phạm trù của văn học hiện thực. Lòng nhân đạo của Kim Lân không đi vào bế tắc. Nhà văn không đưa ra vấn đề và để đấy, không đặt nhân vật vào hoàn cảnh éo le không lối thoát. Một ánh hồng sáng tươi sẽ có sức giải thoát cuộc đời họ. Đó là cách mạng.

c. Bình luận về ý kiến

- Trong "Vợ nhặt", quả thực Kim Lân có miêu tả hiện thực tàn khốc trong nạn đói 1945, nhưng nhà văn vẫn chủ yếu hướng vào thể hiện những vẻ đẹp tiềm ẩn của người lao động. Chính nhiệt tình ngợi ca, trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp tâm hồn, vẻ đẹp nhân phẩm và đạo lý của người dân xóm ngụ cư

	<p>mới là cảm hứng chủ đạo của nhà văn và từ đó tạo nên giá trị nhân đạo sâu sắc cho tác phẩm.</p> <p>- Hai nhận định trên về truyện ngắn “Vợ nhặt” tuy có điểm khác nhau nhưng không hề đối lập. Trái lại, hai ý kiến cùng làm nổi bật giá trị của tác phẩm cũng như tư tưởng của Kim Lân qua truyện ngắn này.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>+ Thông qua việc miêu tả hiện thực nạn đói và niềm tin vào con người, đọc tác phẩm "Vợ nhặt" của Kim Lân chúng ta cũng cần biết thêm giá trị nhân đạo tuyệt vời trong "Vợ nhặt" không chỉ bởi tài năng, thiên bẩm của nhà văn. Kim Lân cùng với người vợ của mình đã từng ăn cháo cám, đã từng sống lay lắt, khổ sở. Như vậy vốn sống và cao hơn là niềm cảm thông sâu sắc, niềm tin tưởng vào hạnh phúc con người vào tương lai. Có lẽ sẽ không quá nếu ta gọi ông là nhà nhân đạo chủ nghĩa?</p> <p>+Giá trị nhân đạo của tác phẩm "Vợ nhặt" làm người ta nhớ mãi. Nhớ để hiểu rằng sự sống chẳng bao giờ là chán nản. Để có được cuộc sống tốt đẹp hơn thì cần có một niềm tin. Khao khát hạnh phúc gia đình vốn đã trở nên vĩnh cửu với tất cả mọi người trên trái đất bất kể họ là ai? Là Tràng rồi Chí Phèo v.v... ngay trong hoàn cảnh bi đát nhất.</p>
--	--

ĐÁP ÁN ĐỀ 8

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng: nghị luận/phương thức nghị luận.</p> <p>Câu 2. Trình tự lập luận trong đoạn trích được trình bày theo phương pháp tổng-phân-hợp.</p> <p>Câu 3. Nội dung cơ bản của đoạn trích: Những lời tâm sự (chia sẻ) của một phụ huynh: mong con trở thành người tử tế.</p> <p>Câu 4 . HS nêu quan điểm cá nhân và có những lí giải thuyết phục, nhưng không thể không tán đồng. Vì đó là ý kiến đúng đắn, sâu sắc và có trách nhiệm.</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Suy nghĩ về việc trở thành người tử tế từ mong ước của bậc phụ huynh</p> <p>2. Triển khai vấn đề * Giải thích - Tử tế: Đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi mà lẽ thường phải có để được coi trọng, có lòng tốt trong đối xử. - Làm việc tử tế: + Việc tử tế: Không nhất thiết phải là những việc to tát, sang trọng mà có khi chỉ là những việc nhỏ bé, bình thường nhưng là những việc tốt, có ý nghĩa. + Cách làm tử tế: Có trách nhiệm đối với việc mình làm. - Ứng xử tử tế: + Ứng xử có trách nhiệm, có văn hóa. + Trong mọi mối quan hệ, kể cả với bản thân, với trái đất. - Nội dung ý kiến: Sau này con có thể trở thành bất cứ ai (thành vĩ nhân hay chỉ là thường dân), có thể làm việc gì (việc lớn lao hay việc nhỏ bé) không quan trọng. Quan trọng là phải tử tế, làm việc tử tế, ứng xử tử tế. * Phân tích, bình luận - Nêu và phân tích những biểu hiện của việc tử tế và những người tử tế. - Tương lai là những gì sẽ diễn ra ở phía trước mà con người khó lường hết được. Vì vậy người ta</p>	

	<p>thường lo lắng và chuẩn bị chu đáo hành trang cho tương lai.</p> <p>- Bằng kinh nghiệm của những người đi trước, trách nhiệm đối với thế hệ sau, mong ước trên của bậc phụ huynh là rất đáng trân trọng. Đó là ý kiến đúng đắn, sâu sắc và có trách nhiệm.</p> <p>+ Trước hết, đáp ứng được thực tế: "ứng vạn biến" (có thể trở thành bất cứ ai, làm bất cứ việc gì).</p> <p>+ Sau nữa nó đảm bảo được chân lí "dĩ bất biến", có thể giúp con người trưởng thành, vững vàng trong mọi tình huống thử thách (làm việc tử tế, ứng xử tử tế). Dù xét ở góc độ nào đi nữa thì làm việc tử tế, ứng xử tử tế vẫn phải là thước đo giá trị con người trong mọi thời đại. Nó phải được tôn vinh.</p> <p>(Thí sinh có thể có suy nghĩ khác nhưng không trái với tinh thần của câu nói, không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật)</p> <p>3. Kết đoạn Bài học nhận thức và hành động</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu hoàn cảnh ra đời, mục đích sáng tác tập tùy bút Sông Đà của Nguyễn Tuân; hình tượng người lái đò trong Người lái đò Sông Đà.</p> <p>- Giải thích ngắn gọn ý nghĩa của cụm từ "thứ vàng mười đã qua thử lửa": chữ dùng của Nguyễn Tuân để chỉ vẻ đẹp tâm hồn của những con người mới, đã lao động và chiến đấu trên vùng sông núi hùng vĩ và thơ mộng trên Sông Đà</p> <p>2. Thân bài</p> <p>- Lí do NT chọn ông đò làm đối tượng sáng tác cho tác phẩm của mình</p> <p>+ Nhân vật trong văn chương của NT dù là làm nghề gì cũng đều tài hoa, nghệ sĩ trên chính nghề nghiệp của mình</p> <p>+ Ông lão lái đò chính là đại diện cho sự thay đổi quan niệm sáng tác của Nguyễn Tuân, đi từ cái tôi cá nhân đến cái ta chung của cộng đồng. Viết về những con người đại diện cho công cuộc xây dựng CNXH.</p> <p>=> Ông lão lái đò chính là bông hoa đẹp trong vườn hoa XHCN đẹp cả về thể chất lẫn tâm hồn.</p> <p>- Phân tích, chứng minh về vẻ đẹp tâm hồn của ông lái đò sông Đà:</p>	

	<p>+ Ông lái đò được xây dựng như là một đại diện, một biểu tượng của nhân dân (không chi tiết tên tuổi, quê quán). Đó là một người lao động rất đỗi bình thường, hoạt động trong một môi trường lao động khắc nghiệt, dữ dội.</p> <p>+ Ông lái đò gắn bó 10 năm với sông nước, ngày nào cũng cưỡi lên sông Đà như cưỡi hổ, là những trận chiến không khoan nhượng, đứng giữa sự mong manh của sự sống và cái chết => ảnh hưởng đến thể chất của ông lái đò. Công việc tạo ra dáng vẻ rất riêng cho ông lái.</p> <p>+ Âm thanh của sóng lúc nào cũng vang trong giọng nói của ông. Đôi mắt của ông nửa thực nửa mơ như lúc nào cũng nhìn về nơi bến bờ xa lắm. Ông đã ngoài 70 mà vẫn lực lưỡng quá. Cái đầu quắc thước, được đặt trên thân hình gọn quánh, to khỏe như có chất sừng, chất mun ở trong đó. Thời gian đã giật lùi trước vẻ đẹp của ông lái. Ông lái từ gương mặt, cho đến nụ cười đều là của tuổi trẻ.</p> <p>⇒ Đặc sắc hơn cả NT miêu tả ông lái đò với những nét đẹp tâm hồn ở ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt nhất. Nhân vật điển hình bao giờ cũng phải được đặt trong hoàn cảnh điển hình.</p> <p>- Ông mưu trí và dũng cảm để vượt qua những thử thách khắc nghiệt trong cuộc sống lao động hằng ngày:</p> <p>+ Ông lái đò là người có bản lĩnh phi thường. ông rất thích lướt trên những đoạn thác hồng hùng hùm beo như ở thượng lưu của sông Đà. Ông nói rằng nếu thuyền trên sông ở những đoạn không có thác thì sẽ rất dễ dãi chân tay và rất dễ buồn ngủ. Một người thích đương đầu với khó khăn thử thách. => Đó không chỉ là tính cách của ông lái mà còn là bản lĩnh của nhà văn Nguyễn Tuân trong tất cả các sáng tác của mình. Khi ông chỉ thích viết về xe cộ, thác dữ, viết về những vẻ đẹp dữ dội đến khác thường tột đỉnh.</p> <p>- Ông am hiểu đối tượng mà mình đang chinh phục:</p> <p>+ Ông hiểu tính nét con sông Đà "Lắm bệnh lắm chứng, chốc dịu dàng đấy, rồi chốc lại bản tính và gắt gông thác lũ ngay đấy", ông thuộc tên từng cái</p>
--	--

	<p>thác, nắm chắc binh pháp của thần sông, thần đá, từng luồng sinh cửa tử nơi ải nước hiểm trở...</p> <p>+ Đó còn là biểu hiện của tình yêu nghề nghiệp, như con ong làm mật yêu hoa, con cá bơi yêu nước, con chim ca yêu trời. Nếu ta coi sông Đà như một thiên anh hùng ca viết về Tây Bắc thì ông lái đò đã thuộc bản hùng ca ấy đến từng dấu chấm, dấu phẩy. Ông lão nhớ rất rõ cửa sinh cửa tử, đó là kinh nghiệm của những lần vượt thác chèo đò.</p> <p>+Vượt qua những trùng vi thạch trận trên sông Đà một cách ngoạn mục, ông đò có phẩm chất của một người anh hùng trí dũng song toàn, của một nghệ sĩ cầm chèo vượt thác "tay lái ra hoa".</p> <p>Cưỡi lên sông Đà con thác nào phải tránh ra sao, phải lùi phải tiến thế nào ông đều thực hiện vô cùng nhịp nhàng. Có cái tránh nó phải đảo nhanh tay chèo để chạy, có cái lại phải đề sấn lên để vượt qua. Nhiều lúc con đò của ông lao vun vút như tên tạc cắm vào bờ đá, cánh mở cánh khép như người kĩ sĩ cưỡi trên con ngựa bất kham để vượt qua 3 trùng vi thạch trận</p> <p>+ Ông có tâm hồn bình dị:</p> <p>Khi những kí ức về cuộc chiến "xèo xèo tan trong trí nhớ", nhà đò trở về với cuộc sống bình yên "đốt lửa trong hang đá, nướng ống cơm lam và toàn bàn tán về cá anh vũ, cá dầm xanh, về những cái hầm cá, hang cá mùa khô...", "cũng chả thấy ai bàn thêm một lời nào về cuộc chiến thắng vừa qua".</p> <p>- Đánh giá</p> <p>→ Ông lái đò mang những phẩm chất cao đẹp của người lao động trong thời đại mới: giản dị mà không kém phần hùng tráng, khỏe khoắn và cũng đầy mưu trí. Đó là những con người tự do, làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời. Làm nên chất vàng mười đã qua thử lửa của Tây bắc một thời.</p> <p>3. Tiểu kết</p> <p>- Một vài nét đặc sắc trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Tuân:</p> <p>+đặt nhân vật vào những tình huống đầy cam go, thử thách để nhân vật bộc lộ tính cách, phẩm chất</p> <p>+phối hợp những thủ pháp tiêu biểu của các loại hình nghệ thuật khác để miêu tả và kể chuyện...</p>
--	--

	<p>4. Kết bài</p> <p>-Khẳng định được Nguyễn Tuân đã tìm ra “ thứ vàng mười đã qua thử lửa” ở nhân vật người lái đò, đại diện cho những con người đi tìm cảm hứng sáng tác mới từ cái tôi cá nhân đến cái ta chung của cộng đồng</p> <p>- Thành công ở thể loại tùy bút và được mệnh danh là một nhà ngôn ngữ, một nhà văn uyên bác, hơn đời hơn người.</p>	
--	--	--

PHẠM MINH NHẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ 9

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: Biểu cảm</p> <p>Câu 2. Đoạn trích sử dụng nhiều biện pháp tu từ, học sinh có thể chọn 1 biện pháp và nêu hiệu quả nghệ thuật của chúng</p> <p>- Câu hỏi tu từ (Mình về.....Chăng?/ Sáng đèn còn...rừng/ Bao giờ...vui?). Tác dụng: tạo ấn tượng đặc biệt cho đoạn thơ, nhắc nhở, khắc sâu trong lòng người ra đi những kỉ niệm với quê hương Việt Bắc.</p> <p>- Điệp ngữ</p> <p>+ Lặp đi lặp lại cụm từ còn thấy, còn nhớ, tác dụng: nhấn mạnh, lay động tình cảm của người ra đi.</p> <p>+ Lặp đi lặp lại từ ngày mai. Tác dụng: nhấn mạnh niềm tin, niềm hi vọng về một tương lai tươi sáng.</p> <p>Câu 3. - Kết cấu đối đáp</p> <p>- Mượn lời đối đáp giữa kẻ ở, người đi, đoạn thơ gọi nhắc những kỉ niệm kháng chiến, bày tỏ tình cảm lưu luyến nhớ nhung tha thiết mặn nồng của người đi, kẻ ở, đồng thời khẳng định lối sống nghĩa tình, niềm tin vào một ngày mai tươi sáng.</p> <p>Câu 4. Học sinh tự do bày tỏ điều mình tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn thơ. Cần lí giải vì sao mình tâm đắc nhất điều đó</p> <p>VD: Lối sống nghĩa tình, Tình cảm quân dân như cá với nước..v..vv</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Lối sống</p>	

	<p>nghĩa tình</p> <p>2. Triển khai vấn đề</p> <p>Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa tình: Là tình cảm thủy chung hợp với lẽ phải, với đạo lí làm người - Lối sống nghĩa tình là lối sống thủy chung, gắn bó keo sơn giữa con người với con người. <p>Đánh giá, bình luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sống có nghĩa có tình là một đạo lí truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, một tiêu chuẩn để đánh giá phẩm chất đạo đức của con người. - Lối sống nghĩa tình thể hiện ở thái độ sống trước sau như một, yêu thương, cảm thông, sẵn sàng chia ngọt sẻ bùi, sẵn sàng giúp đỡ nhau khi khó khăn hoạn nạn, luôn biết ơn, trân trọng sự giúp đỡ của người khác... - Người sống không tình nghĩa, phản bội bè bạn, người thân, tổ quốc ...không biết yêu thương, trân trọng những người giúp đỡ mình, cho mình cuộc sống tốt đẹp... sẽ bị cười chê, lên án. <p>- Lấy dẫn chứng</p> <p>3. Kết đoạn</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động để duy trì lối sống tốt đẹp này, đồng thời liên hệ bản thân.</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm - Giới thiệu về ý kiến được nêu ra <p>Giá trị hiện thực của truyện thể hiện tập chung ở việc tái hiện bức tranh chân thực về số phận đau khổ của đồng bào dân tộc miền núi dưới chế độ phong kiến chúa đất.</p> <p>2. Thân bài</p>	

	<p>- Giải thích ý kiến:</p> <p>+ Giá trị hiện thực là khả năng tái hiện hiện thực của tác phẩm văn chương. Một tác phẩm có giá trị hiện thực khi miêu tả chân thực, đầy đủ, sinh động hiện thực cuộc sống, giúp người đọc có những hiểu biết sâu sắc về đối tượng mà nhà văn miêu tả.</p> <p>+ Ý kiến là lời đánh giá về một biểu hiện của giá trị hiện thực trong tác phẩm Vợ Chồng A Phủ, Tác phẩm miêu tả đầy đủ, chân thực số phận đau khổ, bất hạnh của đồng bào dân tộc miền núi dưới ách thống trị của bọn phong kiến chúa đất.</p> <p>- Phân tích, chứng minh để thấy rõ giá trị hiện thực, nhân đạo của tác phẩm (Chi tiết trong phần tài liệu)</p> <p>+ Số phận đau khổ của cha mẹ Mị: Vì nghèo nên lấy nhau không có tiền phải vay nợ nhà thống lí, mẹ My chết vẫn chưa hết nợ. Cha My sống trong đau khổ vì con gái phải làm người ở (danh nghĩa là con dâu) để trả nợ thay mình.</p> <p>+ Số phận đau khổ của Mị: Bị bắt làm con dâu gạt nợ +Mị đã có ý định tự tử. Mặc dù đã phản ứng quyết liệt và không đồng ý làm con dâu nhà thống lí nhưng Mị đã bị chúng bắt cóc về làm vợ. Hiện thực xã hội về một xã hội thần quyền, tiền quyền đẩy con người vào bước đường cùng. Mị bị bắt về làm dâu mà thống lí và bị cùng trình ma, chờ ngày chết rũ xương ở đây. Bị bóc lột sức lao động tàn tệ +Mị làm việc chẳng khác nào con trâu con ngựa</p>	
--	--	--

	<p>trong nhà thống lí. Cô đang sống kiếp nô lệ, bóc lột.</p> <p>=> Số phận chung của người lao động Tây Bắc dưới thời Chúa đất.</p> <p>Bị đày đọa về tinh thần</p> <p>+Lúc nào mặt cô cũng buồn rười rượi. Mị ngồi dẽ vãi cạnh tảng đá và cái tàu ngựa => Một tâm hồn đã chết.</p> <p>+Từ ngày về nhà thống lí, Mị đã hoàn toàn khác. Mị không khóc nữa. Mị sống lủi lủi như con rùa nuôi nơi xó cửa. Như cái bóng cái xác vô hồn, Mị chỉ đang kéo dài những ngày còn chưa chết mà thôi. Đó là hình ảnh cô Mị với sức sống đang tàn phai mai một. Bây giờ cha Mị cũng đã chết, nhưng Mị không còn muốn tự tử nữa.</p> <p>+Nơi ở của Mị là một căn phòng tối tăm, chật hẹp, ẩm ướt, có một ô cửa bé bằng lòng bàn tay lúc nào cũng mờ mờ trắng trắng, không biết là sương hay là nắng, là ngày hay đêm. Bị chà đạp lên nhân phẩm.</p> <p>+ Dù lấy A Sử nhưng giữa hai người không có tình yêu. Ngày hội, Mị không được A Sử cho đi chơi mà còn bị trói vào cột nhà rồi đánh đập một cách tàn nhẫn.</p> <p>+Khi đắp thuốc cho A Sử, cô còn bị hấn đập vào mặt không thương tiếc</p> <p>=> Sự đày đọa khiến Mị tê liệt khát vọng sống, tê liệt ý thức đấu tranh, , như cái xác không hồn...</p> <p>+ Số phận đau khổ của A Phủ:</p> <p>Sinh ra đã bất hạnh (Bố mẹ, anh em không còn ai,</p>	
--	--	--

	<p>cả làng chết hết vì bệnh dịch, 10 tuổi bị đem bán xuống bản người Thái...)</p> <p>Lớn lên sống kiếp làm thuê, làm mướn, nghèo khó đến nỗi không có tiền cưới vợ.</p> <p>Bị đánh đập, tra tấn dã man, bị phạt vạ, trở thành người làm công trừ nợ cho nhà thống lí.</p> <p>Vì để hổ ăn thịt mất một con bò mà bị đánh, trói nhiều ngày, có thể sẽ bị chết.</p> <p>+ Số phận đau khổ của những người dân khác:</p> <p>Nhiều người bị trói rồi bỏ quên đến chết.</p> <p>Có những người chưa già nhưng lưng đã cong rạp xuống.</p> <p style="text-align: center;"><i>- Nhận xét về nghệ thuật</i></p> <p>+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật độc đáo, mỗi nhân vật được khai thác từ những điểm nhìn khác nhau.</p> <p>+ Miêu tả tâm lí sinh động.</p> <p>+ Ngôn ngữ đậm chất miền núi, lối kể chuyện linh hoạt.</p> <p style="text-align: center;">3. Tiểu kết, đánh giá chung về nhận định</p> <p>+ Miêu tả cuộc đời số phận của người lao động miền núi trước cách mạng tháng tám, Tô Hoài bày tỏ niềm yêu mến, cảm thông với những bất hạnh của họ.</p> <p>+ Nhà văn còn cất lên tiếng nói lên án, tố cáo chế độ phong kiến chúa đất miền núi đã dày dọ con người, đẩy họ vào cảnh lầm than, bất hạnh.</p> <p>+ Viết tác phẩm, nhà văn đưa người đọc đến với cuộc sống của đồng bào dân tộc, giúp người đọc cảm thông yêu mến những con người nơi đây, từ đó trân trọng những ước mơ, khát vọng, trân trọng</p>	
--	---	--

	<p>sức sống tiềm tàng, khả năng tự giải phóng và tìm đến cách mạng của họ.</p> <p>4. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none">- Từ việc phân tích giá trị hiện thực -> Khẳng định truyện có giá trị nhân đạo mới mẻ hướng đến cuộc sống của người lao động Tây Bắc, đồng thời tác giả đã mở đường cho họ đến với cuộc sống tươi đẹp hơn. Tô Hoài xứng đáng là một nhà nhân đạo từ trong cốt tủy- Tác phẩm đã mở đầu cho dòng văn học hiện thực phê phán và xuất sắc khi viết về đề tài miền núi.	
--	--	--

ĐÁP ÁN ĐỀ 10

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: PCNN chính luận</p> <p>Câu 2: Tác giả “Bất chợt giật mình, hạnh phúc đơn giản vậy sao?” bởi vì:</p> <ul style="list-style-type: none">- Khi nghĩ đến hạnh phúc thì con người thường nghĩ đến những gì cao xa, to lớn nhưng thực ra hạnh phúc là những gì rất giản dị, gần gũi quanh ta.- Con người thường không nhận ra giá trị của những gì mình đang có, vì vậy thường “than phiền mình bất hạnh chứ ít khi biết được rằng mình đang hạnh phúc”. <p>Câu 3 - Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (9): liệt kê, điệp ngữ, tương phản-đối lập.</p> <ul style="list-style-type: none">- Tác dụng:<ul style="list-style-type: none">+ Tạo giọng điệu thiết tha, hùng hồn, mạnh mẽ để tăng tính thuyết phục.+ Nhấn mạnh sự tương phản về hoàn cảnh của chúng ta và biết bao nhiêu người để từ đó gọi ra quan niệm về một hạnh phúc giản đơn. <p>Câu 4: HS tự do nêu cảm nghĩ về thông điệp có ý nghĩa nhất trong đoạn trích, trình bày dưới dạng đoạn văn mạch lạc: ”Chúng ta cần biết trân trọng những hạnh phúc bình dị, giản đơn nhưng thiết thực trong cuộc sống”</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn: Dẫn dắt, xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Hạnh phúc của giới trẻ trong cuộc sống hiện đại ngày nay</p> <p>2. Triển khai vấn đề Giải thích: Hạnh phúc là gì? Hạnh phúc là một trạng thái tâm lý của con người khi ta cảm thấy vui vẻ, thoải mái.</p> <p>- Bàn luận, đánh giá</p> <p>* Quan niệm của giới trẻ về hạnh phúc:</p> <ul style="list-style-type: none">- Hạnh phúc là hưởng thụ.- Hạnh phúc là trải nghiệm.- Hạnh phúc là sống vì người khác.- Hạnh phúc là hài hòa giữa lợi ích của cá nhân và cộng đồng <p>* Vì sao giới trẻ hiện nay lại có những quan niệm khác nhau về hạnh phúc?</p> <ul style="list-style-type: none">- Thời đại mà kinh tế xã hội ngày càng phát triển, con người dễ coi trọng lối sống vật chất, vì vậy dễ	

	<p>này sinh quan niệm hạnh phúc là hưởng thụ. - Thời đại ngày nay cũng đặt ra nhiều thách thức, cơ hội, vì vậy giới trẻ cũng năng động hơn, dám sống dám trải nghiệm, dám hi sinh vì người khác</p> <p>3. Kết đoạn Bài học nhận thức và hành động - Cần có những quan niệm đúng đắn về hạnh phúc. - Luôn hoàn thiện mình để hướng tới một hạnh phúc chân chính.</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm Lưu Quang Vũ được coi là một hiện tượng đặc biệt của sân khấu, một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại. – Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong những vở kịch gây tiếng vang lớn. Từ cốt truyện dân gian, nhà văn xây dựng một vở kịch hiện đại chứa đựng nhiều vấn đề mới mẻ, có ý nghĩa tư tưởng và triết lý nhân sinh sâu sắc. – Hồn Trương Ba bị đẩy vào tình huống éo le, có sự đấu tranh gay gắt với chính thể xác mà mình được trú ngụ. Lóp kịch này là một phần của cảnh 7. Nỗi đau khổ dần vật trong nhân vật Hồn Trương Ba phát triển lên đến đỉnh điểm để từ đó đi đến quyết định cuối cùng.</p> <p>2. Thân bài * Giải thích: + Thể xác và linh hồn là một thể thống nhất, là hai mặt tồn tại không thể thiếu trong một con người. + Bi kịch là nỗi đau đớn, tủi cực đến tột cùng không sao thoát khỏi được. + Khát vọng: là những mong muốn của con người về những điều lớn lao, tốt đẹp với một sự thôi thúc mạnh mẽ. * Phân tích chỉ ra tính bi kịch và khát vọng của Hồn Trương Ba: – Bi kịch của nhân vật Hồn Trương Ba: - Nỗi khổ day dứt của một nhân vật khi tâm hồn thanh cao phải ẩn nấp trong xác anh hàng thịt thô thiển, hơn thế Hồn Trương Ba có nguy cơ bị thân xác lấn át. Hồn phải trải qua những cuộc đấu tranh với thể xác đầy ham muốn bản năng. Cuộc đối thoại giữa hồn và xác càng khiến hồn rơi vào bế tắc, đau khổ.</p>	

	<p>+ Hồn bức bối bởi không thể nào thoát ra khỏi cái thân xác mà hồn ghê tởm. Hồn đau khổ bởi mình không còn là mình nữa. Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng lắm. Hồn Trương Ba cũng càng lúc càng rơi vào trạng thái tuyệt vọng.</p> <p>+ Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế yếu, đuối lí bởi xác nói những điều mà dù muốn hay không muốn Hồn vẫn phải thừa nhận : cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với “tay chân run rẩy”, “hơi thở nóng rực”, “cổ nghẹn lại” và “suýt nữa thì...”. Đó là cảm giác “xao xuyến” trước những món ăn mà trước đây Hồn cho là “phàm”. Đó là cái lần ông tát thẳng con ông “tóc máu mồm máu mũi”,... Xác anh hàng thịt gọi lại tất cả những sự thật ấy khiến Hồn càng cảm thấy xấu hổ, cảm thấy mình ti tiện. Xác anh hàng thịt còn cười nhạo vào cái lí lẽ mà ông đưa ra để nguy biện: “Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,...”. Trong cuộc đối thoại này, xác thẳng thê nên rất hả hê tuôn ra những lời thoại dài với chất giọng khi thì mỉa mai cười nhạo khi thì lên mặt dạy đời, chỉ, châm chọc. Hồn chỉ buông những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.</p> <p>- Từ khi phải trú ngụ trong thân xác anh hàng thịt để sống, hồn Trương Ba càng trở nên đáng sợ và xa lạ trong mắt người thân. Bị kịch bị từ chối.</p> <p>(dẫn chứng: Hồn Trương Ba đâu còn là người làm vườn chăm chỉ, hiền hậu, hết lòng yêu thương vợ con như ngày xưa. Hồn Trương Ba vụng về, thô lỗ chữ không còn nhẹ nhàng khéo léo khi chăm sóc cây cối hay chữa nan điều cho Cu Tỵ. Ngay cả chị con dâu rất yêu thương bố chồng mà chị cũng không khỏi ngỡ ngàng, xót xa sự thay đổi của bố chồng...)</p> <p>+Tất cả những người thân yêu của Hồn Trương Ba đều nhận ra cái nghịch cảnh trở trêu. Sau tất cả những đối thoại ấy, mỗi nhân vật bằng cách nói riêng, giọng nói riêng của mình đã khiến Hồn Trương Ba cảm thấy không thể chịu nổi. Nỗi cay đắng với chính bản thân mình cứ lớn dần... lớn dần, muốn đứt tung, muốn vọt trào.</p> <p>- Nhà viết kịch đã để cho Hồn Trương Ba còn lại tro trọi một mình với nỗi đau khổ, tuyệt vọng</p>
--	---

lên đến đỉnh điểm, một mình với những lời độc thoại đầy chua chát nhưng cũng đầy quyết liệt: “Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta ạ... Nhưng lẽ nào ta lại chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình? “Chẳng còn cách nào khác”! Mày nói như thế hả? Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có thật không còn cách nào khác? Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!”. Đây là lời độc thoại có tính chất quyết định dẫn tới hành động châm hương gọi Đế Thích một cách dứt khoát. Sự do dự bị đẩy lùi, bị xua tan. Sự tình ngộ của hồn Trương Ba tuy muộn màng nhưng thật có nhiều ý nghĩa. Con đường tự giải thoát, linh hồn đã nhìn thấy ánh sáng.=> Thái độ cư xử của người thân khiến cho Hồn Trương Ba đau khổ, tuyệt vọng, đi đến quyết định giải thoát.

– Khát vọng của Hồn Trương Ba:

+ Hồn Trương Ba cảm thấy không thể sống “bên trong một đấng bên ngoài một nẻo” muốn tách ra khỏi thân xác kèn càng thô lỗ. Những lời thoại của Hồn Trương Ba với Đế Thích chứng tỏ nhân vật Hồn Trương Ba đã tự ý thức về tình cảnh trở trêu đầy tính bi hài.

+ Để giữ sự trong sạch của mình Hồn Trương Ba đã chấp nhận cái chết vĩnh viễn, khước từ cuộc sống không phải là mình. Quyết định dứt khoát xin Đế Thích cho Cu Ty được sống lại cho mình được chết hẳn chứ không nhập vào ai nữa.

=> Hồn Trương Ba là kết quả của một quá trình diễn biến hợp lý cho thấy Trương Ba là con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng. Đặc biệt đó là con người ý thức được ý nghĩa của cuộc sống, khao khát được sống đúng với mình.

3. Đánh giá, nhận xét về nghệ thuật trong đoạn :

– Nghệ thuật thể hiện:

+ Xây dựng tình huống kịch căng thẳng. +Ngôn ngữ nhân vật sinh động.

+ Cùng với diễn tả những hành động bên ngoài, tác giả còn rất thành công khi phản ánh thế giới tinh

	<p>thần của nhân vật.</p> <p>4. Tiêu kết Ý nghĩa tư tưởng: – Được sống làm người là rất quý giá song được sống đúng là mình, sống trọn vẹn giá trị mà mình vốn có và theo đuổi còn quý giá hơn. Sự sống chỉ có ý nghĩa khi con người được sống tự nhiên với sự hài hoà giữa thể xác và tâm hồn. – Con người phải luôn luôn biết đấu tranh với những nghịch cảnh, với chính bản thân, chống lại sự dung tục để hoàn thiện nhân cách và vươn tới những giá trị tinh thần cao quý. => Có ý nghĩa thực tế rất cao bởi đây không chỉ là vấn đề của nhân vật Trương Ba mà còn là vấn đề của con người hiện đại. Gợi mở lối sống đúng đắn để đem lại hạnh phúc và sự thanh thản của tâm hồn. sự tha hoá ở mỗi con người trong đời sống hiện nay.</p> <p>5. Kết bài - Tóm lại, trong đoạn trích, tác giả Lưu Quang Vũ đã thể hiện một cách sâu sắc và sinh động bi kịch của nhân vật Hồn Trương Ba, bi kịch của một con người không được sống toàn vẹn mà mình phải sống “bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo”. - Qua bi kịch của Hồn Trương Ba, nhà viết kịch tài năng đã gửi tới độc giả nhiều thế hệ những triết lý nhân sinh sâu sắc về hạnh phúc, sự sống và cái chết, đồng thời phê phán một số biểu hiện tiêu cực trong lối sống lúc bấy giờ, góp phần đấu tranh chống lại sự tha hoá ở mỗi con người trong đời sống hiện nay.</p>
--	---

ĐÁP ÁN ĐỀ 11.

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự</p> <p>Câu 2: Câu chuyện kể về cậu bé Wills từng đau khổ và không muốn sống, làm việc nhưng cậu được truyền niềm tin qua lời khuyên, sự khích lệ. Nhờ vậy cậu đã trở thành nhà văn nổi tiếng của nước anh. Qua đó khẳng định sức mạnh của những lời khuyên chân thành, những lời khen thật tâm có thể thay đổi cuộc đời, số phận con người, mang đến những điều tốt đẹp trong cuộc sống</p> <p>Câu 3: Cậu bé trong văn bản trên từ chỗ “đau khổ”, “không muốn sống nữa” sau đó lại trở thành người có ích cho cuộc đời bởi vì cậu nhận được sự khích lệ từ người thầy của mình ⇒ Lợi động viên giúp con người ta lạc quan, có niềm tin hơn trong cuộc sống</p> <p>Câu 4: HS tự nêu cho mình một bài học tâm đắc nhất rút ra từ câu chuyện: VD: Hãy nói ra những lời khen để có thể giúp đỡ người khác, sống phải có niềm tin, niềm lạc quan, yêu đời trong cuộc sống...v..v</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Sức mạnh của những lời động viên đúng lúc</p> <p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích : + Lời khen ngợi, động viên: là những lời nói có tác dụng tích cực, giúp cho đối tượng đón nhận nó cảm thấy vui vẻ, tìm ra những điểm mạnh của bản thân + Đúng lúc: đúng thời điểm + tác động phi thường: tạo ra những thứ mà chính người khen cũng không ngờ đến. ⇒ Kq nội dung câu nói : Khẳng định giá trị ý nghĩa của những lời động viên đúng lúc, nó có tác động tích cực đến đến người đón nhận lời khen, để họ có thể làm nên những điều lớn lao trong cuộc đời, vượt qua bóng tối.</p> <p>- Phân tích, đánh giá, bình luận + Trong lúc người ta nản chí nhất thì dù là một lời động viên nhỏ thôi cũng đủ tiếp thêm sức mạnh để</p>	

	<p>cam thấy ấm lòng và bước tiếp</p> <p>+Con người khi gặp khó khăn sẽ cảm thấy mù quáng, những lời khen mang tính chất khách quan sẽ giúp nhìn nhận vấn đề đúng đắn hơn</p> <p>+ Lời khen. Động viên giúp họ nhận ra điểm mạnh, điểm yếu của bản thân mình để có thể sửa chữa và tiếp tục phát huy làm nên những điều lớn lao trong cuộc sống, chống chọi với hoàn cảnh.</p> <p>+ Khiến người khác có được sự hưng phấn, có được niềm tin vào chính bản thân mình và mối quan hệ giữa người với người ngày càng gắn bó hơn</p> <p>=></p> <p>+Cần phải đón nhận những lời động viên, khen ngợi một cách tỉnh táo, tránh trường hợp để bản thân rơi vào sự ảo tưởng và tự cao về chính bản thân mình</p> <p>+ Tuy nhiên, không được nhầm lẫn lời động viên, khen ngợi bằng sự xu nịnh, giả tạo.</p> <p>+Những lời khen ngợi có thể đến từ bất kì ai nhưng luôn luôn xuất phát từ sự chân thành</p> <p>+Lấy dẫn chứng minh họa</p> <p>3. Kết đoạn</p> <p>- Liên hệ bản thân và bài học rút ra</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1.Mở bài</p> <p>- Giới thiệu về tác giả, tác phẩm</p> <p>- Hình tượng tiếng đàn trong tác phẩm là hình tượng độc đáo, bởi nó thể hiện sự sáng tạo của người nghệ sĩ và chính là sức mạnh bất diệt của nghệ thuật chân chính</p> <p>2. Thân bài</p> <p>* Cảm nhận về hình tượng tiếng đàn qua sự phân tích từng khổ thơ đặc sắc:</p> <p>– Bao trùm tác phẩm là âm thanh của tiếng ghi-ta. Tiếng đàn là hình tượng xuyên suốt bài thơ, là một biểu tượng đa nghĩa.</p> <p>– Tiếng đàn là biểu tượng cho đất nước Tây Ban Nha cùng với hình ảnh áo choàng đỏ. Tiếng đàn ghi-ta góp phần khẳng định và ca ngợi vẻ đẹp nổi bật của con người và đất nước Tây Ban Nha: phóng khoáng, sôi nổi, giàu nhiệt huyết, yêu tự do và lãng mạn.</p>	

	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếng đàn gắn liền với hình ảnh Lorca, thể hiện vẻ đẹp tâm hồn và cuộc đời người nghệ sĩ. Tiếng đàn nói lên tình cảm gắn bó với quê hương đất nước (tiếng ghi ta nâu). Tiếng đàn gửi gắm tình yêu của thi sĩ dành cho cô gái ấy. Tiếng đàn vỡ tan gọi lên số phận mong manh của người nghệ sĩ. Tiếng đàn gắn liền với Lorca ở những giây phút ngắn ngủi cuối cùng của cuộc đời (tiếng ghi ta rờn rờn máu chảy). - Tiếng đàn tượng trưng cho sự bất tử của người nghệ sĩ chân chính, của nghệ thuật chân chính (tiếng đàn như cỏ mọc hoang). - Hình tượng tiếng đàn với nhiều tầng nghĩa đã liên kết các khổ thơ, khơi gợi mạch cảm xúc dạt dào của tác giả. Đây cũng là hình tượng thơ được sáng tác theo phong cách tượng trưng, siêu thực, góp phần làm nên thành công đặc biệt của bài thơ. <p>⇒ Tiểu kết về nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật: Lối thơ không viết hoa đầu dòng tạo mạch thơ liên tục, hình ảnh tượng trưng, siêu thực, hình tượng sáng tạo... <p>* Suy nghĩ về sức sống bất diệt của nghệ thuật chân chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghệ thuật chân chính là sự kết tinh và thăng hoa của tài năng và tâm hồn người nghệ sĩ. Đó cũng chính là sự phản ánh cái đẹp cao cả nói chung của cuộc đời. - Nghệ thuật chân chính luôn có sức sống kì diệu và bất tử, người nghệ sĩ không thể sống mãi với thời gian nhưng những giá trị tinh thần đích thực mà họ để lại luôn được đông đảo nhân dân ngưỡng mộ và gìn giữ, lưu truyền đến muôn đời. - Nghệ thuật chân chính mang những giá trị chân, thiện, mỹ đến cho cuộc đời. Nó khẳng định một chân lí của nghệ thuật: dù ở thời đại nào, ở quốc gia nào, trong hoàn cảnh nào con người vẫn sẽ luôn tôn sùng nghệ thuật chân chính.
--	--

	<p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none">- Khẳng định bài thơ là một tác phẩm nghệ thuật có vẻ đẹp chân chính, bất diệt. Gợi cho con người những suy nghĩ về cuộc đời, về những triết lí nhân sinh.- Hình tượng tiếng đàn tượng trưng cho sức sống bất diệt của nghệ thuật trong cuộc sống.	
--	--	--

PHẠM MINH NHẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ 12

Phần 1. Đọc hiểu

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2: Thèm khát nổi tiếng đến mức không thể tin nổi” là:

- Làm những việc phi lí, bất thường để được nhiều người biết đến bất chấp danh dự, tính mạng, tình cảm, lợi ích của bản thân và gia đình

→ đó là thèm khát vô nghĩa, là trạng thái tâm lí không bình thường cần được thức tỉnh của một bộ phận giới trẻ đang lạm dụng các trang mạng xã hội và chưa xác định được phương hướng, mục đích sống của bản thân.

Câu 3: – Ngưng sống ảo là sống đúng với hoàn cảnh ngoài đời của mình, không thể hiện quá đà, thái quá, lộ bịch... trên mạng xã hội, Internet, không mơ màng về cuộc sống thực tại...

Đối mặt với thực tại, chấp nhận khó khăn, thích nghi và cải tạo hoàn cảnh, tìm cách phát huy ưu điểm của mình hạn chế những nhược điểm, tìm cơ hội khẳng định bản thân trong cuộc sống thực...

Với những nỗ lực đó chắc chắn cuộc sống của bất kì cá nhân nào cũng sẽ tốt hơn.

Câu 4:

Học sinh có thể chọn một trong các thông điệp sau (phải trích dẫn trọn vẹn mới cho điểm tối đa):

- Nên nhớ, giữa số like và trí tuệ thì trí tuệ mới chính là thứ giúp bạn nổi tiếng hoặc thành công thật sự và lâu dài.
- Còn mạo hiểm tính mạng, bạn có thể có số like cao nhất thời nhưng nếu gặp sự cố sẽ để lại di chứng cho đến suốt đời.
- Hành động tương tự như trên nghĩa là bạn tàn phá cơ thể, tàn phá công lao nuôi dưỡng của gia đình, đang tàn phá cả tương lai.
- Cư dân mạng hãy tỉnh táo, đừng bao giờ phí nút like cho những hành động kiểu này, nếu không, chính chúng ta là một kẻ tiếp tay cho những cá nhân “thèm khát nổi tiếng đến mức không thể tin nổi” đưa mình vào vòng nguy hiểm.
- Ngưng sống ảo, tập trung vào làm việc. Cuộc sống của bạn sẽ tốt hơn nhiều.
- Ngưng like dạo, chỉ lan truyền những trào lưu đẹp.

	Cuộc đời quanh bạn sẽ thú vị hơn nhiều.	
Phần 2. Làm văn. NLXH	<p>1. Mở đoạn</p> <p>- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Giữa số like và trí tuệ thì trí tuệ mới chính là cái đưa con người ta đến với những thành công, sự nổi tiếng</p> <p>2. Triển khai vấn đề Giải thích</p> <p>- số like, trí tuệ → so sánh và khẳng định: để có thành công thật sự và bền vững trong cuộc sống thì không thể dựa vào thái độ yêu thích của cư dân mạng mà phải dựa vào năng lực, trí tuệ của bản thân- dựa vào nội lực của bản thân.</p> <p>- Phân tích, chứng minh, bình luận, đánh giá (Yêu cầu: có ví dụ thực tế...):</p> <p>+ Cuộc sống trên các trang mạng xã hội:</p> <p>- Với những cuộc thi bình chọn qua mạng cho một cá nhân nào đó, ngay cả người chiến thắng nếu sau này không cố gắng phấn đấu học tập, làm việc thì chiến thắng cũng chỉ là nhất thời.</p> <p>+ Với bản thân: đã mất thời gian đợi like và bấm like như thế nào?</p> <p>+ Cuộc sống trong thế giới thực: Thái độ yêu, ghét là nhất thời, tùy từng thời điểm của cuộc sống</p> <p>+ Điều quan trọng là duy trì và phát triển trí tuệ, thành tựu và lòng nhân ái, tình yêu thương của bản thân... thì chắc chắn sẽ thành công thật sự và lâu dài thậm chí là nổi tiếng trong cộng đồng làng, xã, thành phố, quốc gia... => Khẳng định: ý kiến hoàn toàn đúng</p> <p>3. Kết đoạn</p> <p>- Bài học cho bản thân:</p> <p>- Thay vì mất thời gian tìm cách câu like và bấm like thì hãy dành thời gian đó để học tập, giúp đỡ cha mẹ việc nhà, tập luyện thể dục thể thao, vệ sinh môi trường sống... → làm việc có ích cho bản thân, gia đình và xã hội để dần từng bước khẳng định giá trị của bản thân và thành công trong cuộc sống</p>	
Làm văn. NLVH	<p>1. Mở bài</p> <p>- Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm</p> <p>- Nổi bật trong tác phẩm là hình tượng đôi bàn tay của Tnu, đây là hình ảnh gắn liền với tính sử thi của tác phẩm.</p>	

2. Thân bài

- Cảm nhận về hình tượng đôi bàn tay của Tnú

+ Nổi bật cho những phẩm chất và hình ảnh Tnú phải kể đến hình ảnh đôi bàn tay. Có thể nói, chi tiết, hình ảnh đôi bàn tay của Tnú mang đến những ấn tượng rất lớn trong lòng người đọc. Đặc biệt nó mang đậm ý đồ nghệ thuật mà tác giả muốn gửi gắm qua đó.

+ Đôi bàn tay Tnú không chỉ dừng lại ở bàn tay lao động mà còn là bàn tay chiến đấu của người chiến sĩ, bàn tay trong máu lửa khốc liệt. Bàn tay ấy hiện lên trong những câu văn xuôi, nhưng vẫn đẹp như thơ, nổi bật khối và hình, như chạm khắc của hội họa, của vũ, nhạc và đặc biệt hơn là gửi tới bạn đọc biết bao điều vừa giản dị thân thương, vừa thiêng liêng, vừa cao cả.

– Thoạt đầu, đây là hai bàn tay lúc còn lành lặn. Đôi bàn tay chú bé mồ côi nắm lấy tay cô bé Mai chăm chỉ chặt củi, xách nước, lên rẫy trồng tía, xách xà lét giấu gạo đi nuôi cán bộ Quyết. Đôi bàn tay Tnú cầm viên phấn bằng đá trắng lấy từ núi Ngọc Linh về tập viết chữ, mở dần cánh cửa cuộc đời để đến với cách mạng. Và cũng chính đôi bàn tay bé nhỏ ấy đã dùng cảm mang công văn đi làm liên lạc vì căm thù thằng giặc vô nhân. Bọn giặc bắt được Tnú, tra tấn dã man, hỏi cộng sản ở đâu, Tnú đặt tay lên bụng mình và nói: “Ở đây này”. Bàn tay Tnú chỉ rõ và khẳng định lý tưởng cách mạng không ở đâu xa mà ở ngay trong tâm hồn mình. Đây chính là nét đẹp thứ nhất của bàn tay Tnú: bàn tay của sự tín nghĩa, thủy chung.

+ Bàn tay Tnú còn là bàn tay của sự yêu thương, bàn tay đau đốn, căm thù, mang chất vàng của nhân phẩm, bàn tay người chiến sĩ cộng sản. Tnú yêu Mai – cô bạn thuở thiếu thời. Bàn tay ấy cũng đã được Mai nắm chặt mà khóc những giọt nước mắt nóng bỏng yêu thương, đồng cảm khi Tnú vượt ngục trở về. Những tưởng hạnh phúc ấy sẽ mãi mãi tròn đầy. Vậy mà...bọn giặc lại nhẫn tâm phá tan đi niềm hạnh phúc đơn sơ ấy! Không bắt được Tnú, chúng bắt Dít rồi tới mẹ con Mai tra tấn dã man bằng gậy sắt hồng để anh ra mặt. “Trận mưa cây sắt mỗi lúc một dồn dập. Không nghe thấy tiếng thét của Mai nữa. Chỉ nghe đứa bé khóc ré lên một tiếng rồi im bặt”. Lửa

hận dâng lên ngút ngàn, đốt cháy tâm can Tnú, truyền từ đôi tay lên đôi mắt “ở chỗ hai con mắt anh bây giờ là hai cục lửa lớn”. Mỗi ngón tay anh như nóng bỏng lên bởi tình thương, nỗi lo và sự căm hờn. “Hai cánh tay như hai cánh lim chắc của anh ôm chặt lấy mẹ con Mai”. Mười ngón tay nóng bỏng lửa căm thù, thương xót đã truyền sức mạnh vào hai cánh tay. Nhưng mà “Tnú chỉ có tay không giữa quân thù đầy vũ khí.

– Mẹ con Mai chết còn Tnú thì bị giặc bắt tra tấn. Bọn thằng Dục tàn nhẫn tẩm thứ dầu xà nu của quê hương anh vào giẻ rồi quấn giẻ lên mười đầu ngón tay anh, mười điêm chót vót, bén nhạy nhất của hệ thần kinh. Bàn tay Tnú như đang đỏ rực lên, lung linh, dữ dội. Nguyễn Trung Thành không miêu tả chi tiết bằng những động từ, tính từ đặc tả mà chỉ ngắn gọn mấy câu và một hình ảnh ví ngầm “Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc” nhưng cũng đủ truyền tới người đọc biết bao cảm xúc: Khủng khiếp, ghê sợ, đau xót rồi cảm thương, căm giận. Nhưng “Tnú không thèm, không thèm kêu van”.

- Tiểu kết: đánh giá:

– Từ văn tự sự chuyển thành văn trữ tình, đoạn truyện không còn là lời kể của tác giả nữa mà đã cất lên tiếng nói nội tâm nhân vật, đầy những giằng xé, quặn quai. Ngọn lửa của âm mưu thâm độc, của tội ác dã man đã không đốt cháy được chất vàng mười trung thành, bất khuất của người chiến sĩ trẻ tuổi Tây Nguyên. Hai bàn tay đuốc lửa của Tnú đã châm ngòi cho phong trào Đồng khởi của dân làng Xô Man vùng lên tiêu diệt bọn giặc tàn ác và trở thành biểu tượng của khí phách Việt Nam trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.

Bàn tay lạnh lại, mỗi ngón tay cụt một đốt, trở thành chứng tích của tội ác chiến tranh mà Tnú mang theo suốt cả cuộc đời. Đôi bàn tay với ngón tay chỉ còn lại hai đốt vẫn có thể cầm giáo, cầm súng để Tnú lên đường chiến đấu. “Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!”, chân lý này giúp người ta ý thức được tầm quan trọng của vũ khí, không thể không cầm vũ khí, nhưng cũng không nên y lại vào vũ khí, cái quyết định cuối cùng vẫn là đôi bàn tay con người. Chính vì thế, Nguyễn Trung Thành đã cẩn thận kể thêm chi tiết Tnú dùng hai bàn tay không, cụt đốt, đôi bàn tay quã

báo để xiết cổ tất cả những thằng Dục tàn ác hơn cả dã thú. Có thể nói, bàn tay Tnú biểu tượng cho sức mạnh của khối đoàn kết cộng đồng, sự gắn bó mạch sống của mảnh đất, rừng cây và sức sống con người. Đó là đôi bàn tay huyền thoại, vô địch trước sức mạnh của mọi kẻ thù.

=> Như vậy có thể thấy hình ảnh đôi bàn tay Tnú là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc trong tác phẩm này. Có thể thấy rằng bàn tay ấy cũng có cuộc đời như Tnú vậy: hiền lành và gan dạ rồi đến yêu thương và đau thương cuối cùng nó vẫn hoạt động như một đôi tay bình thường giết chết biết bao nhiêu quân giặc. Bàn tay ấy không chỉ để giết giặc mà bàn tay ấy còn để đưa cơm cho cán bộ và là bàn tay yêu thương dắt Mai đi đến những hạnh phúc của tình yêu.

- Tính sử thi của truyện ngắn:

+ Thiên nhiên trong “Rừng xà nu” thấm đẫm một cảm hứng sử thi và chất thơ hào hùng thể hiện qua từng trang sách miêu tả về rừng xà nu. Mở đầu và kết thúc tác phẩm vẫn là rừng xà nu “nối tiếp nhau chạy đến chân trời”.

+ Nhà văn xây dựng thành công hình tượng một tập thể anh hùng. Những anh hùng được kể đến trong tác phẩm đều có tính đại diện cao, mang trong mình phẩm chất của cả một dân tộc. Tập thể anh hùng trong “Rừng xà nu” là tập thể đa dạng về lứa tuổi và giới tính. Mỗi gương mặt anh hùng đều có những nét riêng, thể hiện một số phận riêng. Tuy nhiên, tất cả họ đều giống nhau ở những phẩm chất cơ bản: gan dạ, trung thực, một lòng một dạ đi theo cách mạng, yêu núi nước, yêu buôn làng, quyết tâm đánh giặc đến cùng.

+ Giọng văn mang âm hưởng vang dội như tiếng cồng tiếng chiêng của đất rừng Tây Nguyên đại ngàn hùng vĩ. Giọng văn đó ẩn chứa chất liệu làm nên tính sử thi hoành tráng của tác phẩm. Giọng văn ấy cũng thấm đượm trong việc miêu tả thiên nhiên, khiến cho hình ảnh rừng xà nu bỗng thổi tới trong lòng người đọc một cảm giác say sưa.

+ Kết cấu truyện theo lối vòng tròn hay còn gọi là đầu cuối tương ứng. Chính kết cấu đó tạo nên dư âm hùng tráng đặc biệt. Lối kết cấu này như cái khung bền vững để nhà văn khai triển câu chuyện. Câu chuyện mở ra bằng hình ảnh rừng xà nu được đặc tả kỹ lưỡng và sắc nét.

Cuối tác phẩm rừng xà nu cũng xuất hiện để

	<p>khép lại câu truyện. Đây là lối kết cấu vừa đóng vừa mở. Câu chuyện đóng lại để mở một câu truyện khác. Điều này làm chúng ta tưởng tượng đây chỉ là một chương trong lịch sử ngàn đời của người Xô man, chỉ là một chương trong bản anh hùng ca vô tận của Tây Nguyên.</p> <p>3.Kết bài</p> <p>- Khái quát lại giá trị hình tượng đôi bàn tay Tnu, giá trị hiện thực của tính sử thi và âm hưởng của dòng văn học hiện thực chống Mĩ cứu nước.</p>	
--	---	--

PHẠM MINH NHẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ 13.

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: Đoạn trích được trình bày theo phong cách ngôn ngữ Báo chí/Chính luận/ kết hợp hai phong cách ngôn ngữ: Báo chí, Chính luận</p> <p>Câu 2: Thái độ của tác giả: day dứt, đau đớn, lên án.... Bộc lộ qua các yếu tố ngôn ngữ: - Câu: nhiều câu hỏi, câu nêu giả thiết... - Từ ngữ giàu sắc thái biểu cảm: <i>đánh đổi liêm xỉ, độc ác, tàn nhẫn đến rợn người, nhẫn tâm, chôn sống...</i></p> <p>Câu 3: Vấn đề cơ bản nhất cần giải quyết: <i>Làm thế nào để con người biết yêu thương nhau hơn?/ Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau?</i></p> <p>Câu 4: Trả lời câu hỏi: <i>Bao giờ người Việt mới thôi độc ác với nhau?</i> - Người Việt thôi độc ác với nhau khi <i>không muốn độc ác</i>: mỗi cá nhân tự nâng cao ý thức đạo đức; giáo dục tác động vào nhận thức, vào lương tri của tất cả mọi người - Người Việt thôi độc ác với nhau khi <i>không dám độc ác</i>: có những quy định về xử phạt nặng đủ sức răn đe để họ sợ không dám gây tội ác - Người Việt thôi độc ác với nhau khi <i>không thể độc ác</i>: các cơ quan chức năng vào cuộc giám sát chặt chẽ mọi khâu để cái ác cái xấu không có cơ hội tồn tại. Người tiêu dùng phải thông thái, dũng cảm để cái ác cái xấu không có đất tồn tại</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Người Việt kiểm tiền bằng mọi giá dù phải đánh đổi tất cả</p> <p>2. Triển khai vấn đề: Giải thích: Thế nào là kiểm tiền bằng mọi giá đánh đổi cả liêm xỉ, danh dự để có tiền - Người ta vì ham mê vật chất, vì cuộc sống khó khăn mà phải làm những điều trái với lẽ phải. Tiền chính là con dao hai lưỡi trong xã hội khiến người ta đảo điên vì nó. Bằng mọi giá có nghĩa là không từ một thủ đoạn nào</p>	

	<p>để có thể kiếm được tiền, người ta sẵn sàng để bản thân bị tha hóa, bị biến chất, đánh đổi cả lòng tự trọng của bản thân, cũng như làm ảnh hưởng đến những người khác.</p> <p>- Đánh giá, bình luận.</p> <p>+Biểu hiện của việc kiếm tiền bằng mọi giá ? Lợi dụng lòng tốt của người khác, sẵn sàng buôn bán bất hợp pháp, trái phép để có thể thu lợi về mình mà không quan tâm đến hậu quả của nó. Coi tiền có thể mua được tất cả những gì trong cuộc sống này</p> <p>+Nguyên nhân: +Do cuộc sống còn nhiều khó khăn họ phải đi đến bước đường cùng +Do lòng tham chỉ hướng đến cái lợi trước mắt +Người dân còn có ý thức kém về việc tìm hiểu pháp luật cũng như ý thức về văn hóa kinh doanh,..Dân trí ở nước ta còn chưa thực sự phát triển</p> <p>+Bình luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là hành động thiếu tình người, thiếu đạo đức của một số những người chỉ biết nghĩ đến bản thân mình đang dần làm xã hội đi xuống. - Một bộ phận con người có những suy nghĩ sai lệch về đồng tiền, họ nghĩ rằng tiền có thể mua được tất cả, (lhe với cuộc sống ngày nay) xã hội thực dụng về đồng tiền. Sẵn sàng hạ thấp, chém giết lẫn nhau chỉ vì đồng tiền. Sức ảnh hưởng của đồng tiền là quá lớn - Mối quan hệ giữa người với người dường như được đong đếm bằng đồng tiền. Họ quên đi mục đích tốt đẹp mà hướng đến những thủ đoạn xấu xa => tiền không phải là tất cả nhưng chính con người đã biến nó thành tất cả dù phải đánh đổi chính bản thân mình - Lấy dẫn chứng minh họa. <p>3. Kết đoạn</p> <p>- Nêu những biện pháp để khắc phục vấn đề trên? Đồng thời rút ra bài học cho bản thân mình.</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài Giới thiệu ngắn gọn về nhà thơ Xuân</p>	

	<p>Quỳnh và bài thơ Sóng gắn với định hướng “<i>hoa dọc chiến hào</i>” và <i>bài thơ đi cùng năm tháng</i>.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>- Giải thích: Sóng là hoa dọc chiến hào</p> <p>– Mỗi tác phẩm văn học ra đời đều mang dấu ấn của thời đại lịch sử cụ thể.</p> <p>– Hoa dọc chiến hào là tên tập thơ của Xuân Quỳnh ra đời năm 1967, in năm 1968- thời kì cả dân tộc sẽ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Các tác phẩm văn học Việt Nam thời bấy giờ ra đời ngay trên những chiến hào chống Mĩ, là sáng tác của những thế hệ nhà văn cầm súng nên thường mang đậm tính sử thi. Thơ chống Mĩ thường có giọng điệu rắn rỏi, trang trọng, hào sảng khi viết về đất nước và con người trong kháng chiến.</p> <p>– Sóng của Xuân Quỳnh, trong hoàn cảnh ấy, xuất hiện như một bông hoa – hoa dọc chiến hào đem đến cho thi đàn dân tộc thời kì chống Mĩ nói chung, phong trào thơ trẻ chống Mĩ nói riêng một hương sắc độc đáo: giàu nữ tính và luôn da diết những khát vọng hạnh phúc đời thường, đặc biệt là khát vọng của con người về tình yêu muôn thuở.</p> <p>- Sóng là bài thơ đi cùng năm tháng</p> <p>Cảm nhận, phân tích để làm rõ nhận định trên</p> <p>+ Đề đi cùng năm tháng, một bài thơ phải có nội dung cảm xúc sâu lắng (phải là tiếng lòng, tình cảm, ý nghĩ...) và có những vẻ đẹp riêng về nghệ thuật (sử dụng ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, câu từ...).</p> <p>+ Bài thơ là sự cảm nhận về tình yêu từ hình tượng sóng với tất cả những sắc thái, cung bậc (nỗi nhớ, sự thủy chung, trắc trở) và cả khát vọng vĩnh cửu hóa tình yêu của một tâm hồn phụ nữ luôn chân thành, khát khao hạnh phúc.</p> <p>- Đặc sắc về âm điệu của tiếng sóng chính là tiếng lòng của tác giả trong bài thơ</p> <p>+ Sóng đã đi sâu vào tâm hồn của bạn đọc ngay ở sự dung dị, chân thực vốn có. Được thể hiện thông qua âm điệu của bài thơ. Xuân Quỳnh đã sử dụng thành công thể thơ ngũ ngôn liền hoàn giàu tính nhạc điệu, cùng với sự ngắt nhịp linh hoạt khi thì 2/3, khi lại 1/4. Sóng đi vào tâm hồn người yêu thơ lúc dồn dập, khi thì lại miên man, khi trầm khi</p>
--	---

	<p>bồng, khi thẳng, khi giáng. Vang vọng và ám ảnh đến mãi về sau (<i>kết hợp phân tích các khổ thơ đặc sắc</i>)</p> <p>+ Sự tổ chức ngôn ngữ trong bài thơ là một sự sáng tạo độc đáo, xuyên suốt tác phẩm tác giả sử dụng thủ pháp tương xứng, tương phản, đối lập. Với những câu thơ sóng đôi, hình ảnh sóng như nối đuôi, đuổi bắt nhau suốt chiều dài tác phẩm. Về câu đối với về câu, “ồn ào” đối với “lặng lẽ”, “dữ dội” và “dịu êm”, hay “con sóng dưới lòng sâu” và “con sóng trên mặt nước”..v..v.</p> <p>⇒ cách sắp đặt tạo ra sự hô ứng, luyến láy, đuổi bắt trong toàn bộ tác phẩm. Mỗi khổ thơ lại là những đợt sóng lớn, trong những đợt sóng ấy có hàng trăm con sóng nhỏ, gối đầu lên nhau mang khát vọng vào bờ.</p> <p>+Hình tượng sóng bước vào văn chương thể hiện cho nỗi lòng của thi nhân, tiếng sóng tượng trưng cho tình cảm của người con gái. Khác với thơ văn trung đại, Sóng thường được thể hiện tình cảm của người con trai. XQ mượn sóng để thể hiện sự chủ động trong tâm hồn người con gái khi yêu. Đó là cuộc hành trình đi tìm tới bến bờ của hạnh phúc mà mang khát vọng cháy bỏng về tình yêu. Bởi vậy sóng của XQ vô cùng nữ tính. Xuyên suốt TP là những đợt sóng song hành, chạy dài, Sóng và em, tuy hai mà một, tuy một mà hai. Khi nhập vào nhau để tôn vinh lên nhau, khi tách nhau ra để cùng chiêm nghiệm. (<i>có phân tích khổ thơ đặc sắc về tiếng lòng trong tình yêu của người con gái</i>)</p> <p>- với đề tài tình yêu muôn thuở. Nét độc đáo của Sóng là diễn tả tình yêu của người phụ nữ tha thiết, nồng nàn, chung thủy, muốn vượt lên thử thách của thời gian và hữu hạn của đời người. Sóng là lời tự bạch của một tâm hồn phụ nữ về những khám phá, trải nghiệm, triết lí vừa chân thành, mạnh bạo, da diết những lo âu mà lại đầy lạc quan tin tưởng. Đó là một tình yêu dâng hiến cao đẹp mà con người trong mọi thời đại còn hướng tới.</p> <p>(Có thể so sánh liên hệ với những bài thơ khác của Xuân Quỳnh hoặc các nhà thơ khác cùng viết về đề</p>
--	--

	<p>tài tình yêu để thấy đây là một nội dung cảm hứng hấp dẫn đối với cả người sáng tác và người đọc).</p> <p>Dùng hình tượng sóng để diễn tả cảm xúc tình yêu không chỉ có Xuân Quỳnh. Nguyễn Du trong Truyện Kiều có viết: “Sóng tình dẫu đã xiêu xiêu/ Xem trong âu yếm có chiều là lời”; Xuân viết: “Anh muốn làm sóng biếc/ Hôn mãi cát vàng em/Hôn thật khẽ thật êm/Hôn êm đềm mãi mãi”. Con sóng trong thơ Xuân Diệu mang thiên tính nam. Sóng của Xuân Quỳnh mang thiên tính nữ nhưng không kém da diết, táo bạo, chân thành).</p> <p>3. Kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khẳng định giá trị bài thơ không chỉ gắn với một thời mà còn mãi mãi. – Mở rộng: Để đi cùng năm tháng một bài thơ ngoài tự phát sáng còn nhờ vào quá trình tiếp nhận của người đọc . Vì thế, mỗi người đọc cũng phải có ý thức trau dồi, bồi đắp tâm hồn, trí tuệ để biết tri âm cùng tác giả.
--	--

ĐÁP ÁN ĐỀ 14.

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: PTBD nghị luận</p> <p>Câu 2: Những nguyên nhân khiến con người mất niềm tin: + Sự quá tải thông tin tiêu cực + Chỉ nhìn vào những mặt trái của cuộc sống</p> <p>Câu 3: Tác giả cho rằng: "Trách nhiệm tìm lại niềm tin vào cuộc sống phải là tự thân mỗi người" vì: +Niềm tin con người phụ thuộc vào cách nhìn cuộc sống của họ. +Cuộc sống không hoàn toàn xấu. Xã hội không thiếu vắng những con người tốt. +Phải tìm lại niềm tin để mỗi người sống có ý nghĩa hơn.</p> <p>Câu 4: Văn bản trên đã mang đến cho chúng ta thông điệp: - Hãy giữ vững niềm tin trong cuộc sống. - Ý nghĩa của thông điệp ấy đối với cuộc sống cá nhân: +Không nên nhìn đời bằng ánh mắt tiêu cực. +Đừng nghĩ là xã hội vô cảm và dần thiếu vắng người tốt. Người tốt vẫn quanh ta. +Hãy xây dựng cho mình một lối sống tích cực, tốt đẹp hơn.</p>
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: "Chúng ta không sợ người xấu mà chỉ sợ người tốt không làm gì"</p> <p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích câu nói: +Trong cuộc đời, người xấu thật đáng sợ, nhưng đáng sợ hơn là người tốt không tham gia vào việc chống lại cái xấu, cái ác. + Câu nói mang ý nghĩa phê phán sự thờ ơ, dửng dưng, vô cảm của những người được cho là tốt trong cuộc sống hiện nay.</p> <p>- Phân tích, bình luận, đánh giá: +Không sợ kẻ xấu vì khi ta biết họ xấu ta sẽ dễ dàng đề phòng, ngăn chặn, đấu tranh. +Trong xã hội hiện nay người tốt vẫn nhiều hơn kẻ</p>

	<p>xấu. Thế nhưng nếu người tốt không làm gì để ngăn chặn kẻ xấu thì kẻ xấu sẽ lộng hành khiến cho cuộc sống ngày càng trở nên âm đạm hơn. + (Dẫn chứng về sự hèn nhát, dửng dưng của người được cho là tốt trước hành động xấu xa của người xấu như chống tiêu cực, tệ nạn xã hội...)</p> <p>=> Xã hội cần lên án sự thiếu trách nhiệm của người tốt trước việc đấu tranh chống kẻ xấu bởi vì "người tốt không làm gì" còn tệ hại hơn kẻ xấu.</p> <p>3. Kết đoạn - Cần thấy được sự nguy hiểm của những người được cho là tốt nhưng lại không làm gì trong việc đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác. Cần lên án với cả loại người này để xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hest - Giới thiệu về luận đề: Bài thơ Sóng là tiếng lòng chân thành, bộc lộ vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu</p> <p>2. Thân bài - Giới thiệu hình tượng sóng: + là một sáng tạo độc đáo của Xuân Quỳnh. Sóng là sự ẩn thân, hóa thân của nhân vật trữ tình "em". Qua hình tượng sóng, Xuân Quỳnh diễn tả cụ thể, sinh động những trạng thái, cung bậc tình cảm, tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu: nhân hậu, khao khát yêu thương và luôn hướng tới một tình yêu cao thượng, lớn lao.</p> <p>- Cảm nhận về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu: + Thể hiện tiếng nói của trái tim tuổi trẻ mang khát vọng tình yêu muôn thuở (Ôi con sóng ngày xưa/ Và ngày sau vẫn thế/ Nỗi khát vọng tình yêu/ Bồi hồi trong ngực trẻ). Từ “Ôi” cảm thán được thốt lên như đi sâu vào lòng người đọc. Một từ “Ôi” làm trái tim bao người xốn xang, rộn ràng vì tình yêu, nhất là tuổi trẻ. Lại thêm “ngày xưa”, “ngày sau”, “vẫn thế” như đinh ninh rằng tình yêu vẫn luôn và sẽ tồn tại mãi mãi cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Câu thơ “Nỗi khát vọng tình yêu” thể hiện khao khát mãnh liệt về</p>	

	<p>tình yêu làm bao người trẻ phải “bồi hồi” nơi lòng ngực. Xuân Quỳnh rất thấu hiểu điều ấy, nó như chắc chắn thêm nữa tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu đẹp biết bao.</p> <p>+ Khao khát khám phá sự bí ẩn của qui luật tình yêu nhưng không tìm thấy câu trả lời (Em cũng không biết nữa/ Khi nào ta yêu nhau). Xuân Quỳnh đã tìm được nguồn gốc của sóng “Sóng bắt đầu từ gió”, nhưng lại tiếp tục boăn khoăn khi không thể lý giải được gió bắt đầu từ đâu, em đã “chịu thua” mà thốt nên câu “Em cũng không biết nữa”. Lại tiếp câu thơ “Khi nào ta yêu nhau?” là một câu hỏi không có câu trả lời. Tình yêu thật diệu kỳ biết bao, nó đến mà không biết lúc nào nó đến. Vâng! Có yêu tha thiết thì mới nghĩ nhiều về tình yêu, về nguồn gốc của tình yêu đến thế. Càng tôn nên vẻ đẹp nơi tâm hồn của người con gái khi yêu.</p> <p>+ Bộc lộ một tình yêu sôi nổi, đắm say, nồng nàn, mãnh liệt, một nỗi nhớ cồn cào, da diết, chiếm lĩnh cả thời gian và không gian (Con sóng dưới lòng sâu/ Con sóng trên mặt nước ... Lòng em nhớ đến anh/ Cả trong mơ còn thức...). Nghệ thuật nhân hoá vô cùng độc đáo, Xuân Quỳnh đã tinh tế khi khắc họa nỗi nhớ của sóng đối với bờ “Con sóng dưới lòng sâu – Con sóng trên mặt nước – Ôi con sóng nhớ bờ – Ngày đêm không ngủ được”, “dưới lòng sâu” rồi lại “trên mặt nước”, từ nỗi nhớ không thể nhìn thấy cho đến nỗi nhớ thấy rõ mồn một, Xuân Quỳnh đã rất thành công về việc thể hiện nỗi nhớ của sóng, nỗi nhớ ấy rất mãnh liệt và lâu dài tồn tại cả ngày lẫn đêm. Từ nỗi nhớ của sóng đối với bờ, Xuân Quỳnh liên hệ đến nỗi nhớ em dành cgo anh, nỗi nhớ ấy cũng không kém phần mãnh liệt so với nỗi nhớ của sóng. Nỗi nhớ của em tồn tại trong ý thức, xen lẫn cả vào tiềm thức. Có ai đó đã nói rằng nhớ chính là nhắc nhở mình đang yêu. Phải có yêu thì mới có nhớ, có yêu sâu đậm thì mới nhớ mãnh liệt. Một lần nữa, ta không thể phủ nhận nét đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.</p> <p>+ Luôn hướng tới một tình yêu thủy chung, son sắt (Nơi nào em cũng nghĩ/ Hướng về anh – một phương).</p>
--	--

	<p>Truyền thống làm nên nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam chính là lòng thủy chung. Và Xuân Quỳnh đã khẳng định lòng thủy chung son sắt và sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn để đến với tình yêu. Nghệ thuật điệp cấu trúc rất độc đáo: “Dầu...Dầu” đã giúp Xuân Quỳnh thể hiện lòng thủy chung của em đối với anh. Hai câu thơ đầu khổ sáu vô cùng đặc biệt “Dầu xuôi về phương Bắc – Dầu ngược về phương Nam”, đáng lẽ phải là xuôi Nam, ngược Bắc, nhưng điều đó có gì quan trọng? Khi yêu, dù cho mọi trật tự đều đảo lộn thì em vẫn một mực thủy chung, dù cho em ở bất kỳ nơi nào thì em vẫn luôn hướng về một phương, đó là phương anh. Chính tình yêu mặn nồng tha thiết mà cả trăm ngàn con sóng dù ở xa rất xa bờ nhưng chúng vượt qua tất cả khoảng cách địa lý để tìm đến bờ, đó là lẽ tự nhiên. Ẩn ý đằng sau ấy chính là nói lên em cũng sẽ như sóng kia, dù cho có bao chông gai, trở ngại em sẽ vượt qua tất cả để đến với anh, với tình yêu của đôi ta.</p> <p>+ Ước vọng có một tình yêu vĩnh hằng, bất tử để làm đẹp cho cuộc đời (Làm sao được tan ra/ Thành trăm con sóng nhỏ/ Giữa biển lớn tình yêu/ Để ngàn năm còn vỗ).</p> <p>Xuân Quỳnh đã rất thành công trong việc sử dụng thể thơ năm chữ, dễ đi vào lòng người, lấy hình tượng sóng để diễn tả tâm trạng người phụ nữ, bên cạnh đó còn có các nghệ thuật nhân hoá, đối lập, ẩn dụ... thể hiện vẻ đẹp tinh tế của người phụ nữ trong tình yêu, một tâm hồn nhạy cảm, sâu lắng mà cũng mãnh liệt đầy ý nhị.</p> <p>Tình yêu của sóng và em có lẽ đã kết thúc trong bài thơ, nhưng đó chỉ là mới bắt đầu cho tình yêu của giới trẻ ngày nay. Tình yêu giới trẻ ngày nay rất phong phú, rộng lớn, gồm nhiều khía cạnh.</p> <p>- Đặc sắc nghệ thuật:</p> <p>+ ẩn dụ (mượn hình tượng sóng để thể hiện tình yêu một cách sinh động, gợi cảm), + thể thơ năm chữ với nhịp điệu linh hoạt, nhịp nhàng gợi âm vang của sóng, ngôn từ giản dị, trong sáng + hình ảnh thơ giàu sức gợi với sự sóng đôi của các cặp hình tượng: sóng - bờ // em – anh. + Mượn qui luật thiên nhiên để thể hiện qui luật tình</p>
--	--

	<p>cảm...</p> <p>3. Tiểu kết Bàn luận chung: Bài thơ đã thể hiện nổi bật vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu: chân thành, say đắm, nồng nàn, mãnh liệt, thủy chung, trong sáng, cao thượng. Nó vừa mang nét đẹp tình yêu của người phụ nữ Việt Nam truyền thống, vừa có nét táo bạo, chủ động đến với tình yêu của người phụ nữ Việt Nam hiện đại.</p> <p>4. Kết bài - Thơ Xuân Quỳnh là tiếng thơ vừa dịu dàng vừa sâu lắng vừa dữ dội lại vừa thiết tha. Nhớ tới chị chúng ta càng thêm trân trọng những thi phẩm đặc sắc của chị. Cùng với “Thuyền và biển”, “Sóng” là những bài ca không thể nào quên của tuổi trẻ và tình yêu. Xin cảm ơn nữ thi sĩ đã hiến dâng cho đời những vần thơ đẹp về tình yêu con người và cuộc sống.</p> <p>- Sóng là bài thơ tiêu biểu của Xuân Quỳnh và của thơ ca Việt Nam hiện đại viết về đề tài tình yêu. Giá trị nhân văn của bài thơ chính là sự khắc họa về đẹp tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.</p> <p>- Liên hệ bản thân...</p>
--	--

ĐÁP ÁN ĐỀ 15

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: Chủ đề: Sự cần thiết của việc học cách hài hước - Tiêu đề : “Học cách hài hước” hoặc “ Hài hước-Cái cần học”</p> <p>Câu 2: Tác dụng của cái hài: theo tác giả, hài giúp cho việc tuyên truyền, vận động diễn ra dễ dàng, tự nhiên; +hài giúp giữ được thế chủ động trong giao tiếp; +hài góp phần gỡ bí trong những tình huống khó xử; +hài tạo không khí thoải mái trong cuộc sống; hài có lợi cho sức khỏe...</p> <p>- Giọng điệu của tác giả: hài hước. Các dấu hiệu nhận biết: +dùng từ lấp lửng đa nghĩa (từ diễn); +dùng lối diễn đạt kiểu “lật tẩy”(tán công đối thủ, đá bóng về sân đối phương, gỡ bí..); +dùng tiểu từ tình thái (đấy) rất đúng chỗ v.v...</p> <p>Câu 3: Giá trị biểu đạt của từ “diễn”: biến hóa nghĩa theo từng lần được sử dụng, ban đầu chỉ hành vi của cái hài sự thực, sau đó chỉ hành vi “diễn trò”, hành vi “làm hề” của một đối tượng nào đó.</p> <p>Câu 4: Phần viết phải nêu được ý nghĩa của cái hài: - Cái hài rất cần thiết, bởi nó có tác dụng giải tỏa những những điều nặng nề trong cuộc sống. - Cái hài như một thứ vũ khí, tấn công những thói hư tật xấu, những điều đáng phê phán. - Cái hài biểu thị niềm lạc quan rất cần thiết của con người trong nhiều tình huống. Vì thế, chúng ta đều cần học cách cười: cười đúng lúc, đúng chỗ, đúng đối tượng...</p>	
<p>Phần 2. làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Con người quá quan tâm đến cuộc sống ảo mà quên đi mất giá trị thực của cuộc sống xung quanh mình. => <i>Gập máy tính lại. Tắt điện thoại đi. Hãy giao tiếp nhiều hơn với xã hội và tận hưởng cuộc sống thực tại</i></p>	

	<p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích:</p> <p>+Hiện tượng con người quá quan tâm đến điện thoại di động., những thiết bị thông minh và lãng quên đi giá trị của cuộc sống thực</p> <p>+Là một vấn đề thiết thực trong cuộc sống ngày nay, đây là thông điệp nhắc nhở để con người có thể sống tốt hơn, có ích hơn.</p> <p>- Bình luận, chứng minh</p> <p>+ Vì sao cần buông máy tính, điện thoại xuống? Mọi giá trị dường như được quy hết về trang mạng xã hội, những trò chơi giải trí hay những ứng dụng trên điện thoại</p> <p>+ Con người tốn quá nhiều thời gian cho việc sử dụng thiết bị thông minh mà không có thời gian cho những hành động thiết thực ngoài đời hay thời gian dành cho những người mình thương yêu.</p> <p>+ Quá chú tâm vào điện thoại, máy tính có thể sẽ dẫn đến những căn bệnh, những hệ lụy nghiêm trọng (VD: vô cảm, sống ảo..v..)</p> <p>+Tác dụng của việc buông bỏ máy tính, tắt điện thoại, giao tiếp và tận hưởng cuộc sống nhiều hơn: Không chạy theo những gì ảo ảnh, biết mình có những gì và luôn cố gắng trong thực tế Quan tâm đến những người thân xung quanh mình, những mối quan hệ bền chặt Có thời gian để làm những điều có ích hơn cho bản thân và cho xã hội, thư giãn tâm hồn Có thêm thời gian để thực hiện những mơ ước, khát vọng.,v...v</p> <p>+ Bình luận: Điện thoại, máy tính chỉ là những thiết bị vô tri vô giác, giúp ích con người, không nên quá nâng tầm quan trọng của nó mà làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân, thay thế những người thân xung quanh mình.</p> <p>+ Đt thông minh, máy tính phản ánh trình độ phát triển của xã hội, vì vậy cần có nhận thức đúng đắn cũng như văn hóa sử dụng chúng một cách hợp lý, khoa học. Không lệ thuộc quá nhiều vào công nghệ số hiện đại.</p> <p>3. Kết đoạn</p> <p>- Bài học thực tế và liên hệ bản thân</p>	
--	---	--

<p>Phần 2. làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu chung về tác giả, tác phẩm - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Bình diện địa lý – lãnh thổ trong tác phẩm Đất Nước. <p>Nguyễn Khoa Điềm đã có cách cảm nhận hình tượng đất nước thông qua bình diện địa lý. Lãnh thổ thật độc đáo, sâu sắc để làm hé lộ tư tưởng “Đất nước là của nhân dân” thông qua đoạn thơ “ Những người vợ nhớ chồng.. ... Những cuộc đời đã hóa núi sông ta”</p> <p>2. Thân bài</p> <p>Phân tích để làm rõ vấn đề cần nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nguyễn Khoa Điềm nhận ra rằng địa lý của một đất nước là tất cả những yếu tố về mặt tự nhiên trên một đơn vị lãnh thổ. Đi sâu vào bình diện địa lý, ông tập trung lí giải tên gọi của các địa danh. Bởi ông nhận ra đó là sự cộng gộp của biết bao ruộng đồng, gò bãi, những ngọn núi, con sông. Chính những con người làm nên tên gọi ấy đã làm nên đất nước <p>+Đó là những phát hiện mới mẻ về những danh lam, thắng cảnh” núi Vọng Phu, Hòn Trống mái, , không chỉ là tặng vật của thiên nhiên mà nó còn gắn liền với lịch sử, cuộc sống, văn hóa của con người qua những áng ca dao, cổ tích, truyền thuyết, qua cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của nhân dân ta.</p> <p>+Nếu như không có những người vợ mòn mỏi đợi chồng đi trận trở về thì làm sao có thể cảm nhận hết núi Vọng Phu. => Lòng thủy chung của người phụ nữ Việt nam từ ngàn đời nay.</p> <p>+ Nếu không có người anh hùng Thánh Gióng nhổ bụi tre Ngà đánh tan giặc Ân thì sao có thể thấy được những ao đầm để lại, đó chính là gót ngựa của người anh hùng=> tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm</p> <p>+ Ta làm sao có thể thấy được hình ảnh hùng vĩ của ngọn núi Phong Châu như 99 con voi vượn mình về đất tổ nếu không có Hùng Vương dựng nước=> Truyền thống dựng nước, giữ nước từ thời vua Hùng để lại.</p> <p>+Những người học trò nghèo làm nên Núi Bút. Non Nghiên đại diện cho truyền thống hiếu học</p>	
-------------------------------------	---	--

	<p>của nhân dân Việt Nam => cuộc đời, số phận, vẻ đẹp của những con người Việt Nam</p> <p>- Hệ thống từ chỉ địa danh: + Mỗi dòng thơ cất lên là mỗi địa danh khác nhau. Làm nên bức tranh hoàn chỉnh về địa lý của đất nước, về địa bàn cư trú, môi trường sinh sống của thế hệ người Việt nam qua các thời kì. +Lần theo các địa danh, ta còn thấy dấu vết của lịch sử, từ buổi đầu bình minh dựng nước (Vua Hùng) đến những năm tháng chống ngoại xâm của ngày hôm nay. Đi tới đâu, từng chặng đường lịch sử của đất nước đi tới đó. ⇒ Hình tượng Đất Nước luôn ở trạng thái động, luôn luôn phát triển và được bảo tồn, được duy trì bền vững qua thời gian. Đất Nước là một sinh thể có hồn, có sự phát triển ngày càng lớn mạnh, bền vững. + “ Ôi đất nước sau bốn nghìn năm đi đâu ta cũng thấy..” Đó là hình ảnh những con người ngã xuống để bảo vệ đất nước này, nhân dân chính là người đã làm nên Đất Nước. Nhân dân hiện lên trong hình ảnh người học trò nghèo, qua hình ảnh Thánh Gióng..v..</p> <p>- Đánh giá + Tác giả sáng tạo và kế thừa chất liệu của văn hóa dân gian. Ở đây ta thấy sự tái sinh kì diệu của những trang thần thoại, những câu chuyện cổ tích thắm đẫm văn hóa Việt. + Tác giả kết hợp với từ chỉ số nhiều “ Những” . Không chỉ đóng vai trò liệt kê tên gọi các địa danh mà còn biểu hiện vốn kiến thức uyên bác của tác giả, những nhận thức đúng đắn về lịch sử, văn hóa, về câu chuyện cuộc đời của những huyền thoại. ⇒ Đất Nước hình thành là nhờ máu, nước mắt, tình yêu của người dân VN. Những con người vô danh, bình dị nhưng góp phần làm nên Đất Nước hôm nay</p> <p>3. Kết bài - Đoạn thơ có kết cấu chặt chẽ, tự nhiên, thể thơ tự do - Câu thơ kéo dài, không nặng nề mà biến hóa</p>	
--	--	--

	linh hoạt làm đoạn thơ giàu sức biểu đạt, Thể hiện thành công tư tưởng mới mẻ nhất từ trước đến nay: “ Đất nước là của Nhân dân”	
--	---	--

PHẠM MINH NHẬT

ĐÁP ÁN ĐỀ 16

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: Những PTBD được sử dụng: Miêu tả, biểu cảm, tự sự</p> <p>Câu 2: 02 biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh “ Chúng tôi xuôi - ào ào con lũ đổ” - Nói giảm, nói tránh “ không về tới” “gục ngã” <p>Câu 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh người lính hiện lên trong đoạn thơ là hình ảnh những người lính hào hùng, khao khát chiến đấu “ Chúng tôi xuôi – ào ào con lũ đổ” để dành lại độc lập cho dân tộc. - Họ là những con người dũng cảm, sẵn sàng hi sinh, không tiếc thân mình để cống hiến cho Tổ Quốc <p>Câu 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn thơ phản ánh về giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thời điểm ta chuẩn bị tổng tiến công, giải phóng Sài Gòn. Khát vọng “sắp về” thể hiện ước muốn hòa bình, mong muốn được đoàn tụ của người lính cũng như cả dân tộc ta. - Bài tỏ được tình cảm chân thành, sâu sắc dành cho người lính như: xúc động, tiếc thương trước sự hi sinh của người lính, xót xa, day dứt về những hậu quả, mất mát chiến tranh để lại, biết ơn, cảm phục về họ...v..v 	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Biến đổi khí hậu đang là vấn đề nóng của toàn nhân loại thế kỉ 21.</p> <p>2. Triển khai vấn đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích : Biến đổi khí hậu <p>+ Biến đổi khí hậu là sự thay đổi của khí hậu diễn ra trong một khoảng thời gian dài, tác động đến môi trường sống của nhiều sinh vật trên Trái Đất=> Đây là vấn đề nóng hổi, được toàn nhân loại quan tâm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, đánh giá 	

	<p>+Thực trạng: Trái đất đang nóng lên, mực nước biển dâng cao do băng tan, sự thay đổi của quá trình hoạt động hoàn lưu khí quyển,...</p> <p>+ Nguyên nhân: Sự tác động của con người đến thiên nhiên như</p> <ul style="list-style-type: none"> . Chặt phá rừng . Khai thác khoáng sản. thủy hải sản một cách bừa bãi . Sử dụng các hóa chất hóa học cho việc sản xuất nông nghiệp cũng như công nghiệp . Sản xuất vũ khí hóa học...v..v <p>+Hậu quả: thiên tai: động đất,sóng thần bão, lũ Hạn hán, sạt lở biển, xâm nhập mặn Gây ra những dịch bệnh mới cho con người.</p> <p>+Bình luận: Đây là một trong những thách thức lớn đối với con người trên toàn thế giới. Cần phải có những giải pháp thích hợp.</p> <p style="text-align: center;">3. Kết đoạn</p> <p>+Giải pháp để khắc phục: Phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng,nâng cao ý thức người dân về biến đổi khí hậu, cần có sự chung tay của toàn thế giới v...v..v</p> <p>+Liên hệ bản thân.</p>	
<p>Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, hctst - Khẳng định trong Tùy bút người lái đò sông Đà, Nguyễn Tuân đã khắc họa thành công hình tượng con Sông đà với hai nét tính cách trái ngược nhau: hung bạo, dữ dội nhưng cũng rất nên thơ, nên họa. <p>2. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí giải vì sao Nguyễn Tuân lựa chọn Sông Đà làm đối tượng sáng tác: <p>+Chỉ có Sông Đà mới hội tụ đầy đủ vẻ đẹp của thiên nhiên Tây bắc. Qua lăng kính và tâm hồn của Nguyễn Tuân nó đã trở thành một sinh thể có hồn có cá tính.</p> <p>+NT là một nhà văn đi theo chủ nghĩa xê dịch, đi theo văn hóa Phương Tây và luôn thích viết về xe cộ, thác dữ, ông thường đi đây đi đó để thay đổi thực đơn cho thực đơn nhãn quan của mình</p> <p>+NT đã dành cả cuộc đời mình để đi tìm cái đẹp. Vì</p>	

	<p>vậy, theo quan niệm của NT, cái đẹp phải là cái đẹp đến tuyệt mỹ giai nhân, dữ dội phải dữ dội đến khác thường tột đỉnh.</p> <p>- Sông Đà với vẻ đẹp hung bạo:</p> <p>+ Vì bắt nguồn từ TQ nên phần thượng nguồn có rất nhiều triền núi đá, và rất nhiều thác dữ. Con sông chẳng khác nào một con mãnh thú có tâm địa của một mục di ghê.</p> <p>+ Để khắc họa vẻ đẹp này, Nguyễn Tuân tập trung vào xây dựng những quãng nguy hiểm của con Sông. Đó là cảnh đá bờ sông dựng vách thành chẹt vào lòng sông như một cái yết hầu, mặt sông ở chỗ ấy phải chính ngọ mới có mặt trời.</p> <p>+ Sông Đà của NT hẹp ở nhiều quãng: đứng bên này bờ ném nhẹ hòn đá sang bên kia vách, có những quãng con nai, con hổ nhảy vọt từ bờ bên này sang bờ bên kia.</p> <p>+ Đó là quãng Mặt ghèn Hát Loosong dài hàng cây số với nước xô đá, đá xô sóng, sóng xô gió, cuộn cuộn ghùn ghè nhau như đòi nợ xuýt bất cứ người lái đò nào qua đây.</p> <p>+ Hay những đoạn có những cái xoáy hút nước,</p> <p>+ Những thác đá với âm thanh của dòng sông Đà, với những tiếng kêu ai oán, tiếng đe dọa của những tướng đá nơi đây</p> <p>+ Cuộc thủy chiến với người lái đò cùng 3 tầng trùng vi thạch trận.</p> <p>- Đánh giá chung:</p> <p>+ Sử dụng nghệ thuật so sánh liên tưởng táo bạo. Những câu văn ngắn với hàng trăm động từ mạnh để thể hiện sự dữ dội, hung bạo của Sông Đà</p> <p>+ Huy động tổng hợp những kiến thức về quân sự, thể thao, võ thuật...v..</p> <p>+ NT thể hiện tình yêu thiên nhiên, đất nước thắm kín. (đọc hàng trăm cuốn dư địa chí, là người đầu tiên chỉ ra 50/73 thác dữ từ ngã ba Việt Trung về đến bến chợ Bờ, nhận ra Sông Đà hung bạo là bởi bọn thổ phi lang tào, bọn thực dân Pháp)</p> <p>- Sông Đà nên thơ nên họa, trữ tình</p> <p>+ Vẻ đẹp trữ tình của Sông Đà ở Hạ lưu. Ở quãng này con sông chảy trôi hiền hòa giữa đôi bờ tiên sử. Như một bài thơ trữ tình được viết bằng văn xuôi.</p> <p>+ NT chiêm nghiệm SĐ như một áng tóc trữ tình của người thiếu nữ kiều diễm “ đầu tóc chân tóc ẩn hiện</p>
--	--

	<p>trong mây trời Tây Bắc bung nở những hoa ban hoa gạo thắm hai đường thì”</p> <p>+Không chỉ đẹp ở hình dáng, Sông Đà còn đẹp ở màu sắc của nước. Sông Đà thay đổi màu nước theo mùa. => Tình yêu quê hương đất nước khi NT cảm thù bọn giặc Pháp đặt cho SĐ cái tên Tây láo lếu là “ dòng sông đen”</p> <p>+Khi hoang dại, bờ sông đẹp như đôi bờ tiền sử, như những nỗi niềm cổ tích tuổi xưa. Là hình ảnh đàn hươu ngơ ngác ngẩng đầu mơ một tiếng còi sương..</p> <p>+Dòng sông không còn là mụ dì ghẻ hay con mãnh thú, mà chỉ còn là tình cảm của một cố nhân, xa thì thấy nhớ thương, gặp lại thì mừng vui như nỗi chiêm bao đứt quãng.</p> <p>+Những loài cá quý hiếm</p> <p>- Đánh giá chung: Khi miêu tả Sông Đà NT sử dụng những câu văn trải dài, êm ái, mềm mại. Kết hợp các kiến thức về văn chương, điện ảnh, văn hóa..v..v</p> <p>+Sử dụng những vị ngữ diễn tả âm hưởng bình lặng, để lại những ám ảnh trong lòng người đọc.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Khẳng định vị trí của Nguyễn Tuân với thể loại tùy bút, đặc biệt là “người lái đò sông Đà”. Đánh dấu sự thay đổi về quan niệm sáng tác của NT. Đồng thời là tình yêu quê hương, đất nước sâu sắc</p>
--	---

ĐÁP ÁN ĐỀ 17

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: PTBD: Tự sự</p> <p>Câu 2: Trong câu chuyện trên, cả cô bé và anh thanh niên đều là những người con hiếu thảo. Vì cả hai người đều nhớ đến mẹ, đều biết cách thể hiện lòng cảm ơn đến mẹ. Tuy nhiên hành động cảm ơn của hai người lại bộc lộ theo hai cách khác nhau. Mẹ cô bé đã mất, cô vẫn muốn tự tay đặt bó hoa hồng lên mộ mẹ. Anh thanh niên cũng muốn tặng mẹ hoa nhưng vì xa xôi nên muốn dùng dịch vụ gửi quà. Nhưng sau khi chứng kiến tình cảm của cô bé dành cho mẹ anh đã nhận ra được ý nghĩa thực sự của món quà.</p> <p>Câu 3: Người thanh niên hủy điện hoa vì anh được đánh thức bởi hành động cảm động của cô bé. Vì anh hiểu ra rằng, bó hoa kia không mang lại hạnh phúc và niềm vui bằng việc anh xuất hiện cùng với tình cảm chân thành của mình dành cho mẹ. Và điều mẹ cần ở anh là thấy anh mạnh khỏe, an toàn. Đó là món quà ý nghĩa nhất với mẹ.</p> <p>Câu 4: Trình bày dưới dạng đoạn văn đảm bảo các ý: Gợi ý: +Thông điệp mà văn bản muốn gửi lại cho chúng ta là: cần yêu thương trân trọng đáng sinh thành, nhất là người mẹ đã chịu nhiều vất vả, hi sinh. +Trao và tặng là cần thiết nhưng trao và tặng như thế nào mới là ý nghĩa là điều mà không phải ai cũng làm được</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn - Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Thói ỷ lại là một căn bệnh nguy hiểm</p> <p>2. Triển khai vấn đề - Giải thích: Thói ỷ lại? + Ỡ lại có nghĩa là sống bám, sống dựa vào người khác, thiếu tính tự chủ, tính bản năng của con người +Căn bệnh nguy hiểm: Là tác hại của thói ỷ lại vào người khác, khiến con người trở nên thụ động, không có khả năng đối phó với những thử thách trong cuộc sống</p> <p>- Phân tích, đánh giá, bình luận</p>	

	<p>+ Biểu hiện: Người có thói ỷ lại thường lười lao động, lười tư duy, chủ quan rằng mình luôn được người khác giúp đỡ, thiếu sự quyết đoán khi đưa ra những quyết định</p> <p>+Nguyên nhân: Do bản tính, do hoàn cảnh môi trường sống nhận được nhiều sự giúp đỡ, chờ che nên cảm thấy mọi thứ thật dễ dàng. Chỉ biết làm theo ý người khác và cho rằng đó là tốt nhất</p> <p>+Hậu quả : => Phụ thuộc vào người khác +không làm chủ được cuộc đời mình +không có sự sáng tạo, chủ động.. +Dễ gặp thất bại trong công việc</p> <p>+Đánh giá: Trong cuộc sống, có rất nhiều vấn đề đòi hỏi con người phải tự giải quyết bằng chính sức lực, khả năng của bản thân mình. Nhưng hiện tại có rất nhiều người vẫn có thói ỷ lại vào người khác (lấy dẫn chứng) , phó mặc hoàn toàn số phận, cuộc đời mình vào tay kẻ khác từ việc lớn đến việc nhỏ. Đó là quan niệm, lối sống lệch lạc mà bất cứ ai cũng cần phải khắc phục</p> <p>3. Kết đoạn</p> <p>+ Bài học rút ra để có thể khắc phục thói ỷ lại +Liên hệ bản thân trong thực tế</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm - Giới thiệu về vấn đề cần nghị luận <p>+Tác phẩm là một bản anh hùng ca mang đậm chất sử thi. Chất sử thi thể hiện ở nhiều phương diện của tác phẩm nhưng đậm nét nhất là ở đề tài, hình thức kể chuyện và hình tượng nhân vật Tnú.</p> <p>2. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích ý kiến, nhận định đã cho: <p>+ Tác phẩm văn học mang tính sử thi là tác phẩm đề cập đến những vấn đề trọng đại có ý nghĩa sống còn của đất nước, của dân tộc. Nhân vật trung tâm là người có số phận gắn bó với cộng đồng, kết tinh những phẩm chất cao quý của cộng đồng, nhân danh cộng đồng mà chiến đấu, hy sinh. Cái riêng tư, đời thường nếu được nói đến thì chủ yếu cũng là để nhấn mạnh những trách nhiệm và tình cảm của cá nhân với cộng đồng.</p>	

	<p>+Tác phẩm có tính sử thi thường có một giọng điệu say mê, trang trọng, có ngôn ngữ đẹp một cách tráng lệ, hào hùng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi vào phân tích, chứng minh, làm rõ nhận định: - Đề tài: <p>+Trong tác phẩm “Rừng xà nu”, khuynh hướng sử thi được thể hiện khá rõ ở việc lựa chọn đề tài. Đề tài của truyện “Rừng xà nu” nói đến vấn đề sinh tử hết sức hệ trọng không chỉ của cả cộng đồng dân làng Xô Man mà của cả dân tộc Việt Nam.</p> <p>+Truyện viết về một thời điểm lịch sử trọng đại của cách mạng Miền Nam những năm đen tối sau Hiệp định Giơ-ne-vơ cho đến lúc Đồng khởi, nhưng đây là thời điểm tức nước vỡ bờ, nhân dân Miền Nam chuẩn bị vũ trang chiến đấu .</p> <p>+ Chủ đề của tác phẩm mang đậm tính sử thi : trước sự tàn ác của kẻ thù, nhân dân Miền Nam chỉ có một con đường duy nhất là cầm vũ khí vùng lên chiến đấu giải phóng quê hương.</p> <p>=> Âm hưởng sử thi từ đó mà vang lên thật hào hùng, oanh liệt. Tinh thần, sự kiên cường dung cảm đã là âm hưởng chủ đạo của toàn tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về hình thức kể chuyện: <p>+ Rừng xà nu có lối kể độc đáo. Câu chuyện về cuộc đời của Tnú và cuộc nổi dậy của làng Xô Man được vị già làng là cụ Mết kể cho dân làng nghe trong một đêm Tnú về thăm làng. Sau bữa cơm tối, dân làng tập trung lại nhà cụ Mết bên bếp lửa xà nu bập bùng, bên ngoài “lấm tấm một trận mưa đêm, rì rào như gió nhẹ”. Trong cái không khí thật trang nghiêm, cụ Mết kể bằng cái giọng trầm trầm.</p> <p>+Người kể như muốn truyền lại cho con cháu những trang lịch sử hào hùng của cộng đồng. Cách kể này gần với cách kể khan – sử thi anh hùng ca – của các bộ tộc ở Tây Nguyên.</p> <p>+ Về nhân vật: Hơn hết trong tác phẩm này Nguyễn Trung Thành đã xây dựng thành công một tập đoàn người, không phải một người riêng lẻ mà là sự cộng dồn rất nhiều người. Đây cũng chính là chủ ý của tác giả, vì họ tượng trưng cho một dân tộc, tượng trưng cho tinh thần và ý chí quật cường, không gục ngã của dân tộc Việt Nam. Mỗi người, mỗi tình</p>
--	--

	<p>cách, một ý chí sắt đá, một số phận bi thảm riêng nhưng đều chung một tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất. Có thể nói cả dân tộc Xô man như trong truyền thuyết bước ra, sự hào hùng vang lên dữ dội như một cơn sóng cuộn trào dữ dội và mãnh liệt. Họ là con người Tây Nguyên, là anh T Nú, chị Mai, cụ Mết, bé Heng... Bản hùng ca của Tây Nguyên bắt đầu được vẽ nên từ những con người kiên cường, dung cảm, gan dạ ấy. Họ đóng góp sức lực của mình vào công cuộc đánh đuổi giặc ngoại xâm. Họ biến suy nghĩ thành hành động, biến máu và nước mắt thành lòng căm thù sôi sục, chỉ có con đường đấu tranh mới có thể mang lại tự do cho họ.</p> <p>+ Về hình tượng nhân vật Tnú: Tnú được xây dựng như một đại biểu ưu tú của người dân Xô-Man + Tnú luôn được đặt trong quan hệ với cộng đồng, với cách mạng nhiều hơn là quan hệ đời tư. Cộng đồng Xô-Man luôn dõi theo bước đi của Tnú, hành động anh dũng của Tnú khiến cho cả làng đều cảm động, ngưỡng mộ, tự hào. + Nhân vật Tnú hiện lên qua hành động nhiều hơn là qua đời sống nội tâm và hầu như không có những băn khoăn, trăn trở về số phận, về cái tôi của mình. + Con đường trưởng thành của Tnú rất tiêu biểu cho con đường đi của các dân tộc Tây Nguyên trong thời đại đấu tranh giải phóng. Từ nhỏ anh đã tham gia công tác cách mạng. Anh đã từng bị bắt, bị tra tấn và bị tù đày. Vợ con anh bị giặc sát hại, hai bàn tay anh bị giặc đốt cháy bằng nhựa xà nu. Nhưng sự tàn bạo của kẻ thù không khuất phục ý chí chiến đấu của Tnú. Vượt ngục trở về, Tnú làm theo lời dặn của anh Quyết, tổ chức trai tráng trong làng chuẩn bị giáo mác để khởi nghĩa; làng Xô-Man được giải phóng, Tnú vẫn tiếp tục tham gia lực lượng quân giải phóng để tiêu diệt hết những thằng Dục khác mà đem lại cuộc sống tự do cho núi rừng. Có thể nói Tnú là một bước tiến mới trong nhận thức và biểu hiện những phẩm chất của một người anh hùng lí tưởng.</p> <p>- Đánh giá chung (tiểu kết) + Khi đọc tác phẩm “rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành âm hưởng chủ đạo chính là giọng hào hùng, đanh thép. Mặc dù mắt mắt đau thương nhưng không hề bi lụy. Bởi rằng âm hưởng chính đã lân át</p>
--	---

	<p>đi những mất mát đau thương đó +Có thể thấy rằng “rừng xà nu” là một câu chuyện vang dội tinh sử thi từ đầu câu chuyện cho đến khi kết thúc câu chuyện; lắng lại trong lòng người đọc nhiều dư âm vang dội nhất. Sự thành công của tác giả chính là làm sống dậy một dân tộc có ý chí quật cường, làm sôi sục lên tinh thần đấu tranh không ngừng nghỉ khi có áp bức bóc lột.</p> <p>3.Kết bài</p> <p>- Cùng với chất sử thi là cảm hứng lãng mạn hòa quyện với nhau trong tác phẩm. Đó là sản phẩm tất yếu của một nền văn học gắn bó số phận của nó với vận mệnh của dân tộc trong cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước. Nền văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 là nền văn học như thế. Và tác phẩm “Rừng xà nu” là kết tinh xuất sắc của khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.</p>
--	---

ĐÁP ÁN ĐỀ 18

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: PTBĐ nghị luận</p> <p>Câu 2: Chỉ ra lỗi sai: + Lỗi sai về chính tả: <i>chông, rề, gia</i> + Lỗi sai về ngữ pháp: <i>Gọi là lý thuyết bên bờ vực.</i> - Sửa lại cho đúng: + Chính tả: <i>trông, dẽ, ra</i> + Ngữ pháp: thêm dấu phẩy đằng trước, coi câu này chỉ là một bộ phận của câu. Câu hoàn chỉnh sẽ là: <i>Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi, gọi là lý thuyết bên bờ vực.</i></p> <p>Câu 3: Đặc điểm của lý thuyết trên bờ vực: + Không bao giờ làm việc gì dễ, không làm việc gì mà người khác có thể ngay lập tức làm giống như mình được. + Khiến kẻ định cạnh tranh với mình không dám theo ra mép vực để cạnh tranh và kẻ thù cũng không dám theo mình ra mép vực.</p> <p>Câu 4: <i>Khó khăn là thuốc kích thích để mỗi con người dũng cảm, sáng suốt và sống có lý tưởng:</i> Có thể hiểu: Khó khăn là động lực thúc đẩy con người vươn lên trong cuộc sống. Đứng trước vô vàn những khó khăn, gian truân, vất vả, nếu con người không chùn bước, dám đối mặt với nó; có tinh thần lạc quan để vượt qua nó; có khả năng nhận thức và giải quyết đúng đắn mọi vấn đề thì con người sẽ đạt được mục đích cao nhất, tốt đẹp nhất mà mình hướng tới.</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Sự lười biếng chính là kẻ thù lớn nhất của chúng ta</p> <p>2. Triển khai các vấn đề - Giải thích: - Lười biếng là sự chây lười, ỉ lại, không chịu suy nghĩ, hành động và làm việc thụ động, phó mặc</p>	

	<p>cho người khác.</p> <p>Lười biếng tạo thành thói quen và thành <i>căn bệnh</i> nan y rất khó chữa. Nó là <i>kẻ thù lớn nhất của tất cả chúng ta</i>, nó gây tác hại rất lớn đối với công việc và quá trình hình thành nhân cách của mỗi cá nhân.</p> <p>- Phân tích, bình luận.</p> <p>a. Biểu hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lười biếng trong công việc (việc nhà, việc công ty, tổ chức...); trong học tập (không chịu tự học, quay cóp, lười tư duy, động não...);... - Khi lười biếng thì bản thân không chịu cố gắng, gặp khó là nản lòng, không có quyết tâm thực hiện công việc đến cùng. Gắn với lười biếng là thiếu kiên trì, kiên nhẫn, không có ý chí để cố gắng. <p>b. Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do bản thân con người: chỉ thích hưởng thụ, không muốn làm việc. - Do sự phát triển của khoa học kỹ thuật, máy móc, thiết bị công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại... con người bị phụ thuộc, trở nên trì trệ, thụ động, lười biếng, không linh hoạt. - Gia đình nuông chiều hoặc chưa quan tâm đúng mực. <p>c. Hậu quả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Con người không hoàn thành được công việc, không đạt được mục đích mà mình hướng tới. - Con người lười biếng sẽ trở nên thụ động, đòi hỏi, chán nản, giảm ý chí phấn đấu, khiến cho họ ngày càng nhu nhược, sống dựa dẫm vào người khác. - Lười biếng dẫn con người đến sự bần cùng, đói nghèo, là nguyên nhân của những thói hư tật xấu, tệ nạn xã hội... Vì thế người lười biếng là gánh nặng cho gia đình và xã hội. <p>d. Giải pháp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi vinh quang đều phải trả giá bằng mồ hôi, nước mắt, cả những đắng cay. Vì thế con người không nên lười biếng mà phải biết tự nỗ lực, chăm chỉ, chăm cù trong cuộc sống. <p>3. Kết đoạn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên hệ bản thân và bài học rút ra 	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hest 	

	<p>- Nêu khái quát, giới thiệu phần đầu của bản Tuyên Ngôn Độc Lập</p> <p>Tuyên ngôn Độc lập của Hồ Chí Minh từ lâu vẫn được coi là “một văn kiện có giá trị lịch sử to lớn, một bài văn chính luận ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ, đanh thép, lời lẽ hùng hồn, đầy sức thuyết phục”. Có thể nói bản Tuyên ngôn Độc lập là kết tinh trí tuệ của thời đại, là kết quả của “bao nhiêu hi vọng, gắng sức và tin tưởng” của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam.</p> <p>2. Thân bài</p> <p>Phân tích nội dung phần đầu của Bản tuyên ngôn:</p> <p>+ Để cho bản tuyên ngôn có tính pháp lí, tính thực tế, Hồ Chí Minh đã dẫn lời hai bản tuyên ngôn nổi tiếng trên thế giới là “tuyên ngôn độc lập” 1776 của Mỹ và “tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền” 1791 của Pháp.</p> <p>+ Cốt lõi của hai bản tuyên ngôn là “mọi người sinh ra đều có quyền bình đẳng” suy rộng ra “tất cả các dân tộc sinh ra trên thế giới đều bình đẳng” đó là quyền không ai có thể xâm phạm được. Đưa ra hai bản tuyên ngôn này, Hồ Chí Minh đã đạt được nhiều mục đích cho bản tuyên ngôn.</p> <p>+ Đóng góp của Hồ Chí Minh là khẳng định quyền dân tộc từ việc suy rộng ra những lẽ phải về quyền con người. Nếu quyền con người là lẽ phải không ai chối cãi được thì quyền dân tộc là chân lý không thể chối bỏ.</p> <p>Một chính khách nước ngoài từng nhận định “ Công hiến nổi tiếng của cụ Hồ Chí Minh là đã phát triển quyền con người thành quyền dân tộc. Như vậy, nghĩa là tất cả mọi dân tộc đều có quyền quyết định lấy vận mệnh của mình”.</p> <p>+ Vậy việc đưa ra lời lẽ của tổ tiên người Mỹ, người Pháp để nhấn gửi đế quốc Mỹ và Pháp là dùng phép gây ông đập lưng ông nếu họ thực hiện đã tằm xâm lược nước ta.</p> <p>⇒ Ngoài hai mục đích trên, việc đưa ra lời lẽ của hai bản tuyên ngôn tác giả nhằm đặt ba cuộc cách mạng ngang nhau, ba nền độc lập ngang nhau, ba bản tuyên ngôn ngang nhau, đó là một cách kín đáo Hồ Chí Minh thể hiện niềm tự hào dân tộc.</p>
--	---

	<p>- Nghệ thuật trong cách lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh:</p> <p>+ Chặt chẽ ở chỗ từ quyền con người (Cả thế giới biết đến) suy ra quyền dân tộc – Khép lại cơ sở pháp lý “đó là những lẽ phải không ai chối cãi được”.</p> <p>+ Sắc bén Bác trích tuyên ngôn của Mỹ, Pháp và đánh giá rất cao “Lời bất hủ ấy” rồi đưa ra vấn đề quyền dân tộc của mình một cách thật hợp lý</p> <p>+ Kiên quyết; Đứng trên lập trường dân tộc: Bản Tuyên ngôn ngầm cảnh báo với Mỹ, Pháp nếu có tình xâm lược Việt Nam tức là phản bội lại truyền thống tốt đẹp của dân tộc họ: “Tự do, bình đẳng, bác ái”</p> <p>+ Khôn khéo : Dùng tuyên ngôn của Mỹ, Pháp là sử dụng gậy ông đập lưng ông” Đề cao dân tộc Mỹ và Pháp cũng là tranh thủ sự đồng tình của nhân dân tiên bộ ngay trên đất nước của họ</p> <p>Đánh giá chung</p> <p>+ Với cách mở đầu tuyên ngôn như thế, người viết đã tạo cơ sở vững chắc về pháp lý cho Tuyên ngôn độc lập. Câu kết có ý nghĩa khép- mở vấn đề thật chắc chắn, sâu sắc</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Tuyên ngôn độc lập” là một kiệt tác văn chính luận của Hồ Chí Minh nói riêng, của nền văn học Việt Nam nói chung. Thành công đặc biệt của tác phẩm văn chính luận “Tuyên ngôn độc lập” là nhà văn đã đưa ra được những lập luận rõ ràng chặt chẽ, những hệ thống lí lẽ đanh thép sắc sảo, những dẫn chứng hùng hồn không thể chối cãi được. Đằng sau nghệ thuật lập luận ấy là một trí tuệ sắc sảo, một tâm tư tưởng, tầm văn hóa cao rộng của nhà văn Hồ Chí Minh, của Chủ tịch Hồ Chí Minh.</p> <p>- Thực sự Tuyên Ngôn Độc Lập đã mở đầu cho kỷ nguyên độc lập tự do, tạo điều kiện cho sự thay đổi căn bản của đời sống nhân dân.</p>	
--	---	--

ĐÁP ÁN Đề 19

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: PTBD nghị luận</p> <p>Câu 2: Nội dung của từng đoạn:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đoạn (1): Kể về vụ đắm tàu Titanic- Đoạn (2): Kể về hai bức ảnh minh họa và lời chú thích được đăng trên tờ báo xuất bản ở Anh sau vụ đắm tàu. <p>Đoạn (3): Bình về sức mạnh, sự vĩ đại của con người trong sự chế ngự được bản thân, vượt thắng sự ích kỉ.</p> <p>Câu 3: “Sức mạnh của con người” trong dòng chữ được chú thích dưới bức ảnh thứ hai có thể hiểu là sức mạnh của lòng vị tha, tình yêu thương, của sự vượt thắng bản năng để nhường cơ hội sống cho người khác.</p> <p>Câu 4:</p> <ul style="list-style-type: none">- Học sinh có thể nêu một trong những thông điệp sau:- Tiến bộ khoa học giúp con người chinh phục thiên nhiên nhưng không thể chế ngự được nó; sức mạnh của con người không là gì trước sức mạnh của thiên nhiên.- Thiên nhiên có thể phá hủy những công trình vĩ đại con người làm ra nhưng không thể hủy diệt được sức mạnh tinh thần, sức mạnh tình yêu nơi con người.	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn</p> <p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Sức mạnh vĩ đại nhất nhân loại có trong tay chính là tình yêu</p> <p>2. Triển khai vấn đề</p> <p>- Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Tình yêu là tình cảm nồng nhiệt làm cho con người gắn bó với nhau và sống có trách nhiệm hơn. Tình yêu ở đây được hiểu theo nghĩa rộng là tình cảm, sự yêu thương giữa con người với con người.+ Lòng vị tha, sự hi sinh bản thân, tình yêu thương của con người với đồng loại, với thiên nhiên và môi trường xung quanh – chính là sức mạnh vĩ đại nhất	

	<p>mà loài người có trong tay</p> <p>- Bàn luận, phân tích, đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình yêu là một giá trị tinh thần vô giá, có thể mang đến cho con người niềm vui, hạnh phúc, tạo động lực và sức mạnh giúp con người vượt qua những thử thách, khó khăn để chiến thắng cái xấu, cái ác. - Con người dù có vĩ đại đến đâu cũng trở nên nhỏ bé, yếu đuối, bất lực trước sự cuồng nộ của thiên nhiên, sức mạnh hủy diệt của bom hạt nhân,... Chỉ có tình yêu mới khiến cho loài người biết sống thân thiện với nhau và xích lại gần nhau, nắm tay nhau để cùng tạo nên những giá trị trường tồn, bất tử. - Tình yêu là sức mạnh vĩ đại nhất nhân loại có trong tay nên mỗi người cần biết yêu thương nhau, trao đi yêu thương, phải biết chia sẻ, có lòng vị tha; mọi người cần chung tay ngăn chặn và đẩy lùi chiến tranh, xung đột sắc tộc, dịch bệnh và bảo vệ môi trường sống.... - “Nếu loài người muốn tồn tại, nếu ta muốn tìm ý nghĩa của sự sống, nếu ta muốn bảo vệ thế giới và tất cả những giống loài khác, tình yêu chính là câu trả lời đầu tiên và duy nhất.” <p>3. Kết đoạn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài học rút ra và liên hệ bản thân. 	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hest - Nêu khái quát, giới thiệu về khổ thơ cần cảm nhận, phân tích <p>Viết về Tây Tiến - Quang Dũng viết bằng dòng hồi ức. Và trong dòng hồi ức ấy nổi nhớ đồng đội luôn xao động, gợi về những kỉ niệm, hình ảnh thân thương, tha thiết, sâu lắng. Ta bắt gặp dòng hoài niệm về đồng đội, về những tình cảm, nỗi lòng người lính Tây Tiến qua đoạn thơ (Trích thơ đầy đủ)</p> <p>“.. Tây Tiến đoàn binh ...độc hành”</p> <p>2. Thân bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, cảm nhận hình tượng người lính 	

	<p>trong 8 câu thơ</p> <p>- Chân dung của người lính Tây Tiến trong cuộc sống chiến đấu gian khổ, thiếu thốn</p> <p>+Chiến sĩ Tây Tiến hiện lên với diện mạo khác thường: Không mọc tóc, xanh màu lá. Hình ảnh không mọc tóc khắc hoạ nét dị thường của người lính. Các anh phải cạo trọc đầu để đánh giáp lá cà với giặc nhưng phần lớn là do căn bệnh sốt rét. Căn bệnh hiểm nghèo đã làm rụng tóc và cướp đi cả bao tính mạng. Sốt rét, thiếu ăn, hoàn cảnh sinh hoạt kham khổ nên những người lính da xanh vì ốm, vì thiếu máu. Đó là hiện thực nghiệt ngã và khốc liệt ở chiến trường nhưng dưới cái nhìn của người lính Tây Tiến, những khó khăn ấy được cảm nhận dưới con mắt đầy thi vị và lãng mạn. Dù không mọc tóc, dù quân xanh màu lá nhưng ở họ vẫn toát lên thần thái, khí phách: dữ oai hùm.</p> <p>+Ăn sau cái vẻ ngoài mạnh mẽ, đầy khí phách là vẻ đẹp tâm hồn hào hoa, lãng mạn của những chàng trai Hà Thành:</p> <p>+ Ánh mắt trùng là cái nhìn thẳng, mạnh mẽ bộc lộ khát vọng chiến thắng. Trong ánh mắt có nét kiêu dũng, có sự oai phong凛冽 của người anh hùng thời loạn.</p> <p>+ Ý chí mạnh mẽ nhưng tâm hồn lại mộng mơ, mơ về Hà Nội đáng kiêu thơm. Hình ảnh thơ gợi lên liên tưởng thi vị, đáng kiêu thơm vừa là cách nói ngợi ca vẻ đẹp thanh lịch, duyên dáng của Hà Nội cũng vừa là hình ảnh gợi nên cả vóc dáng, sắc hương của những thiếu nữ Hà Nội trong nỗi nhớ nhung của người lính xa nhà.</p> <p>=> Hai câu thơ đủ để tác giả khắc hoạ hai thế giới khác nhau: một thế giới của chí lớn, của mộng chiến trường nung nấu trong lòng người con trai thời loạn với một thế giới mộng mơ, lãng mạn và đa tình của những chàng trai trẻ hào hoa, thanh lịch. Sự song hành giữa ý chí và tâm hồn đã tạo nên vẻ đẹp của người chiến sĩ, nâng đỡ và giúp họ vượt qua khó khăn, gian khổ của chiến tranh. Quang Dũng đã diễn tả rất tinh tế, biện chứng tâm hồn người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp nói riêng và người lính trong các cuộc chiến tranh li tán nói chung. Bởi trong các anh, ai cũng có một trái tim biết yêu tha thiết đất nước, quê hương, một trái tim biết căm thù</p>
--	---

quân xâm lược. thật đẹp, thật hào hùng và lãng mạn.

- Vẻ đẹp bi tráng của người lính trong chiến đấu và hi sinh:

+Trong bài thơ, hơn một lần Quang Dũng nói về cái chết, sự hi sinh của người lính nhưng mỗi khi cảm hứng ấy xuất hiện thì ngay lập tức được nâng đỡ bằng đôi cánh lí tưởng đầy chất bay bổng.

Người lính Tây Tiến ra đi vì nghĩa lớn, mộng chiến trường là khát vọng và lí tưởng bởi thế mà họ sẵn sàng dâng hiến phần đời xanh – quãng đời đẹp nhất của mình – cho đất nước.

+Hình ảnh những nắm mồ rải rác nơi biên cương xa xôi, lạnh lẽo, cô quạnh gợi cho người lính nỗi bi thương và xót xa. Cái chết của người lính trong thực tế ở chiến trường gian khổ được miêu tả ở nắm mồ đắp vội, thậm chí không có cả manh chiếu gói thân nhưng qua cái nhìn lãng mạn của nhà thơ, sự hi sinh của người lính giống như một hành trình trở về với đất mẹ và mãi bất tử trong lòng đất mẹ.

+Hình tượng sông Mã trở lại đoạn này thật bi tráng: “Sông Mã gầm lên khúc độc hành”

Dòng sông được diễn tả ở thể động, nó gầm lên giống như một con chiến mã trung thành, đau thương khi chứng kiến cái chết của người lính.

Dòng sông như một khúc tráng ca đưa người lính về với đất, với cõi vĩnh hằng. Trong âm hưởng dữ dội, hào hùng của thiên nhiên ấy, cái chết của người lính không bi lụy mà thấm đẫm chất anh hùng của thời đại.

+Những từ Hán Việt: biên cương, viễn xứ, độc hành... mang sắc thái cổ kính, trang trọng như xoa dịu đi nỗi đau mất mát và nỗi bi thương để tạo nên không khí bi tráng cho cả khổ thơ.

- Đôi nét đánh giá về bút pháp xây dựng hình tượng người lính của Quang Dũng.

+Hình tượng người lính là hình tượng nổi bật của thơ ca kháng chiến chống Pháp, được các nhà thơ khắc họa với vẻ đẹp của tình yêu nước, tinh thần chiến đấu quả cảm. Qua mỗi tác phẩm nghệ thuật với những cảm nhận khác nhau của các nhà thơ, chân dung người lính thời chống pháp lại hiện lên với những vẻ đẹp độc đáo và ấn tượng.

+Chân dung người lính Tây Tiến thực ra ẩn hiện trong suốt bài thơ. Người lính Tây Tiến phần đông là trí thức Hà Thành nên măng sẵn trong mình nét hào hoa, lãng mạn. Họ có nhiệm vụ với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt Lào, đánh tiêu hao lực lượng quân đội Pháp. Địa bàn hoạt động của những người lính Tây Tiến được trải rộng từ Mai Châu, Châu Mộc sang Sầm Nưa rồi vòng về phía tây Thanh Hoá. Trong tám câu thơ, Quang Dũng đã miêu tả trực diện người lính của đoàn binh Tây Tiến từ diện diện mạo đến tâm hồn và khí phách, thái độ trước sự sống và cái chết. Dù ở thái cực nào thì chân dung người lính vẫn toát lên vẻ đẹp hào hoa bi tráng. +Nhà thơ Quang Dũng đã tinh lọc những nét tiêu biểu nhất của người lính Tây Tiến để tạo nên bức tượng đài tập thể, khái quát gương mặt chung của cả đoàn quân. Cái Bi và cái Hùng là hai chất liệu chủ yếu tạo nên vẻ đẹp bi tráng của bức tượng đài.

3. Kết bài

Đoạn thơ là bức tượng đài thi ca về người lính bất tử. Hình ảnh người lính trong cõi sống và cả cõi chết đều bi tráng, lãng mạn, hào hùng. Giọng điệu đoạn thơ trang trọng, thể hiện tình cảm đau thương vô hạn và sự trân trọng, kính cẩn của nhà thơ trước sự hi sinh của đồng đội. Bài thơ được xem như một kiệt tác, nó ra đời và lưu truyền rộng rãi trong quân đội và những người yêu thơ suốt hơn nửa thế kỉ quá, ghi lại chặng đường anh hùng của một đơn vị anh hùng và cũng là tinh thần chung của quân và dân ra trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

DÁP ÁN ĐỀ 20

<p>Phần 1. Đọc hiểu</p>	<p>Câu 1: Văn bản sử dụng 2 PTBD: Thuyết minh, tự sự</p> <p>Câu 2: Có thể coi “<i>mắt thần là trung tâm chăm sóc người khiếm thị</i>” vì: <i>Nó giống địa chỉ “1080” cho người mù sẵn sàng giúp đỡ họ bất cứ lúc nào.</i></p> <p>Câu 3: Trong văn bản trên, tác giả đã thể hiện tình cảm, thái độ trân trọng, ngợi ca những đóng góp của tiến sĩ Nguyễn Bá Hải đối với người khuyết tật nói riêng và xã hội nói chung.</p> <p>Câu 4: Có thể trình bày theo những cách khác nhau, nhưng cần hướng đến những nội dung cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Khi nạn chảy máu chất xám vẫn đang diễn ra rất nhức nhối thì trường hợp như tiến sĩ Nguyễn Bá Hải là rất đáng quý khi anh đã lựa chọn trở về đóng góp cho đất nước và giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn.+ Đội ngũ trí thức trẻ ngày càng khẳng định được khả năng, công hiến và tâm lòng vị tha của mình để góp phần hiệu quả mạnh mẽ vào công cuộc xây dựng phát triển đất nước.+ Nhà nước cần có định hướng, cơ chế chính sách đặc thù, tạo ra một môi trường đủ thỏa mãn đam mê nghiên cứu, tạo cơ hội trau dồi thêm kiến thức để phát huy tối đa năng lực, nhiệt huyết để các trí thức trẻ có điều kiện công hiến lâu dài.	
<p>Phần 2. Làm văn. NLXH</p>	<p>1. Mở đoạn</p> <p>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: “...<i>cho đi giúp cho cuộc sống nhân văn hơn và mình hạnh phúc hơn.</i>”</p> <p>2. Triển khai vấn đề</p> <p>- Giải thích</p> <p>+ : <i>Cho đi</i>: chia sẻ về vật chất, tinh thần (không có nghĩa là khi chúng ta có đầy đủ về vật chất mới có thể giúp đỡ người khác, mà đôi khi chỉ cần một lời hỏi han, một lời động viên đúng lúc để giúp người khác có thêm sức mạnh, niềm tin và nghị lực sống.)</p> <p>- <i>Cuộc sống nhân văn</i>: cuộc sống có nhiều việc tử tế, nhiều lời nói tích cực, nhiều lối ứng xử văn</p>	

	<p>hóa, tăng thêm niềm tin của con người vào những điều tốt đẹp, tin vào tình người...</p> <p><i>Minh hạnh phúc hơn:</i> cảm giác thanh thản, vui vẻ khi nhận được lời cảm ơn, hoặc nụ cười và cả những giọt nước mắt hạnh phúc của người được giúp đỡ...</p> <p>- Bình luận, đánh giá, phân tích: Bàn luận về ý nghĩa của lối sống cho đi (giúp đỡ, quan tâm, sẻ chia):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc sống đa dạng, phong phú, có nhiều số phận bất hạnh, thiết thời rất cần sự giúp đỡ của cộng đồng để họ vượt qua khó khăn, để sống, để học tập và làm việc. - Sống nhân hậu, bao dung là truyền thống tốt đẹp của dân tộc cần được nhân rộng và phát huy. - Phê phán thực trạng chạy theo lối sống ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình, không quan tâm đến những người xung quanh, thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau của người khác.. <p>3. Kết đoạn</p> <p>- Bài học nhận thức và liên hệ bản thân Khẳng định tính đúng đắn của ý kiến, rút ra bài học nhận thức, hành động: ý thức cao hơn trách nhiệm của mình đối chính mình, với xã hội, đối với cuộc đời, từ đó phấn đấu học tập và rèn luyện bản thân về bản lĩnh, đạo đức...</p>	
<p>Phần 2. Làm văn. NLVH</p>	<p>1. Mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, hest - Nêu khái quát và giới thiệu đoạn thơ cần cảm nhận, phân tích. Khẳng định đoạn thơ mang tính dân tộc sâu sắc trong toàn bài <p>2. Thân bài</p> <p>- Giải thích nhận định:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tính dân tộc là phẩm chất tư tưởng, thẩm mỹ độc đáo của sáng tác, thể hiện sự gắn bó giữa tác phẩm văn học với văn hóa tinh thần dân tộc. + Tính dân tộc trong văn học được thể hiện ở hai mặt nội dung và hình thức nghệ thuật. <p>Nội dung: Đề cập đến những vấn đề liên quan đến tư tưởng, tình cảm và phẩm chất của dân tộc, cách giải quyết vấn đề đó trên cơ sở vì quyền lợi dân tộc. Hình thức: Sử dụng ngôn ngữ dân tộc, kế thừa và phát huy có tính sáng tạo truyền thống văn học dân</p>	

	<p>tộc.</p> <p>- Phân tích để làm rõ nhận định: Đoạn thơ là 1 bộ tranh tứ bình dệt bằng ánh sáng của hoài niệm về thiên nhiên và con người Việt bắc trong kháng chiến . Qua đó tác giả thể hiện tình yêu thiên nhiên tươi đẹp, tình yêu cuộc sống và con người Việt bắc . Đó là biểu hiện của tình yêu nước và tình yêu Cách mạng.</p> <p>+ 2 đầu đoạn thơ như là lời ước hỏi đầy lưu luyến của người ra đi đối với người ở lại. “Ta về mình có nhớ ta”. Câu trên là câu hỏi không cần câu trả lời, nó được nêu ra như một cái cớ cho sự giải bày tâm tình ở câu dưới : “Ta về ta nhớ những hoa cùng người”. Nhớ hoa là nhớ tới cái đẹp của thiên nhiên VB, mà cái đẹp của VB lại không thể tách rời cái đẹp của con người VB. Vì vậy , như một cặp song hành đối xứng, hễ nhớ đến người thì hiện bóng hoa, hễ nhớ về hoa thì hiện lên dáng người.</p> <p>+ Tám câu thơ tiếp theo vẽ ra bức tranh tứ bình về bốn mùa ở VB. Trong nền thơ ca và văn học VN, bức tranh tứ bình xuất hiện không ít , như khung cảnh ” trông bốn bề” trong “Chinh phụ ngâm” (Đoàn Thị Điểm), đoạn ” buồn trông” trong “Kiều ở Lầu Ngưng Bích” (Nguyễn Du) , hay ở dòng hồi tưởng về quá khứ huy hoàng của con hổ trong “Nhớ rừng” (Thế Lữ). Thế nhưng, trong VB, bức tranh bốn mùa hiện lên với vẻ đẹp và sắc thái thiên nhiên rất riêng theo trình tự : Đông – Xuân – Hạ – Thu</p> <p>+ Bước vào khung cảnh mùa đông VB, đôi mắt ta như bị choáng ngợp bởi sắc xanh bạt ngàn của núi rừng. Đâu đó hình ảnh hoa chuối bập bùng như những bó đuốc làm cho không gian trở nên ấm áp, xua tan đi vẻ lạnh lẽo, hoang vu vốn có của mùa đông. Trong ánh nắng dần trải khắp không gian, ta thấy ánh lên tia sáng từ chiếc dao gài thắt lưng của một người lao động. Người đứng trên đỉnh đèo cao, nắng từ trên cao chói xuống dao ở thắt lưng, lóe sáng, Nó tạo ra một dáng vẻ vững chãi và khí thế của người làm chủ núi rừng.</p> <p>+ Chuyển sang mùa xuân, màu xanh của cỏ cây nhường chỗ cho màu trắng tinh khiết , mơ mộng của hoa mơ. Trên nền không gian trong sáng, tinh khôi</p>
--	---

	<p>đó, hình ảnh người đan nón cần mẫn, cần trọng chuốt từng sợi giang tạo cho ta cảm giác thật ấm áp và bình dị.</p> <p>+ Trên nền không gian trong sáng, tinh khôi đó, hình ảnh người đan nón cần mẫn, cần trọng chuốt từng sợi giang tạo cho ta cảm giác thật ấm áp và bình dị.</p> <p>+Mùa xuân đi qua, mùa hạ đến. Nhắm mắt và lắng tai nghe, ta sẽ cảm nhận được “nhạc ve”. Tác giả muốn nói đến tiếng ve kêu râm ran trong rừng phách vàng hay muốn nói chính tiếng ve kêu kéo màu vàng bao trùm lên rừng hoa phách ? Đây có thể nói là câu thơ tả cảnh thiên nhiên hay nhất của TH. Đọc câu thơ lên ta có thể cảm nhận được sự chuyển đổi từ thính giác sang thị giác trước khung cảnh thiên nhiên. Đặc biệt từ “đỏ” gọi cho ta sự chuyển màu mau lẹ từ sắc trắng sang vàng , bừng sáng cả núi rừng VB. Tố Hữu dựa vào tiếng ve đã kéo cả một mùa hè ra khỏi lớp vỏ cũ kĩ.</p> <p>Hè đến, hình ảnh con người cũng xuất hiện với dáng vẻ hoàn toàn khác. Nếu như hai mùa trước, bóng dáng con người chỉ xuất hiện một cách gián tiếp và thấp thoáng thì lần này , con người VB hiện ra rõ nét và sinh động hơn rất nhiều, dưới hình ảnh một người thiếu nữ đang chăm chỉ hái măng một mình. Từ ” cô em gái” mà tác giả sử dụng cất lên như lời gọi tình tứ, thân quen, thể hiện tình cảm chân thành , tha thiết.</p> <p>⇒ Ta chợt nhận ra dù bất cứ mùa nào, con người VB cũng hiện lên trong dáng vẻ lao động cần mẫn. Như vậy, trong đôi mắt tác giả , vẻ đẹp của cô người chân chính gắn liền với vẻ đẹp lao động, chuyên cần.</p> <p>+ Tạm biệt mùa hè với những gam màu rực rỡ, mùa thu đến mang một cảm giác nhẹ nhàng, bình yên. Tố Hữu cũng có tiếng hát: tiếng hát của con người, tiếng hát giữa người ở và người đi. Có thể nói đây là bản hòa âm của hai tâm hồn đồng điệu. Tiếng hát ân tình ấy vượt qua trập trùng núi rừng, băng qua mênh mông biển cả của thời gian mà vương vít bước chân người đi, nó vẫn vương trong lòng người đi kẻ ở, vẫn vương trong cả tâm hồn người đọc. Đặc biệt điệp từ “nhớ” được lặp lại nhiều lần khiến cả</p>
--	---

	<p>đoạn thơ bao trùm một tình cảm nhớ thương da diết. Bức tranh có buổi trưa đầy ánh nắng, có bầu trời đêm mát dịu ánh trăng</p> <p>- Tính dân tộc được thể hiện qua nghệ thuật của đoạn thơ:</p> <p>+ Thể thơ: Sáng tác theo thể thơ lục bát, một thể thơ truyền thống của dân tộc</p> <p>+ Kết cấu: Bài thơ có kết cấu theo lối hát đối đáp quen thuộc trong ca dao dân ca . Đoạn thơ là lời đáp của người ra đi với người ở lại . Tác giả đã sử dụng cặp đại từ nhân xưng “ mình – ta” vừa truyền thống, vừa hiện đại: Nét truyền thống gợi lên không khí ca dao với tiếng hát dao duyên làm cho tình cảm cách mạng gần gũi thân thiết và chân thành ; nét hiện đại là sự uyển chuyển đa nghĩa , sự biến hóa linh hoạt.</p> <p>+ Ngôn ngữ: Thuần việt, bình dị, trong sáng mà giàu sức gợi cảm, nhuần nhị và tinh tế . Điệp từ “ nhớ” lặp lại nhiều lần trong đoạn thơ như một sự nối dài của dòng hoài niệm không dứt , các phép tu từ hoán dụ, ẩn dụ, đảo ngữ</p> <p>+ Nhạc điệu: Trong bài thơ là nhạc điệu dân tộc với thể thơ lục bát được tác giả sử dụng sáng tạo trong việc ngắt nhịp, gieo vần và liên kết giữa các dòng thơ.</p> <p>3. Kết bài</p> <p>- Tất cả hòa quyện vào nhau trong nỗi nhớ về VB của người ra đi. Cùng với giọng điệu tâm tình ngọt ngào, ngôn ngữ trữ tình, chính trị đã tạo nên sức hấp dẫn riêng của bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng. Qua đó ta thấy được tình cảm sâu sắc, tha thiết của Tố Hữu dành cho thiên nhiên và con người nơi Việt Bắc</p> <p>- Việt Bắc là bài thơ hay của Tố Hữu. Bởi lẽ, tác giả đã thể hiện sự tài hoa của mình trên nhiều phương diện của sáng tạo nghệ thuật. Thành công của thi nhân trong đoạn thơ trên là đã thể hiện được tính dân tộc kết hợp với tính hiện đại trong một tâm hồn lớn – tâm hồn cách mạng</p>
--	--